

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ
đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 6 năm 2021

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



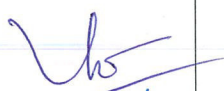
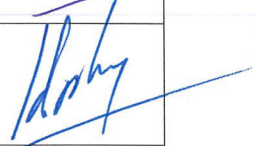
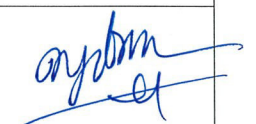
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

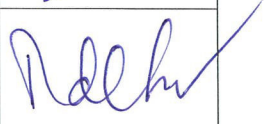
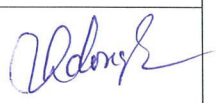
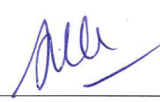
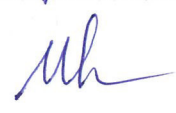
**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ
đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thừa Thiên Huế, tháng 6 năm 2021

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 457/QĐ-ĐHNL ngày 03/6/2020 và
 Quyết định số 1241/QĐ-ĐHNL ngày 31/12/2020 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế)

TT	Họ và tên	Chức danh, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Thanh Đức	PGS.TS, GVCC, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Hoàng Thị Thái Hòa	GS.TS, GVCC, Phó trưởng khoa, phụ trách Khoa Nông học	Phó chủ tịch thường trực HĐ	
3	Lê Đình Phùng	GS.TS, GVCC, Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch HĐ	
4	Phan Thị Phương Nhi	PGS.TS, GVCC, Phó trưởng khoa Nông học	Thư ký HĐ	
5	Khương Anh Sơn	TS, GVC, Phụ trách Phòng KT,BĐCLGD,TT&PC	Thành viên TT	
6	Nguyễn Văn Đức	TS, GVC, Trưởng phòng Đào tạo và CTSV	Thành viên	
7	Trần Đăng Hòa	GS.TS, GVCC, Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
8	Dương Văn Thành	ThS, GV, Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính và Cơ sở vật chất	Thành viên	
9	Phạm Hữu Ty	TS, GV, Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế và Thông tin thư viện	Thành viên	
10	Nguyễn Đăng Nhật	ThS, GVC, Phó trưởng phòng Tổ chức, Hành chính và Cơ sở vật chất	Thành viên	
11	Châu Võ Trung Thông	ThS, GV, Phòng KT,BĐCLGD,TT&PC	Thành viên	

TT	Họ và tên	Chức danh, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
12	Hoàng Thị Ngọc Vân	ThS, KTT, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
13	Trịnh Thị Sen	TS, GVC, Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên	
14	Nguyễn Đình Thi	PGS.TS, GVCC, Trưởng Bộ môn Nông nghiệp CNC	Thành viên	
15	Trần Thị Hoàng Đông	TS, GVC, Trưởng Bộ môn Bảo vệ thực vật	Thành viên	
16	Trần Minh Quang	ThS, GV, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và dịch vụ nông nghiệp	Thành viên	
17	Nguyễn Quang Cơ	TS, GV, Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên	
18	Nguyễn Trung Hải	TS, GVC, Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên	
19	Trần Thị Ánh Tuyết	ThS, GV, Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên	
20	Nguyễn Thị Hoài	ThS, GV, Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên	
21	Nguyễn Vĩnh Trường	PGS.TS, GVCC, Bộ môn Bảo vệ thực vật	Thành viên	
22	Trần Thị Xuân Phương	TS, GV, Bộ môn Bảo vệ thực vật	Thành viên	
23	Phùng Lan Ngọc	ThS, GV, Bộ môn Nông nghiệp công nghệ cao	Thành viên	
24	Nguyễn Thị Dung	ThS, CV, Trợ lý giáo vụ Khoa Nông học	Thành viên	
25	Tạ Đình Tâm	Sinh viên Khóa 52, Ngành Khoa học cây trồng	Thành viên	

Danh sách gồm có 25 thành viên./.

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	7
1.1. Đặt vấn đề.....	7
1.2. Tổng quan chung.....	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	18
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1	18
Tiêu chí 1.2.	22
Tiêu chí 1.3.	25
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	27
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	28
Mở đầu	28
Tiêu chí 2.1.	29
Tiêu chí 2.2.	30
Tiêu chí 2.3.	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	34
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 3.1.	35
Tiêu chí 3.2.	37
Tiêu chí 3.3.	40
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	43
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 4.1.	44
Tiêu chí 4.2.	46
Tiêu chí 4.3.	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	53
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	53
Mở đầu	53

Tiêu chí 5.1.	54
Tiêu chí 5.2.	56
Tiêu chí 5.3.	59
Tiêu chí 5.4.	62
Tiêu chí 5.5.	63
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	65
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 6.1.	66
Tiêu chí 6.2.	69
Tiêu chí 6.3.	72
Tiêu chí 6.4.	75
Tiêu chí 6.5.	79
Tiêu chí 6.6.	81
Tiêu chí 6.7.	84
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	86
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	87
Mở đầu	87
Tiêu chí 7.1.	87
Tiêu chí 7.2.	90
Tiêu chí 7.3.	92
Tiêu chí 7.4.	93
Tiêu chí 7.5.	95
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	96
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	97
Mở đầu	97
Tiêu chí 8.1.	97
Tiêu chí 8.2.	100
Tiêu chí 8.3.	102
Tiêu chí 8.4.	105
Tiêu chí 8.5.	108
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	110
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	111
Mở đầu	111

Tiêu chí 9.1.	111
Tiêu chí 9.2.	113
Tiêu chí 9.3.	115
Tiêu chí 9.4.	118
Tiêu chí 9.5.	121
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	123
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	123
Mở đầu	123
Tiêu chí 10.1.	124
Tiêu chí 10.2.	127
Tiêu chí 10.3.	129
Tiêu chí 10.4.	132
Tiêu chí 10.5.	137
Tiêu chí 10.6.	141
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	143
Mở đầu	144
Tiêu chí 11.1.	145
Tiêu chí 11.2.	147
Tiêu chí 11.3.	149
Tiêu chí 11.4.	150
Tiêu chí 11.5.	153
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	156
PHẦN III. KẾT LUẬN	157
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ.....	159
PHẦN IV. PHỤ LỤC.....	162
Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng CTĐT	
Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách	
Kế hoạch tự đánh giá	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Association of Southeast Asia Nations (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
AUN-QA	ASEAN Universities Network - Quality Assurance (Đảm bảo chất lượng mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á)
BCH	Ban chấp hành
BGH	Ban Giám hiệu
Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BVTV	Bảo vệ thực vật
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CLĐT	Chất lượng đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDH	Chương trình dạy học
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cổ vấn học tập
DC	Dùng chung
ĐHH	Đại học Huế
ĐHNL	Đại học Nông Lâm
KH, HTQT &TTTV	Khoa học, hợp tác quốc tế và Thông tin thư viện
ĐT&CTSV	Đào tạo và Công tác sinh viên

GDĐT	Giáo dục Đào tạo
GDĐH	Giáo dục Đại học
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
GVCC	Giảng viên cao cấp
HSSV	Học sinh - Sinh viên
HSV	Hội sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KHCT	Khoa học cây trồng
KHĐ	Khoa học đất
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KHCN	Khoa học công nghệ
KS	Kỹ sư
KT, BĐCLGD, TT&PC	Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTX	Ký túc xá
KTXH	Kinh tế - xã hội
LĐ	Lao động
LĐHĐ	Lao động hợp đồng
LT	Liên thông
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCPT	Nghiên cứu phát triển
NCS	Nghiên cứu sinh
NCV	Nghiên cứu viên
NNCNC	Nông nghiệp công nghệ cao
NQ	Nghị quyết

PGS	Phó Giáo sư
POHE	Professional Oriented Higher Education (Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp)
PTH	Phòng thực hành
PTN	Phòng thí nghiệm
QĐ	Quyết định
RHQ&CQ	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan
SĐH	Sau đại học
SV	Sinh viên
TB	Thông báo
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TDTT	Thể dục thể thao
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TN	Thanh niên
TS	Tiến sĩ
TT	Thông tư
TT-TV	Thông tin - Thư viện
UBND	Ủy ban nhân dân
VLVH	Vừa làm vừa học

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng một vai trò quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành Khoa học cây trồng (KHCT) nói riêng, của Khoa Nông học và Nhà trường nói chung. Trước xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực sản xuất cây trồng trong cuộc cách mạng 4.0, việc thường xuyên cải thiện chất lượng CTĐT là yếu tố sống còn của một ngành đào tạo. Trong nhiều năm qua, Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL), Đại học Huế (ĐHH) với sự hợp tác của các chương trình Quốc tế NUFIC, POHE đã thường xuyên quan tâm để nâng cao chất lượng CTĐT. Trên cơ sở các kết quả thu được và thực trạng về chất lượng CTĐT ngành Khoa học cây trồng (KHCT), Trường ĐHNL tự nguyện đăng ký tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành KHCT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT, theo các công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 và 1669/KTKĐCLGD-KĐĐ ngày 31/12/2019 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành KHCT của Trường ĐHNL sẽ giúp Nhà trường, Khoa Nông học tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT góp phần xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn, là điều kiện cần thiết để Trường ĐHNL đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai việc tự đánh giá CTĐT, ngành KHCT của Trường ĐHNL căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GDĐT (theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT. Để có được báo cáo này, Trường ĐHNL đã tổ chức các nhóm viết các tiêu chí thuộc các tiêu chuẩn khác nhau. Trưởng khoa, Phó trưởng khoa là những người tổ chức, đề xuất nhân sự tham gia đánh giá dựa trên yêu cầu của Nhà trường. Các trưởng nhóm đánh giá

là Ban chủ nhiệm khoa, các Trưởng Bộ môn. Thành viên bao gồm các giảng viên (GV), cán bộ trong khoa và các phòng ban liên quan nhằm thu thập minh chứng phù hợp. Báo cáo tự đánh giá này được chia làm các phần là Phần 1: Khái quát; Phần 2: Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn; Phần 3: Kết luận; và Phần 4: Phụ lục.

1.1.1. Mục đích tự đánh giá

- Đảm bảo chất lượng CTĐT của ngành KHCT, Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH.
- Nâng cao chất lượng CTĐT ngành KHCT thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá.
- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KHCT.
- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

1.1.2. Phạm vi tự đánh giá

Khoa Nông học tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT với 01 ngành của Khoa là ngành KHCT qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2016 đến năm 2020).

1.1.3. Công cụ đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT của ngành KHCT được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí (theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GDĐT) bao gồm: nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ giảng viên, (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra. Ở mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu

chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

1.1.4. Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT của ngành KHCT, Trường ĐHNL, ĐHH được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH (ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí, tiến hành việc tự đánh giá theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục.
- Lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

1.1.5. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá (TĐG)

Bước 2: Tập huấn nâng cao năng lực cho Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách

Bước 3: Lập kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác

Bước 4: Phân tích tiêu chí, định hướng tìm kiếm minh chứng (MC); thu thập thông MC.

Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được

Bước 6: Viết báo cáo TĐG

Bước 7: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG

Bước 8: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG

1.1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và MC (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef** hoặc **Hn.ab.cd.ef DC**. Trong đó:

H: viết tắt “Hộp MC”

n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến 11

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí

DC: dùng chung

Ví dụ:

H1.01.01.01 là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H11.11.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 11, được đặt ở hộp 11.

H1.01.01.01 DC là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1 DC cho các tiêu chí khác nếu xuất hiện.

1.1.7. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá và Ban thư ký Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 457/QĐ-ĐHNL ngày 03 tháng 6 năm 2020 và được kiện toàn lại theo Quyết định 1241/QĐ-ĐHNL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL. Hội đồng gồm có 25 thành viên; Ban thư ký gồm 25 thành viên và được chia thành 8 nhóm chuyên trách.

1.1.8. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KHCT được thành lập theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHNL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNL, gồm: Ban Giám hiệu, các CBGV của Khoa Nông học, các CB phòng, ban, trung tâm trong trường. Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng, tổ trực thuộc cung cấp minh chứng. Bên cạnh đó sự phản hồi của SV, các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa Nông học tiến hành viết báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KHCT.

1.2. Tổng quan chung

Trường ĐHNL, ĐHH tiền thân là Trường Đại học Nông nghiệp II trực thuộc Bộ Nông nghiệp, được thành lập vào ngày 14 tháng 8 năm 1967 tại tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang) theo Quyết định số 124/CP của Hội đồng Chính phủ “căn cứ nhu cầu của Nhà nước về đào tạo cán bộ ngành Nông nghiệp có trình độ đại học” hiện thực hóa tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đảng lần thứ III (1960) “chuẩn bị một lực lượng xây dựng cho miền Nam sau khi giải phóng”.

Lúc mới thành lập, Trường có 2 khoa bao gồm Trồng trọt (hiện nay là Khoa Nông học) và Chăn nuôi - Thú y. Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, xuất phát từ mục tiêu đặt ra từ ngày thành lập trường là “Trường Đại học Nông nghiệp cho miền Trung và Tây Nguyên”, Chính phủ đã ra Quyết định 213/CP ngày 5 tháng 8 năm 1983 về chuyển Trường Đại học Nông nghiệp 2 ở Hà Bắc vào thành phố Huế sáp nhập với Trường Cao đẳng Nông Lâm nghiệp Huế thành Trường Đại học Nông nghiệp II Huế. Ngày 4 tháng 4 năm 1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định 30/1994/NĐ-CP về thành lập ĐHH trên cơ sở sáp nhập các trường đại học đã có tại thành phố Huế và trường Cao đẳng Nghệ thuật Huế. Trường Đại học Nông nghiệp II Huế trở thành trường đại học thành viên của ĐHH với tên gọi là Trường ĐHNL.

Trường ĐHNL, ĐHH có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

Mục tiêu tổng quát của Trường là đến năm 2020 như sau: Trường ĐHNL, ĐHH là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Để đạt được mục tiêu này, trường đề ra một số mục tiêu phát triển cụ thể như sau: 1) Ổn định quy mô đào tạo là 10.000 người học, trong đó tỷ lệ sau đại học chiếm ít nhất là 30%, có ít nhất 3 CTĐT chất lượng cao; 2) Bảo đảm trên 50% cán bộ giảng dạy có trình độ TS; 100% CBQL và cán bộ phục vụ được đào tạo chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ; 3) 100% GV tham gia NCKH; 80% GV hàng năm có bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; 4) 100% các Khoa có chương trình hợp tác quốc tế; 40% GV có tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế; 5) Hoàn thiện hệ thống CSVC đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ; 6) Tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học - công nghệ và đào tạo; tiến đến tự chủ và cân đối tài chính.

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNL, ĐHH là đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khỏe tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế. Cụ thể: 1) Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, dân chủ, công khai, minh bạch và thân thiện hướng tới người học, lấy đảm bảo chất lượng và trách nhiệm giải trình làm nền tảng phát triển, đào tạo phù hợp chuẩn đầu ra theo yêu cầu của xã hội; 2) Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với NCKH, lý thuyết gắn với thực hành: tạo điều kiện cho

người học thực hành, thực tập và NCKH nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần vượt khó, ý thức lập thân, lập nghiệp và tinh thần sẵn sàng nhận nhiệm vụ; 3) Phát triển thể chất và tinh thần của người học: tạo điều kiện cho người học rèn luyện sức khỏe, văn hóa văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng, phát triển kỹ năng sống; 4) Gắn kết với địa phương qua việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển kinh tế xã hội các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên; hợp lực cùng hệ thống quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và cựu SV xác định nhu cầu đào tạo, tìm môi trường thực tế nghề nghiệp và vị trí việc làm cho người học.

Khoa Nông học, tiền thân là khoa Trồng trọt được thành lập cùng với thành lập trường, vào năm 1967. Hiện nay, Khoa Nông học có 3 bộ môn và 1 Trung tâm bao gồm: Bộ môn KHCT; Bộ môn Nông nghiệp Công nghệ cao; Bộ môn Bảo vệ thực vật và Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ Nông nghiệp. Khoa có 46 cán bộ giáo viên, trong đó có 01 giáo sư, 06 phó giáo sư, 12 tiến sĩ, 06 nghiên cứu sinh, 17 thạc sĩ, 01 kỹ sư, 03 nhân viên kỹ thuật. Ngoài ra, Khoa còn có 3 GV kiêm nhiệm với 01 Giáo sư (GS), 01 Phó giáo sư (PGS) và 01 tiến sĩ (TS). Bộ môn KHCT, thuộc Khoa Nông học được thành lập ngay từ đầu khi thành lập trường và thành lập khoa. Hiện nay, bộ môn có 15 CBGV, trong đó có 12 GV, 1 kỹ sư, 2 GV kiêm NCV, với chức danh và học vị bao gồm 01 GS, 02 PGS, 07 TS, 02 NCS, 04 thạc sĩ, 01 kỹ sư.

Về đào tạo cao đẳng, Khoa Nông học được phép đào tạo ở bậc cao đẳng đối với 01 ngành Trồng trọt (KHCT).

Về đào tạo đại học (ĐTĐH), Khoa Nông học được phép đào tạo ở bậc đại học gồm 7 ngành và 1 chuyên ngành. Bao gồm: 1) KHCT: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy, liên thông và hệ vừa học vừa làm; 2) Bảo vệ thực vật: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm; 3) Nông học: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy và hệ vừa học vừa làm; 4) Công nghệ Rau-Hoa-Quả và Cảnh Quan: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy; 5) Khoa học đất: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy; 6) Sinh học ứng dụng: Đào tạo cử nhân hệ đại học chính quy; 7) Nông nghiệp công nghệ cao: Đào tạo kỹ sư hệ đại học chính quy và 8) Chuyên ngành Công nghệ sản xuất và Chọn tạo giống cây trồng thuộc ngành Khoa học cây trồng. Ngoài ra, Khoa Nông học được phép đào tạo ở bậc liên thông cao đẳng lên đại học gồm 1 ngành KHCT.

Về đào tạo sau đại học (ĐTSDH), Khoa Nông học hiện thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ của hai ngành là KHCT và Bảo vệ thực vật ở bậc thạc sĩ (ThS) và TS. Khoa Nông học đã và đang đào tạo 54 khóa SV đại học ngành KHCT (trước đây là trồng trọt), 26 khóa thạc sĩ Khoa học cây trồng. Hiện nay, khoa đang quản lý 400 SV đại học, quy mô tuyển sinh hàng năm 200 SV cho 5 ngành ĐTĐH, hàng năm có từ 40 – 50 học viên cao học, 5 -10 NCS.

Về NCKH, đã có trên 500 công trình đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Trong 50 năm qua, Khoa Nông học đã thực hiện hàng trăm đề tài cấp trường, cấp ĐHH, cấp bộ, Nafosted, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh quản lý (Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An, và các tỉnh Tây Nguyên), và đã triển khai nghiên cứu thành công hàng chục đề tài cấp nhà nước, đề tài nhánh cấp nhà nước, nghị định thư. Nhiều công trình nghiên cứu đạt giải cao trong Hội thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế và sáng tạo Khoa học công nghệ cấp Quốc Gia (VIFOTEC).

Khoa Nông học có hệ thống PTN đầy đủ cho thực hiện các học phần thực tập môn học, thực hiện các đề tài tốt nghiệp, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu gồm có PTN: Cây trồng, Nông nghiệp công nghệ cao, Bệnh cây, Côn trùng, Cỏ dại, Bảo vệ thực vật, Công nghệ sinh học và sinh học phân tử, Vi sinh, Sinh lý sinh hóa thực vật, Nông hóa thổ nhưỡng. Bên cạnh đó, Khoa Nông học hiện có phòng nghiên cứu về khí thải nhà kính được đầu tư của các dự án quốc tế. Ngoài ra, hệ thống nhà kính, nhà lưới, vườn thí nghiệm, Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ Nông nghiệp của khoa, của trường là nơi để cán bộ giáo viên và SV các ngành trong khoa triển khai các nghiên cứu của mình trên thực tế.

Bộ môn KHCT, có nhiệm vụ phụ trách chuyên môn ngành đào tạo KHCT. Hiện nay, Bộ môn KHCT có 15 cán bộ giáo viên cơ hữu và kiêm nhiệm. Bộ môn phụ trách các học phần liên quan đến thực tập nghề nghiệp, các học phần về sản xuất cây trồng, đất, phân bón, canh tác, phương pháp tưới tiêu,...

1.2.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo KHCT

1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo của ngành KHCT của Khoa Nông học được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHNL, được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHNL, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT là đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật về lĩnh vực KHCT có

kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Chuẩn đầu ra (CĐR) của ngành KHCT được xây dựng dựa trên yêu cầu nghề nghiệp của kỹ sư ngành KHCT, điều kiện GV, SV và CSVN hiện có của Khoa và Nhà trường, cũng như sự tham gia đào tạo của các doanh nghiệp. CĐR ngành KHCT được cụ thể hóa dựa vào CĐR của Bộ GDĐT bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR về kiến thức bao gồm kiến thức chung về an ninh quốc phòng, tư tưởng đạo đức, và giáo dục thể chất, ngoại ngữ, tin học phù hợp; chuẩn về khối kiến thức theo lĩnh vực, theo ngành và kiến thức riêng về nghề nghiệp cũng như kiến thức bổ trợ khác; Chuẩn về kỹ năng bao gồm các kỹ năng tư duy, kỹ năng về nghề nghiệp, kỹ năng mềm; Chuẩn về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm bao gồm các năng lực để khởi nghiệp, năng lực tổ chức, tự học, lập kế hoạch, đánh giá và năng lực tự chịu trách nhiệm.

2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần của ngành KHCT đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, GV, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cấu trúc CTDH phù hợp với mục đích đào tạo ngành KHCT, được thiết kế dựa trên CĐR đã được công bố. Mỗi học phần trong CTĐT đều có CĐR để người dạy, người học và người đánh giá thực hiện. CTDH ngành KHCT có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm được thiết kế cân đối, hợp lý, logic và chặt chẽ trong từng học phần.

4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Các phương pháp tiếp cận và sử dụng trong hoạt động dạy và học các học phần của ngành KHCT được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Phương pháp giảng dạy đảm bảo tích hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá kết quả người học được thực hiện dựa trên nhiều phương pháp đánh giá khác nhau phù hợp với CDR của các học phần cấu trúc nên CTĐT. Có sự kết hợp giữa đánh giá chuyên cần, quá trình và tổng hợp các kiến thức.

6) Chất lượng đội ngũ giảng viên

Đội ngũ GV luôn được quan tâm đào tạo để đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy về chất lượng. Số lượng GV trên số lượng SV tuân theo quy định của Bộ GDĐT. Hiện nay, các GV tham gia giảng dạy đại học đều có học vị thạc sĩ trở lên.

7) Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ hỗ trợ là những cán bộ làm việc tại các phòng chức năng, các trung tâm nghiên cứu, thư viện,... đóng một vai trò quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo kỹ sư KHCT theo CDR đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đội ngũ này đủ để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phần lớn SV ngành KHCT xuất thân từ vùng nông thôn, nên chịu khó và dễ dàng thích ứng với điều kiện học tập và thực tập nghề nghiệp. Các SV luôn được tư vấn, hỗ trợ từ các tổ chức chính trị, xã hội trong Nhà trường như Hội SV, Đoàn thanh niên cấp trường, cấp khoa. Bên cạnh đó, các CLB, các đội nhóm góp phần đào tạo các kỹ năng mềm cho SV. Hàng năm, đều có các cuộc họp đối thoại SV với trưởng khoa, SV với hiệu trưởng để giải đáp các thắc mắc và định hướng cho SV.

9) CSVC và trang thiết bị

Phòng làm việc của Khoa Nông học, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được trang bị cơ bản các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH, hướng dẫn SV thực hành và cập nhật thông tin đào tạo cho SV. Cán bộ, GV, SV của Khoa Nông học được học tập và làm việc trong môi trường an toàn, và thân thiện. Bên cạnh đó, một số SV ngành KHCT còn có điều kiện đi thực hiện các học phần thực tập nghề nghiệp tại các nước có nền nông nghiệp tiên tiến.

10) Nâng cao chất lượng

Để nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Nông học và Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt giữa CVHT với SV, khoa với SV, Nhà trường với SV. Bên cạnh đó, các cơ quan doanh nghiệp cũng tham gia trong công tác nâng cao chất lượng thông qua các cuộc họp sau khi tham gia tuyển dụng SV hàng năm.

11) Kết quả đầu ra

Căn cứ quy chế đào tạo của Nhà trường, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành KHCT được thống kê trong báo cáo tổng kết năm học hàng năm. Kết quả điều tra việc làm của người học sau khi tốt nghiệp đã được thực hiện và cho thấy tỷ lệ SV ra trường có việc làm cao.

1.2.2. Tóm tắt những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành KHCT

1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CTĐR của ngành KHCT mới được rà soát, điều chỉnh năm 2017, chưa có SV ra trường theo CTĐT này để đánh giá và điều chỉnh.

2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành KHCT mặc dù đã được công bố công khai nhưng vẫn còn ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho rằng việc tiếp cận bản mô tả chưa thực sự dễ dàng. Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành KHCT còn thiếu tính cập nhật ở phần học liệu.

3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH là một khái niệm mới, nên chất lượng của các ý kiến khảo sát của các bên liên quan về cấu trúc, chất lượng CTDH chưa thực sự cao.

4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Hoạt động lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục ngành KHCT chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác đổi mới và cải tiến phương pháp dạy và học cấp Bộ môn, Khoa thông qua các hội nghị, hội thảo còn hạn chế. SV năm thứ nhất chưa thực sự thích nghi với phương pháp dạy và học theo lối tự học và tự nghiên cứu.

5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa thực sự có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá đề sát nhất với năng lực thực sự của SV.

6) Chất lượng đội ngũ giảng viên

Học hàm, học vị của GV tăng, nhưng một số trường hợp GV được đào tạo chưa đúng với chuyên ngành đảm nhận.

7) Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ vẫn có nhiều khó khăn và đặc biệt chưa có nhiều đầu tư cho phát triển các kỹ năng cần thiết. Trong các ý kiến phản hồi của người học, một số cán bộ hỗ trợ vẫn chưa hướng dẫn thỏa đáng cho SV.

8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Người học vẫn còn thụ động, các công cụ hỗ trợ cần thiết chưa thực sự đầy đủ.

9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Các phòng học nhìn chung đáp ứng. Tuy nhiên, một số trang thiết bị tại các PTN còn thiếu và chưa được bổ sung mới thường xuyên; các trung tâm phục vụ thực tập còn thiếu kinh phí cho việc nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị.

10) Nâng cao chất lượng

Số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu người học phục vụ cho công tác đánh giá và nâng cao chất lượng CTĐT ngành KHCT còn ít; Hệ thống tra cứu tại các phòng đọc chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu truy cập của bạn đọc. Bên cạnh đó chưa thực sự có nhiều đầu tư cho nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

11) Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời gian còn chưa cao trong một số năm gần đây.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Khoa Nông học - Trường ĐHNL, ĐHH là một trong những cơ sở đào tạo hàng đầu về lĩnh vực KHCT nói chung và các chuyên ngành cụ thể trong KHCT nói riêng, Khoa có đội ngũ GV, cán bộ khoa học trình độ cao. CTĐT ngành KHCT được xây dựng trên cơ sở quy định của BGDĐT, tham khảo các ý kiến chuyên gia, điều tra nhu cầu của thị trường lao động do đó thể hiện rất rõ được CĐR dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CĐR liên quan tới kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực các mục tiêu và CĐR phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 1967 đến nay, Khoa Nông học đã và đang tổ chức đào tạo CTĐT kỹ sư ngành KHCT hệ chính quy; từ năm 2007, chương trình đào tạo ngành KHCT được hoàn thiện và phát triển theo định hướng giáo dục nghề nghiệp và đã được điều chỉnh vào năm 2012 và năm 2017 [H1.01.01.01], [H1.01.01.04 DC], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT kỹ sư ngành KHCT được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ Đại học [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04 DC], [H1.01.01.05]. Cụ thể là đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học kiến thức và kỹ năng về ngành KHCT; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ KHCT. Đến năm 2020, mục tiêu chương trình đào tạo ngành KHCT được cập nhật theo ND 99 cụ thể như sau: “Đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật về lĩnh vực KHCT có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có năng lực nghiên cứu và phát triển ứng

dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.12 DC].

Mục tiêu của CTĐT kỹ sư ngành KHCT được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục Đại học quy định tại Luật GDĐH và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đến 2030 của Trường ĐHNL. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHNL đã đề cập tới việc đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04 DC], [H1.01.01.01.05]. [H1.01.01.01.06].

Toàn bộ cán bộ, GV trong Khoa đã tích cực tham gia rà soát, điều chỉnh, xây dựng CTĐT, biên soạn đề cương học phần theo CDR trong các năm 2012 và 2017. Đến 2020, khoa tiếp tục tiến hành cập nhật khung chương trình đào tạo ngành KHCT theo nghị định 99. Khi xây dựng chương trình các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các GV trực thuộc các bộ môn của Khoa Nông học và các khoa khác, có sự tham gia của cựu SV và các nhà tuyển dụng. Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa đã phụ trách việc phản biện và thẩm định CTĐT [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09] [H1.01.01.13].

Mục tiêu của CTĐT ngành KHCT phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ Đại học quy định tại Điều 5, Chương 1 Luật Giáo dục ĐH năm 2012 như sau: Mục tiêu chung của Giáo dục Đại học là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu Khoa học, công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế [H1.01.01.06]. Đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển của trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.06]. Mục tiêu đào tạo cũng được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Trên cơ sở này, hàng năm, Khoa Nông học tổ chức tổng kết và xây dựng kế hoạch đào tạo và nghiên cứu Khoa học [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

Như vậy, với mục tiêu đào tạo kỹ sư KHCT có trình độ chuyên sâu và đáp ứng thị trường lao động, hướng tới đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực trong tương lai. CTĐT kỹ sư ngành KHCT đã cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHNL, ĐHH. Bảng 1.1. dưới đây thể hiện mối quan hệ giữa nội dung của CTĐT, với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu CTĐT ngành KHCT

Bảng 1.1. Mối quan hệ giữa nội dung của CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu CTĐT ngành KHCT

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT của Trường	Mục tiêu CTĐT ngành KHCT
<i>Sứ mạng:</i> Sứ mạng Trường ĐHNL, ĐHH là đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, sản phẩm khoa học – công nghệ tiên tiến, hiệu quả nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập và phát triển. <i>Tầm nhìn:</i> Đến năm 2030, Trường ĐHNL, ĐHH là Trường đại học theo định hướng nghiên cứu, là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển	<i>Mục tiêu:</i> Xây dựng Trường ĐHNL, ĐHH trở thành Trường ĐHNL trọng điểm quốc gia, trung tâm đào tạo, khoa học – công nghệ chất lượng cao về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; Đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có đủ kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, chủ động thích ứng với môi trường làm việc hội nhập quốc tế năng động.	<i>Mục tiêu:</i> Đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học kiến thức và kỹ năng về ngành: KHCT; có thái độ lao động nghiêm túc và có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc sản xuất và dịch vụ KHCT. <i>Tổng khối lượng kiến thức ngành KHCT:</i> 128 Tín chỉ <i>Kiến thức chung của ngành:</i> Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành. <i>Năng lực của người học:</i> Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về KHCT; Có sáng kiến trong quá trình thực

Sứ mạng – Tầm nhìn trường	Mục tiêu CTĐT của Trường	Mục tiêu CTĐT ngành KHCT
nông thôn của cả nước.		hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Khoa học cây trồng. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật về KHCT; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động KHCT ở quy mô trung bình. Ý thức trách nhiệm với công việc, với bản thân và tập thể. Chịu khó học hỏi, cần cù nghiêm túc và trung thực trong công việc, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

Mục tiêu của CTĐT ngành KHCT đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động thông qua việc tiếp thu các ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Cụ thể, những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học được kỳ vọng tiếp thu và thể hiện thành công sau khi tốt nghiệp đã được xác định bằng cách khảo sát thị trường lao động và lấy ý kiến chuyên gia. Việc khảo sát thị trường lao động được tiến hành thông qua khảo sát các nguồn thông tin phản hồi của các cơ quan tuyển dụng, của người học được thể hiện trong các hội thảo, cuộc họp, các cuộc tiếp xúc cá nhân, thông tin phản hồi của người học trong các đợt lấy ý kiến. Điều này được thể hiện cụ thể trong quá trình xây dựng CTĐT ngành KHCT [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT kỹ sư ngành KHCT đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và nhu cầu của thị trường lao động.

Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Khoa Nông học đã quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

3. Điểm tồn tại

Không

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu đào tạo thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Thực hiện theo lộ trình, chu kỳ rõ ràng	Khoa và Bộ môn	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Đề CDR đáp ứng hơn với yêu cầu thực tiễn và khung CTĐT, Khoa Nông học, Trường ĐHNH đã tổ chức thực hiện điều chỉnh và công bố CDR theo đúng quy trình của BGDĐT, ĐHH và Trường ĐHNH [H1.01.01.05 DC].

CDR của CTĐT ngành KHCT được mô tả rõ ràng trong khung CTĐT tín chỉ ngành KHCT và được ban hành vào năm 2010 và năm 2012, 2017 và cập nhật mới nhất là năm 2020, phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường với thế mạnh đào tạo chuyên sâu về nông nghiệp nói chung và KHCT nói riêng [H1.01.01.05 DC]. Các chuẩn này được thể hiện thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: Kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Theo đó, CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định được mục tiêu của quá trình giảng dạy và học tập và các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy.

CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi tới các cán bộ GV và người học, nhà sử dụng lao động thông qua Website của Nhà trường [H1.01.02.01 DC], sổ tay SV, tờ rơi, quảng cáo.

CĐR của CTĐT kỹ sư ngành KHCT bao quát được cả các yêu cầu chung và những yêu cầu đặc biệt về chuẩn kiến thức và chuẩn kỹ năng mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể:

Về chuẩn kiến thức: CTĐT ngành KHCT hướng đến trang bị cho SV những kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết sâu rộng liên quan đến KHCT. Những kiến thức khoa học cơ bản như toán học, vật lý, hóa học, sinh học, tin học làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành KHCT. Các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành KHCT.

Về chuẩn kỹ năng: CTĐT ngành KHCT nhằm trang bị cho người học các kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng) và các kỹ năng mềm. Các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: CĐR cũng bao trùm được các năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ KHCT, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. CĐR cũng nhấn đến giúp người học có trách nhiệm với công việc, bản thân và tập thể, có thái độ yêu nghề và cầu tiến.

Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được thể hiện thông qua các CĐR của học phần và các đề cương đang được hoàn thiện theo cập nhật khung chương trình theo ND 99 [H1.01.02.02]. Nói cách khác, mỗi CĐR riêng lẻ của học phần có căn cứ để xây dựng tổng thể CĐR của CTĐT. Điều này làm tăng tính khả thi của các CĐR cũng như lý giải được giá trị đo lường và đánh giá được CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Khung CTĐT ngành KHCT được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp ban đầu nhằm mục tiêu khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. Người học sẽ được trải nghiệm và tham gia vào các học phần từ khối kiến thức chung, cơ sở đến khối kiến thức ngành để thụ hưởng các kiến thức cơ bản của ngành. Để có thể thực

hiện được toàn bộ CTĐT này, người học được đòi hỏi không chỉ có năng lực học tập mà còn phải có năng lực nghiên cứu, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian,... và quan trọng hơn cả là năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ về KHCT. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong mỗi học phần thúc đẩy người học tìm hiểu nội dung học tập từ nhiều cách tiếp cận, từ đó phát triển nhu cầu học tập một cách tự giác cho người học.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT, SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, còn tồn tại một số SV ra trường không đúng hạn do không đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với phòng Đào và Công tác SV (ĐT&CTSV) tìm phương thức hiệu quả hơn trong việc trang bị đầy đủ các điều kiện về ngoại ngữ để SV có thể ra trường đúng hạn.	Khoa và Phòng ĐT&CTSV	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Yêu cầu các GV đánh giá, rà soát lại CĐR của từng học phần và hội đồng KHĐT Khoa đánh giá, rà soát và đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam.	Khoa và Bộ môn, GV, Hội đồng KHĐT	2021

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. *Mô tả hiện trạng*

Từ năm 2012 đến nay, CĐR của chương trình đã được chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình [H1.01.01.05 DC].

CĐR được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT uy tín như CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, ĐHNL Thái Nguyên, Đại học Cần Thơ,... [H1.01.03.01 DC], [H1.01.03.02 DC], [H1.01.03.03 DC]; đồng thời có sự tham gia của các chuyên gia cùng lĩnh vực trong và ngoài trường như Trường Đại học Sư phạm, Đại học Khoa học, ĐHH,... có sự tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía GV, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng [H1.01.03.04]. CĐR đã được hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu [H1.01.03.05] và được Trường ĐHNL phê chuẩn, ra quyết định thực hiện.

Trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR, Khoa Nông học đã tiếp thu ý kiến và kịp thời điều chỉnh CTĐT.

CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình đào tạo, đồng thời phản ánh được yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CĐR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp) [H1.01.03.06 DC] và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.02.02 DC]. Dựa trên CĐR đã nêu, CTĐT ngành KHCT hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho người học những năng lực được xã hội và các bên liên quan mong đợi về một kỹ sư ngành KHCT.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa đã khảo sát và thu thập ý kiến SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CĐR, cấu trúc CTĐT được dự kiến bởi các chuyên gia [H1.01.03.07 DC]. CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hóa quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của ngành học [H1.01.01.05 DC].

Ngoài ra, trong mỗi học kỳ, Trường ĐHNL đều lấy ý kiến đánh giá của SV đối với việc giảng dạy của GV theo mẫu chung của Nhà trường [H1.01.03.08 DC]. Kết quả thu được cho thấy phần lớn đều vượt mức điểm trung bình của trường [H1.01.03.08 DC]. Các ý kiến của SV về CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy của các học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc học phần là cơ sở quan trọng để Khoa có những điều chỉnh về nội dung và phương pháp giảng dạy nhằm tăng sự tương thích giữa CDR của mỗi học phần với kỳ vọng của người học.

Để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, năm 2015 và 2016, 2020, Khoa tổ chức lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng. Theo kết quả điều tra gần đây nhất, các nhà tuyển dụng trả lời là hài lòng với chất lượng đào tạo của ngành KHCT [H1.01.03.08 DC]. Các nhà tuyển dụng đều bày tỏ ý kiến đồng tình cao đối với những tiêu chí về kỹ năng nghề nghiệp của CTĐT đưa ra.

CTĐT được xây dựng hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, không chỉ có kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo mà còn được trang bị các kỹ năng thực hành theo yêu cầu của xã hội. Chương trình được thiết kế hướng đến CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp, qua đó đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Trường ĐHNL, ĐHH và những yêu cầu đặt ra của thị trường lao động. Căn cứ trên nhu cầu của xã hội và các bên liên quan, chương trình trọng tâm không chỉ đào tạo các kiến thức lý thuyết về ngành KHCT mà còn tập trung rèn luyện cho SV các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng hỗ trợ thiết yếu cho người học, người làm công tác trợ giúp và tư vấn/tham vấn. Đặc biệt, các nhà tuyển dụng đánh giá cao kiến thức chuyên môn của người học tốt nghiệp ngành KHCT cũng như khả năng vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn.

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành KHCT được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

Nhà trường đã thiết lập được kênh thông tin riêng như Website của Trường, Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV và cựu SV nhằm nắm bắt sự phản hồi của các bên liên quan để định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố.

3. Điểm tồn tại

Chưa đưa ra được kế hoạch định kỳ rà soát CĐR với các bên liên quan trong tương lai. Chưa thành lập Hội đồng cố vấn để lấy ý kiến CĐR theo nhiệm kỳ là 2 năm. Chưa định kỳ khảo sát chất lượng SV tốt nghiệp làm việc tại các cơ sở để nhận được phản hồi về CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Có kế hoạch định kỳ rà soát CĐR với các bên liên quan và có Hội đồng cố vấn theo nhiệm kỳ 2 năm. Thực hiện khảo sát định kỳ chất lượng SV tốt nghiệp làm việc tại các cơ sở để nhận được phản hồi về CĐR của CTĐT	Khoa và Phòng ĐT&CTSV	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa sẽ cùng Hội đồng KHĐT khoa làm việc với các các bên liên quan này để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CĐR của CTĐT, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt được kết quả mong đợi	Khoa và GV, Hội đồng KHĐT	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT kỹ sư ngành KHCT đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nghiên cứu KHCT. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV và CVHT và SV, qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. CĐR ngành KHCT được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng ngành cụ thể và từng học phần cụ thể.

Một số hạn chế của CĐR của CTĐT kỹ sư ngành KHCT được xác định: Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được thực hiện một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường, của ĐHH mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; Chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến CĐR theo từng năm học và từng ngành mà SV phải đạt tới.

Tiêu chuẩn 1 có 1 tiêu chí đạt 6/7 và 2 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT của Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT ngành học này, ban đầu được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GDĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trình độ đại học của thị trường lao động ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. CTĐT ngành KHCT được thiết kế một cách có hệ thống về chuẩn kiến thức và kỹ năng; có cấu trúc hợp lý và có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với các đối tượng người học và có tham khảo CTĐT ngành KHCT và những ngành đào tạo tương tự của các trường đại học khác trong nước và trong khu vực. Các học phần trong CTĐT đảm bảo tính logic, hợp lý và cân đối phù hợp với tổng thể. CTĐT ngành KHCT đã được Nhà trường định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên ý kiến tham vấn của Hội đồng KHĐT Khoa Nông học, nhà tuyển dụng lao động trình độ đại học lĩnh vực KHCT bao gồm các khối doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, SV và cựu SV. CTĐT ngành KHCT đã được xây dựng theo hướng liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đào tạo trong Nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc tích lũy kiến thức, kỹ năng của ngành học và ngành nghề mới để thích ứng tốt hơn với thế giới việc làm sau khi đủ điều kiện tốt nghiệp.

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT được tự đánh giá thông qua 03 tiêu chí cụ thể như sau:

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT đã có đủ đầy các nội dung cần thiết, bao gồm: tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khoá học; ma trận CĐR thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình gồm các CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; các bản mô tả chi tiết của từng học phần cụ thể [H2.02.01.01 DC], [H1.01.03.06 DC], [H2.02.01.04 DC]. Hiện nay, đang cập nhật khung chương trình đại học ngành KHCT theo NĐ99.

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT đã chứa đầy đủ các thông tin liên quan và cần thiết như tên cơ sở cấp bằng là Trường ĐHNL, ĐHH; tên gọi của văn bằng; tên; CĐR của chương trình; cấu trúc chương trình và các yêu cầu bao gồm trình độ, học phần, tổng số tín chỉ bắt buộc và tự chọn cần phải tích lũy; thời điểm thiết kế cũng như các thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.01 DC], [H1.01.03.06 DC].

Bản mô tả CTĐT đã được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan trong thời gian 5 năm gần đây, cụ thể là được cập nhật vào năm 2012 trên cơ sở chuyển từ CTĐT theo hệ thống niên chế sang hệ thông tín chỉ [H2.02.01.01]. Năm 2016 được Nhà trường điều chỉnh nội dung các học phần thay thế liên quan đến thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp [H2.02.01.02]. Năm 2017 tiếp tục được điều chỉnh cập nhật theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H1.01.03.06 DC], [H2.02.01.03 DC]. Đặc biệt ở lần cập nhật năm 2017, CTĐT đã xây dựng được ma trận CTĐT, thể hiện rõ sự đóng góp cũng như vai trò của từng học phần ở tất cả các khối kiến thức đến sự hình thành và phát triển các CĐR trong ma trận. Năm 2020, CTĐT tiếp tục được cập nhật theo NĐ99.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT được trình bày đầy đủ, rõ ràng và khoa học giúp cho người đọc dễ theo dõi và nắm bắt vấn đề.

Bản mô tả CTĐT đã được cập nhật thường xuyên, từ năm 2012 đến năm 2020, chương trình KHCT được cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp hơn và đáp ứng yêu cầu của xã hội và định hướng phát triển của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT đã được xây dựng và thể hiện thông qua ma trận CTĐT. Trong đó, mỗi học phần trong chương trình đã thể hiện rõ vai trò đóng góp trong ma trận CĐR của chương trình về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT còn khó theo dõi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát lại để bản mô tả được trình bày khoa học, ngắn gọn và dễ hiểu hơn.	Khoa Nông học	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật cho phù hợp hơn, đáp ứng yêu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Rà soát và phát huy hơn nữa ma trận CTĐT để đảm bảo được CĐR cho người học	Khoa Nông học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong bản mô tả CTĐT của ngành KHCT đã có đầy đủ đề cương các học phần bao gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn cho các phần khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H2.02.01.01 DC], [H1.01.03.06 DC].

Tất cả đề cương các học phần đều có đầy đủ thông tin như: Tên đơn vị quản lý chuyên môn của học phần và ký xác nhận của Trưởng đơn vị; Họ tên và học hàm học vị của những GV cơ hữu đảm nhận giảng dạy từng học phần; Tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh, mã số học phần, số tín chỉ; CĐR của học phần hay mục tiêu của học phần; Các yêu cầu của học phần như sự phân bổ thời gian,

điều kiện tiên quyết; Cấu trúc học phần với nội dung và thời lượng của từng bài học; Phương pháp dạy và học, các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả của người học theo hướng phát triển năng lực; Tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo, các tài liệu này đều được ghi chú chỉ rõ giúp người học biết nơi lưu trữ để có thể tham khảo, học tập. Đề cương các học phần đều được biên soạn theo mẫu quy định chung, thể hiện rõ việc đóng góp của học phần đó trong việc hình thành và phát triển CĐR. Các học phần trong bản mô tả CTĐT đa số có thời lượng 2 tín chỉ, nhiều học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành [H2.02.01.01 DC], [H1.01.03.06 DC].

Tất cả đề cương học phần đều được định kỳ bổ sung, thay thế, điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của CĐR thông qua ma trận CTĐT, đặc biệt lần cập nhật thông tin về nội dung các học phần mới nhất của ngành KHCT là năm 2017 được áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh 51 của Trường. Trong lần cập nhật năm 2017, ngành KHCT đã xây dựng và biên soạn mới đề cương một số học phần thực hành ở khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành để thuận tiện trong việc tổ chức thực hiện quá trình đào tạo [H2.02.01.01 DC]. Trong lần cập nhật mới nhất năm 2020, các đề cương môn học được thiết kế lại theo số tín chỉ điều chỉnh, CĐR cho từng đề cương và có các mức đánh giá năng lực.

2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần đều được đội ngũ GV biên soạn cẩn thận, công phu và đúng theo mẫu quy định của Nhà trường.

Đề cương các học phần được soạn trên cơ sở phát triển năng lực người học theo ma trận CĐR [H1.01.03.06 DC].

3. Điểm tồn tại

Một số học phần có khối lượng kiến thức chủ yếu là lý thuyết, chưa có nhiều tiết thực hành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát tổng thể đề cương các học phần, tăng số tiết thực hành	Khoa Nông học	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh nội dung đề cương học phần cho khoa	Khoa Nông học	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		học phù hợp hơn, đáp ứng yêu cầu xã hội và sự phát triển của lĩnh vực khoa học liên quan. Hướng đến ứng dụng công nghệ thông tin trong kết hợp đào tạo online		

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT cập nhật năm 2017 và cập nhật mới nhất vào năm 2020 đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản in của bản mô tả CTĐT được lưu trữ ở Phòng ĐT&CTSV, Khoa Nông học và Thư viện của Trường ĐHNL, ĐHH và các đơn vị này sẵn sàng cung cấp và chia sẻ thông tin cho các tổ chức, cá nhân quan tâm [H1.01.03.06 DC]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn được công khai trên trang Website của Nhà trường và trang Website của Khoa Nông học, do đó người học, GV và các đơn vị tuyển dụng có thể dễ dàng tiếp cận [H1.01.03.06 DC].

Tất cả các đề cương các học phần thuộc CTĐT cũng được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như bản in lưu trữ tại các đơn vị như trên [H1.01.03.06 DC] và công khai trên trang Website của Nhà trường và trang Website của Khoa Nông học [H2.02.03.02 DC].

Nhà trường và Khoa Nông học đã có các hình thức để giới thiệu, phổ biến và hướng dẫn người học sử dụng bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần thông qua website của trường và khoa [H1.01.03.06 DC], sổ tay SV [H2.02.03.02 DC], yêu cầu trong hồ sơ giảng dạy của GV [H2.02.03.05 DC].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV,... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT tạo ngành KHCT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất theo các kênh như đã trình bày ở trên. Đặc biệt đối với nhà tuyển dụng và các bên liên quan, bản mô tả CTĐT ngành KHCT và các đề cương môn học còn được cung cấp trực tiếp khi đơn vị có nhu cầu tham khảo chuyên môn được đào tạo của sinh viên trong quá trình tuyển dụng. Điều này được thể hiện qua bản xác nhận của các bên liên

quan khi Khoa và Nhà trường tiến hành lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học và cơ quan sử dụng lao động [H2.02.03.04 DC].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai trên nhiều kênh khác nhau.

Các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thuộc ngành KHCT.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần ngành KHCT chưa được công bố, giới thiệu sâu rộng đến tất cả các đơn vị sử dụng lao động trong lĩnh vực này, cũng như giới thiệu rộng rãi đến các đối tượng học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông để có định hướng rõ ràng và quyết định đăng ký theo học trên toàn quốc.

Đề cương các học phần ngành KHCT được biên soạn còn nặng về đào tạo truyền thống, cần có sự điều chỉnh phù hợp trước yêu cầu mới của xã hội và sự phát triển của công nghệ thông tin trong đào tạo online.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường quảng bá CTĐT ngành KHCT và phát triển mối quan hệ với doanh nghiệp trong lĩnh vực liên quan. Tăng cường quảng bá và giới thiệu, tư vấn tuyển sinh. Bổ sung phần đào tạo online ở những đề cương học phần chi tiết phù hợp.	Trường ĐHNL	Từ 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát triển các kênh và mối liên hệ để tiếp tục giới thiệu CTĐT ngành KHCT tới các bên liên quan trong xã hội.	Trường ĐHNL	Từ 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		Tận dụng tối đa hệ thống internet của Trường để cập nhật và đào tạo một phần theo phương thức online.		

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành KHCT của Trường ĐHNL, ĐHH với nội dung được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của xã hội, được công bố rộng rãi trong Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các kênh khác nhau. Tất cả đề cương chi tiết các học phần được trình bày đầy đủ rõ ràng với các chuẩn mực đầu ra về đạo đức, kiến thức, kỹ năng mà người học cần đạt được.

Đồng thời bản mô tả CTĐT luôn được được rà soát, điều chỉnh bổ sung nhằm đổi mới, cải tiến chương trình để khắc phục những mặt còn tồn tại, đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của xã hội.

Tiêu chuẩn 2: có 1 tiêu chí đạt 5/7 và 2 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành KHCT của Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH ban đầu được xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản do Bộ GDĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. CTDH ngành KHCT được thiết kế một cách có hệ thống về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ; có cấu trúc hợp lý và có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với đối tượng người học và có tham khảo các CTDH tương tự của các trường đại học khác trong nước. Các CTDH được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo ý kiến của Hội đồng KH&ĐT Khoa, nhà tuyển dụng, SV và cựu SV. Cấu trúc và nội dung chương trình được xây dựng theo hướng liên thông giữa các ngành, giữa các bậc đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc tích lũy kiến thức, kỹ năng và ngành nghề khác ngoài KHCT. Hiện nay, Khoa

Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH đã tổ chức đào tạo cho các bậc học ngành KHCT có thể liên thông từ bậc Cao đẳng, Đại học, ThS và TS.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại CTDH ngành KHCT của Khoa có các môn học cụ thể được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, khối lượng gồm 128 TC, các nhóm môn học gồm: các môn lý luận chính trị theo yêu cầu chung, môn cơ bản, các môn xã hội nhân văn – bổ trợ và thực tập nghề nghiệp, môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành, khóa luận và học phần thay thế [H1.01.03.06 DC].

Phần lớn các môn học trong CTĐT đại học ngành KHCT đều có tham khảo CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Đại học Cần Thơ. Trường đã tham khảo khung kiến thức đại học của các trường trên khi xây dựng chương trình KHCT [H1.01.03.06 DC].

Tất cả các môn học trong CTĐT mới mở được xây dựng theo các quy định tại thông tư 08/2011/TT-BGDĐT (trước đây), thông tư 07/2015/TT-BGDĐT (từ 2015 đến nay) của Bộ GDĐT. Tất cả các môn học trong CTĐT ngành KHCT đang triển khai đều có sự tham gia của các bên liên quan theo đúng quy định hiện hành của Bộ GDĐT, dựa trên điều tra khảo sát thể giới việc làm từ đó xây dựng chuẩn đầu ra, nội dung các môn học căn cứ chuẩn đầu ra để xây dựng [H1.01.01.05 DC].

Các môn học đều có đóng góp quan trọng về nội dung, đáp ứng các tiêu chí có trong CĐR của ngành KHCT, mỗi môn học đáp ứng được từ 1 - 3 tiêu chí của CĐR bao gồm (1) chuẩn kiến thức bao gồm chuẩn kiến thức chung toàn ĐHH về Giáo dục thể chất, An ninh quốc phòng, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ (B1); chuẩn khối kiến thức lĩnh vực về khoa học tự nhiên, khoa học sự sống, xã hội nhân văn, nhà nước và pháp luật, công nghệ thông tin cơ bản; kiến thức nghề nghiệp, kiến thức bổ trợ liên quan đến ngành KHCT; (2) chuẩn kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch) và (3) chuẩn năng lực tự chủ - chịu trách nhiệm) [H1.01.01.05 DC]. Các CĐR và học phần trong CTĐT được xây dựng theo ma trận CTĐT. Việc thiết kế các học phần trong CTDH KHCT chặt chẽ và khoa học, có sự cân nhắc lựa chọn các học phần đáp ứng được những yêu cầu CĐR tương ứng. Điều này thể hiện ở ma trận tương quan giữa CĐR học phần và CĐR CTĐT trong từng đề cương học phần cụ thể [H2.02.01.04 DC], [H3.03.01.02 DC]. CTDH KHCT được cụ thể hóa qua kế

hoạch đào tạo, nguồn lực, tiến độ, thực hiện trong từng năm học [H1.01.01.10 DC].

Để góp phần đạt được CDR của CTĐT, các tổ hợp phương pháp giảng dạy (thuyết trình; vấn đáp, seminar, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành/thí nghiệm) và phương pháp học tập chủ yếu là tự học, làm việc nhóm, seminar đã được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT. Trong đó, thuyết trình của GV giúp việc cung cấp các kiến thức cơ bản, mới và khó; vấn đáp hỗ trợ SV thu nhận được kiến thức, biết vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề GV nêu ra. Thực hành theo nhóm, bài tập, thảo luận, tự học, thực tế chuyên môn giúp SV đạt được các kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm. Mỗi GV giảng dạy đều có hồ sơ giảng dạy, bao gồm đề cương chi tiết, bài giảng giáo trình [H2.02.03.05 DC]; [H1.01.03.06 DC].

Bên cạnh đó, trong chương trình đào tạo của ngành KHCT có có những học phần riêng như Tiếp cận nghề, Thao tác nghề, Thực tế nghề qua đó giúp SV có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, làm quen với môi trường nghề nghiệp trong tương lai và được thực hiện các công việc chuyên môn như những cán bộ tập sự tại các cơ quan, doanh nghiệp [H1.01.03.06 DC]. Chính vì vậy khi ra trường SV có thể nhanh chóng làm quen và thực hiện tốt các công việc chuyên môn ở đơn vị sử dụng lao động.

100% các học phần trong CTDH cũng đã xác định được phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp: Với các học phần, hình thức thi tự luận chiếm tỉ lệ lớn, ngoài ra còn có hình thức đánh giá khác như vấn đáp, bài tiểu luận; phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong. Bản mô tả CTĐT ngành KHCT cũng được thông tin một lần nữa tới người học vào đầu mỗi buổi học của học phần. Các học phần trong CTDH ngành KHCT có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích với nhau và đảm bảo việc đạt được CDR. Sau khi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy cũng như nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh CTDH cho phù hợp [H2.02.03.05 DC]; [H1.01.03.07 DC]; [H1.01.03.06 DC].

2. Điểm mạnh

Tất cả các môn học trong CTĐT mới mở được xây dựng theo các quy định tại thông tư 08/2011/TT-BGDĐT (trước đây), thông tư 07/2015/TT-BGDĐT (chương trình áp dụng từ 2017 đến nay) của Bộ GDĐT. Tất cả các môn học trong CTĐT ngành KHCT đang triển khai đều có sự tham gia của các bên

liên quan và xuất phát từ nhu cầu thị trường lao động theo đúng quy định hiện hành của Bộ GDĐT, dựa trên điều tra khảo sát thế giới việc làm từ đó xây dựng CĐR, các môn học căn cứ CĐR để xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Khung CTĐT trước năm 2015 đã bám sát quy định của Bộ GDĐT, nhưng việc tham gia của các bên liên quan chưa được cụ thể hoá thành văn bản theo CĐR. CTĐT cũng thay đổi thường xuyên theo các quy định mới nên chưa kịp đánh giá định kỳ trong những năm gần đây. Chưa có ma trận CĐR cho các học phần trong khung CTĐT năm 2017. Chưa có quy định rõ ràng về CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng ma trận CĐR của học phần phù hợp với CĐR của CTĐT	Khoa và các Bộ môn, các bên liên quan	Đến năm 2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật cấu trúc và nội dung CTDH phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu xã hội.	Phòng ĐT&CTSV phối hợp với Khoa và các Bộ môn	2020 về sau

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các môn học trong CTĐT ngành KHCT đều đóng góp vào CĐR một cách rõ ràng và cụ thể [H1.01.01.05 DC]. Khoa và Nhà trường cũng đã công bố CĐR cho ngành KHCT chương trình năm 2012 [H1.01.01.05 DC] và cập nhật CĐR cho ngành theo chương trình năm 2017 [H1.01.01.05 DC] [H2.02.01.03 DC], năm 2020 [H1.01.01.12 DC] dựa trên thông báo của Bộ GDĐT và ĐHH. Khoa và Trường đã tham gia vào Dự án phát triển CTĐT theo định hướng nghề nghiệp (POHE) của Bộ GDĐT kéo dài trên 10 năm, nên học tập được rất nhiều kinh nghiệm trong việc phát triển CTDH từ phía GV, người học và

cán bộ quản lý, lãnh đạo của Trường cũng như tương tác sát thực với thị trường tuyển dụng lao động.

Tất cả các học phần trong CTĐT KHCT đều có đề cương chi tiết do các giảng viên biên soạn và đã rà soát, thống nhất trong nhóm chuyên môn giảng dạy theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với CĐR của CTĐT và được thực hiện theo phương thức đào tạo theo tín chỉ [H1.01.02.02 DC].

Các môn học đáp ứng được các tiêu chí của CĐR theo ma trận CTĐT [H1.01.02.02 DC]. Mỗi môn học có thể đáp ứng tiêu chí của một CĐR hoặc góp phần đáp ứng, hình thành nên nhiều CĐR khác nhau của ngành học. Theo các hướng dẫn từ ĐHH, Trường ĐHNL đã hướng dẫn quy trình thiết kế, phát triển để phân bổ PLOs của CTĐT chuyển tải vào các học phần, vào CLOs của học phần, vào nội dung, dạy học, đánh giá của môn học trong khung CTĐT cập nhật theo NDD99 năm 2020 [H3.03.03.03]; [H1.01.01.12 DC]. Mỗi học phần trong CTĐT đều có CLOs tương ứng với chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá như mô tả trong đề cương chi tiết [H3.03.01.02 DC].

Với 5 học phần và khóa luận/học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp đều đáp ứng các tiêu chí trong CĐR. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện rõ sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần đạt được CĐR (theo đề cương học phần), trong đó các học phần đã thể hiện rõ sự đóng góp về kiến thức, kỹ năng và thái độ của học phần cho người học và thể hiện rõ yêu cầu của người học đối với học phần. Từng học phần có phương pháp học (lý thuyết, thực hành, bài tập và tự học theo từng chương rõ ràng, cụ thể về dung lượng thời gian học), phương pháp đánh giá rõ ràng từ chuyên cần, tiến trình và kết quả đều cụ thể theo quy định chung. Các học phần đều thể hiện sự đạt được các CĐR rõ ràng, đã lấy ý kiến của các bên tham gia để xây dựng cụ thể [H1.01.01.05 DC].

Trong cuốn CTĐT và đề cương chi tiết, mối tương giữa PLO với các học phần được mô tả rõ ràng và cụ thể thông qua ma trận liên kết CLO với PLO, các phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá có liên quan trong đề cương chi tiết và được GV cung cấp và giải thích cho SV tại buổi học đầu tiên. Các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá và các tiêu chí đánh giá cụ thể được xác định rõ ràng, phù hợp ở tất cả các học phần trong CTDH để đảm bảo việc đạt được CĐR và được thể hiện rõ ràng trong đề cương chi tiết của CTĐT. Việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được

thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Nhà trường, được quy định rõ trong quy chế đào tạo đại học của trường ĐHNL, quy định đánh giá kết quả học tập của SV [H2.02.01.03-DC]. Đề cương chi tiết các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với SV, những nội dung tự học cụ thể,... nhằm giúp SV đạt được CDR của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đề cương chi tiết các học phần đều thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, bao gồm: thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CDR của học phần. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá quá trình gồm điểm bộ phận có trọng số 10% (điểm chuyên cần) và điểm kiểm tra có trọng số 20% (điểm thường xuyên, điểm định kỳ), điểm thi kết thúc học phần (có trọng 70%). Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành,...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận,... Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần cũng như hồ sơ giảng dạy của GV.

Các học phần trong CTĐT được thiết kế nhằm đạt được kết quả học tập mong đợi của CTĐT. Đề cương các học phần được thiết kế một cách khoa học để SV hiểu rõ hơn về các mục nội dung của học phần và có điều kiện tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng chuyên môn góp phần đạt được CDR của CTĐT. Thông qua ma trận các kỹ năng người học có thể thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng học phần lên các tiêu chí trong CDR của CTĐT. Các kỹ năng chung (làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, tự học,... được lồng ghép vào các môn học khác nhau và các hoạt động ngoại khóa). Khi đạt CDR của mỗi học phần sẽ đóng góp vào việc đạt CDR của CTĐT, điều này được minh họa rõ ràng trong khung CTĐT cũng như đảm bảo công bằng trong đánh giá giữa các SV, giữa các lớp, các khoá, giữa các GV cùng giảng dạy một học phần. Đặc biệt, hệ thống tiêu chí đánh giá rất chi tiết, rõ ràng giúp người học tự chủ trong việc học từng học phần cũng như định hướng phát triển năng lực chuyên môn hẹp trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Hầu hết các học phần thuộc CTĐT ngành KHCT của trường đều có CDR

về các năng lực rõ ràng theo ma trận CTĐT, được cập nhật và đã được phê duyệt.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần có nhiều CĐR hoặc một CĐR được tích hợp qua nhiều học phần, điều này sẽ hạn chế sự phát huy từng CĐR của ngành khi áp dụng từng học phần và sẽ có sự trùng lặp trong nội dung giữa các học phần. Chưa có sự đánh giá cấp độ trong các CĐR học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát CĐR cho các học phần còn nhiều tiêu chí trong CĐR theo bảng ma trận CTĐT. Rà soát tổng thể nội dung của tất cả các học phần để hạn chế sự trùng lặp. Bổ sung thang đo năng lực vào các CĐR học phần.	Khoa và các bộ môn	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Công bố CĐR trên các phương tiện thông tin đại chúng về chương trình đã được cập nhật năm 2017	Phòng ĐT & CTSV kết hợp với Khoa và các bộ môn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Hiện tại CTDH ngành KHCT của Khoa có cấu trúc gồm 128 TC, các môn học cụ thể được thiết kế dựa trên CĐR, các nhóm học phần gồm: các môn lý đại cương 31 TC bao gồm kiến thức lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường, khoa học xã hội; Khối kiến thức chuyên nghiệp 97 TC bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp, thể hiện sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành

một khối thống nhất [H1.01.03.06 DC].

CTDH được thiết kế có tính logic cao, 100% các học phần cơ sở, chuyên ngành được bố trí đảm bảo điều kiện tiên quyết, đề cương các học phần đều ghi rõ điều kiện tiên quyết, các học phần cơ bản năm thứ nhất không cần điều kiện tiên quyết, các học phần thể hiện rõ kỳ học, năm học cụ thể, rất thuận lợi cho việc tổ chức học và sắp xếp chương trình trong hệ thống TC. Bắt đầu từ năm đầu tiên, SV tham gia học các học phần cơ bản với 17 TC, bên cạnh đó là các học phần về giáo dục thể chất, giáo dục Quốc phòng an ninh theo quy định chung của ĐHH. Tiếp đến là nhóm học phần về Tin học, Khoa học tự nhiên, sinh thái môi trường, xã hội nhân văn, tiếp cận nghề. Năm thứ 2 SV sẽ học các kiến thức về cơ sở ngành với 36 TC cùng các chương trình học để thi B1, SV sẽ nắm được các kiến thức cơ sở quan trọng làm cơ sở để học các kiến thức chuyên ngành ở năm thứ 3. Năm thứ 3 và thứ 4, SV sẽ học 43 TC về kiến thức chuyên ngành và thực tập nghề với 9TC. Kỳ cuối năm thứ 4 SV sẽ thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc báo cáo tốt nghiệp cùng các học phần thay thế (10TC). Như vậy, có thể thấy được CTDH được thiết kế có tính logic, mức độ khó nâng cao dần theo năm để người học dần tích lũy và phát triển các năng lực đảm bảo đạt CĐR đồng thời nhằm đáp ứng CĐR cho người học.

Trước khi chuyển sang đào tạo theo học chế TC vào năm học 2008-2009, CTĐT ngành KHCT theo niên chế của trường đã được rà soát, điều chỉnh bổ sung qua các năm 1997, 2000, 2008, 2012, 2017 [H1.01.03.06 DC]. Nội dung các học phần luôn được cập nhật theo các đợt rà soát khung chương trình, cập nhật thông tin bài giảng, giáo trình. Nhà trường luôn quan tâm đối với việc biên soạn mới giáo trình đối với các học phần chưa có giáo trình và tái bản đối với các giáo trình đã xuất bản trên 5 năm nhằm cập nhật kịp thời nội dung học tập.

Đặc biệt, từ năm 2005 đến nay, Trường đã và đang tham gia vào dự án POHE giai đoạn 1 và 2 với sự hỗ trợ kỹ thuật của nhóm các Trường đại học hàng đầu Hà Lan và do Bộ GDĐT chủ trì. Ở giai đoạn 1 của dự án, Trường đã xây dựng và phát triển chương trình POHE cho chuyên ngành KHCT. Trong giai đoạn 2 của dự án, 6 ngành đào tạo đang được xây dựng đó là: KHCT, NH, BVTV, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý tài nguyên rừng và Lâm nghiệp đô thị, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng CTDH được xây dựng trên cơ sở khảo sát thị trường lao động [H3.03.03.01]. Trên cơ sở kinh nghiệm từ việc phát triển chương trình POHE và quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT về cập nhật, đánh giá CTĐT, trường đã thành lập ban rà soát CTĐT đại

học [H1.01.01.07 DC] và đã rà soát các CTĐT trong đó tập trung khảo sát ý kiến của các bên liên quan bao gồm GV, nhà quản lý, đơn vị tuyển dụng lao động và cựu SV về CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và CTĐT đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H3.03.03.01]. Như vậy, từ năm 2012 đến nay chương trình đã được cập nhật 2 lần vào các năm 2012 và 2017, CTDH đã tham khảo các chương trình đại học của các trường trong nước như Học viện Nông nghiệp Việt Nam và Đại học Cần Thơ, cập nhật theo Quy chế 43 và thông tư 57, 2012, đảm bảo tính liên thông và linh hoạt trong quá trình tổ chức đào tạo, thuận lợi cho quá trình dạy và học. [H1.01.03.06 DC].

Trong quản lý đào tạo và điều hành giảng dạy theo hệ thống TC [H2.02.01.03 DC], [H1.01.03.06 DC] việc thiết kế các chương trình đảm bảo kiến thức cốt lõi của ngành, có thể liên thông ngang giữa các ngành học và giữa các bậc trong một cơ sở đào tạo là rất quan trọng và thuận lợi đối với người học (học lại, học cải thiện điểm, học vượt, học cùng lúc 02 chương trình,...).

Ngoài việc thiết kế nội dung chương trình có 4 học phần (10 tín chỉ) thuộc khối Lý luận chính trị, 3 học phần (7 TC) ngoại ngữ là các môn chung cho tất cả các ngành trong trường và các trường khác trong ĐHH cũng như các học phần thuộc nhóm bổ trợ được DC cho các ngành, tất cả các ngành học thuộc Khoa hiện nay đều có thể liên thông ngang và dọc rất tốt (ngành KHCT, BVTV, NH, CNRHQ&CQ), CTĐT đại học và sau đại học được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông trong mỗi trình độ [H1.01.03.06 DC].

Điều kiện để liên thông theo ngành đúng được thực hiện hiện theo thông tư 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và thông tư 08/2015/TT- BGDĐT ngày 21/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H3.03.03.02].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các học phần trong CTĐT ngành KHCT đều có tính logic, phù hợp từ cơ bản, cơ sở ngành, đến chuyên ngành, có tính liên thông cao. Hầu hết các nội dung ở các học phần được cập nhật khá mới Bài giảng và Giáo trình.

3. Điểm tồn tại

Tính cập nhật về nội dung dạy học ở các học phần chưa đồng đều, một số học phần cập nhật chưa theo kịp các văn bản, quy định mới nhất trong lĩnh vực trồng trọt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại việc cập nhật nội dung ở đề cương và bài giảng để đánh giá việc cập nhật thông tin	Bộ môn kết hợp với Khoa	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Quảng bá nội dung thông tin môn học, đề cương, chương trình học lên trang Website và phương tiện thông tin đại chúng để người học có thể tiếp nhận	Khoa kết hợp với Phòng ĐT&CTSV, Bộ phận Thông tin thư viện	Hàng năm

5. *Tự đánh giá*: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Tất cả các học phần được áp dụng theo chương trình mới mở từ 2011 đến 2016, cập nhật năm 2017, hiện nay được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT, ĐHH, đều có CDR rõ ràng và cụ thể được phê duyệt. Trong quá trình phát triển và điều chỉnh các CTDH, Khoa và Trường đã tham khảo các chương trình tiên tiến, tham vấn các ý kiến từ nhà tuyển dụng và cựu SV. Các học phần trong chương trình, đảm bảo tính liên thông giữa các ngành học và bậc đào tạo. Khoa và Trường đã định kỳ rà soát bổ sung CTDH ở các chuyên ngành sâu thuộc ngành KHCT và ở các bậc học.

Từ năm 2017, Khoa và Trường đã định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH để làm cơ sở cho việc thay đổi, điều chỉnh. Việc xây dựng các môn học, nội dung môn học, nội dung CTĐT mới của Khoa tuân thủ theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, có tính logic cao và được thể hiện ở bảng ma trận CTĐT đồng thời bám sát CDR các năng lực.

Tiêu chuẩn 3 có 2 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Khoa Nông học nhận định, việc tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục-đào tạo và cải tiến chất lượng CTĐT, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ kiến thức, gắn kết kiến thức cũ và mới, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, say mê học hỏi. Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy-học; phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng và tiến hành các hoạt động trong việc ứng dụng các phương pháp của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, từ đó áp dụng linh hoạt cho phù hợp với CTĐT. Với mục tiêu giúp SV nâng cao kiến thức và kỹ năng, Nhà trường đã quyết định chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ từ năm học 2012 với phương pháp tiếp cận dạy và học mới. Với sự chuyển đổi này của Nhà trường, Khoa Nông học đã chú trọng xây dựng phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR. Triết lý giáo dục được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu đào tạo của từng chuyên ngành. GV của Khoa đều được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo TC. Cách thức đánh giá kết quả học tập của người học được đổi mới giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược và mục tiêu phát triển của trường ĐHNL, ĐHH đến năm 2020 là: *”Đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khỏe tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế”* [H1.01.01.06 DC].

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được trình bày trong sứ mệnh và mục tiêu phát triển của trường ĐHNL, ĐHH; được công bố công khai trên Website của Trường, poster đặt ở giảng đường để GV, người học và các bên liên quan có thể tiếp cận một cách thuận lợi, dễ dàng, hiểu và thực hiện [H1.01.01.06 DC]. Mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến cho cán bộ, GV biết và thực hiện thông

qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần/môn học, NCKH, tổng kết năm học và các hoạt động khác; Đối với người học việc tiếp nhận nội dung mục tiêu giáo dục được Nhà trường và khoa chuyên môn phổ biến, quán triệt qua các buổi sinh hoạt công dân- HSSV đầu khóa [H4.04.01.02]. Điều này đã giúp cho cán bộ, GV, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường để qua đó khẳng định cũng như nâng cao hơn vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H1.01.01.11 DC]; [H1.01.01.06 DC], [H4.04.01.01]. Nhà trường đã cụ thể hoá mục tiêu giáo dục chung thành các kế hoạch của từng năm học [H1.01.01.10 DC].

Mục tiêu giáo dục của ngành KHCT, Khoa Nông học là đào tạo ra những kỹ sư ngành KHCT có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, nền tảng kiến thức khoa học cơ sở và chuyên ngành tốt, có kỹ năng thực hành phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành KHCT. Với mục tiêu giáo dục đó, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đều nêu rõ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được CDR, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H1.01.01.06 DC], [H1.01.03.06 DC], [H4.04.01.01].

Để đưa ra mục tiêu giáo dục phù hợp, khi xây dựng mục tiêu này, Nhà trường và Khoa Nông học đã tổ chức lấy ý kiến của một số bên liên quan bao gồm cán bộ GV, SV thông qua khảo sát về CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các bên liên quan đều cho rằng mục tiêu giáo dục của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H2.02.03.04 DC]. Mục tiêu giáo dục được công bố trên Website của Nhà trường, sổ tay SV,... để GV, SV, nhà tuyển dụng, cựu SV dễ dàng tiếp cận [H1.01.01.06 DC], [H2.02.03.01 DC].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của ngành KHCT được xác định rõ ràng, công bố trên website của Khoa và Nhà trường, phổ biến rộng rãi đến GV và SV, phù hợp với điểm b, khoản 2, điều 5 của Luật Giáo dục và phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục Nhà trường, luật GDĐH.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và các bên liên quan đối với mục tiêu giáo dục có vai trò quan trọng, song việc này chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng và các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.	Khoa Nông học, trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhập và phổ biến rộng rãi hơn nữa đến các bên liên quan về triết lý giáo dục, mục tiêu và CTĐT.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Với bề dày lịch sử về đào tạo, các hoạt động dạy và học của thầy và trò ngành KHCT được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H1.01.02.05DC], [H1.01.01.06 DC], [H1.01.02.02 DC], [H4.04.02.04 DC], [H1.01.02.02 DC].

Trường ĐHNL, ĐHH cho phép hàng năm, các CTĐT có thể được điều chỉnh về nội dung hoặc tên môn học trong phạm vi 20% tổng số tín chỉ. Dựa trên qui định này, Khoa Nông học thường xuyên có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.02.09]. Bên cạnh đó, các GV sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy cho phù hợp với diện tích lớp học và đối tượng người học. Nếu lớp đông SV (> 50 SV), GV sử dụng phương pháp thuyết trình và làm việc nhóm, nếu lớp ít SV (< 25 SV) GV có thể điều chỉnh phương

pháp dạy và học, tăng giờ thảo luận và các buổi seminar. Các hình thức thi và kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học bao gồm thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm [H1.01.02.02 DC]. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H1.01.02.02 DC].

Chương trình học tập linh hoạt giúp người học lựa chọn các môn học phù hợp với mong muốn và nguyện vọng nghề nghiệp sau này của SV [H1.01.02.02 DC]. Sau khi học các kiến thức nền tảng, SV ngành KHCT được chọn 1 trong 2 hướng chuyên ngành, đó là hướng chuyên ngành KHCT, hướng chuyên ngành Công nghệ chọn tạo và sản xuất giống cây trồng [H1.01.02.02 DC]. SV có thể chủ động lựa chọn lộ trình học tập nhanh hay chậm tùy theo nhu cầu và khả năng của từng SV [H1.01.02.02 DC]. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt CĐR về kỹ năng và thái độ như NCKH, thực tập thực tế, và hoạt động cộng đồng [H4.04.02.04 DC], [H1.01.02.02 DC].

Hoạt động NCKH: SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất, có nhiều SV năm thứ nhất đã đạt giải cấp Khoa, cấp Trường [H4.04.02.12 DC]. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp Khoa và được phân công hướng dẫn bởi một nhà khoa học [H4.04.02.13 DC]. Bên cạnh môn Phương pháp NCKH dành cho SV toàn trường trong năm học đầu tiên, giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH ngay từ những năm đầu. Các đề tài NCKH thường được thực hiện bởi một nhóm các em SV cùng lớp hoặc khác lớp nhằm giúp các em nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự quản lý nghiên cứu từ trong trường Đại học.

Hoạt động Thực tập thực tế: Đây là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 3 học phần: Tiếp cận nghề (năm 1), Thao tác nghề (năm 2) và Thực tế nghề (năm 3). Ở cả 2 hướng chuyên ngành, SV đều có những học phần báo cáo chuyên đề và thực tập tốt nghiệp nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu của 2 hướng chuyên ngành, ví dụ như: trường học, viện nghiên cứu, trung tâm tham vấn, các công ty, doanh nghiệp [H1.01.02.02 DC]. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương học phần và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn [H4.04.02.15 DC].

Các hoạt động ngoại khóa: Để có được thái độ đúng đắn với con người những nhóm xã hội yếu thế, SV được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng đồng [H4.04.02.16 DC].

Các phương pháp, hình thức giảng dạy, tài liệu, bài giảng của GV đều được SV đánh giá qua hệ thống online vào cuối mỗi học kỳ. Các kết quả đánh giá sẽ được thu thập và gửi trực tiếp đến tài khoản quản lý giáo dục của GV phụ trách môn học và Khoa quản lý. Từ đó, GV có thể tiếp nhận các ý kiến phản hồi của SV để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi học phần nói riêng và của toàn ngành KHCT nói chung [H4.04.02.17].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, Khoa Nông học tạo điều kiện để các GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chọn GV nguồn do chương trình POHE tổ chức [H4.04.02.07], cử GV tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn qua các khóa ĐTSĐH [H4.04.02.01], [H1.01.01.05 DC]. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn SV chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết [H4.04.02.01] [H1.01.02.02 DC], [H4.04.02.02 DC]. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn SV chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV [H4.04.02.08 DC].

Trường ĐHNL, Khoa Nông học xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giúp SV đạt được CDR. Nhà trường đã tổ chức dự giờ mẫu đối với GV có kinh nghiệm và dự giờ đối với GV trẻ, thành lập tổ thanh tra triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.02.02 DC]. Nhà trường đã tổ chức những Hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy: Hội thảo khoa học về “*Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học*” năm 2015, với sự tham gia của lãnh đạo các Bộ môn, Khoa, các GS, GVCC, PGS trong toàn Trường [H4.04.02.02 DC]; Hội thảo khoa học về “Chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện các học phần thực tập nghề nghiệp” ngày 13/5/2016 [H4.04.02.05]. Việc đổi mới phương pháp dạy và học được Nhà trường chủ trương và triển khai về các Khoa, các ngành. Trên cơ sở đó, Khoa, Ngành đã

thảo luận và đưa ra phương pháp dạy học phù hợp nhất nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H1.01.01.11 DC].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt và được thiết kế phù hợp với CĐR. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, seminar. Các hoạt động thực tế, thực tập hoặc các hoạt động cộng đồng đa dạng. Các hoạt động dạy – học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở hạ tầng một số phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động của SV.

Một số ít GV chưa chịu khó cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chưa đáp ứng tốt nhu cầu học tập tích cực của SV.

Mặc dù kết quả thực tập thực tế có thể chấp nhận được, nhưng chưa đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo kiến thức và kỹ năng chuyên sâu.

Chưa thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV về các môn thực tập thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Đề nghị Nhà trường cần tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy mới và bắt buộc tất cả các GV tham gia. Khoa sẽ có kế hoạch dự giờ các GV theo định kỳ hàng tháng và tổ chức các buổi trao đổi về phương pháp giảng dạy sau khi dự giờ, nhằm thúc đẩy các GV đổi mới phương pháp giảng dạy và cập nhật bài giảng. Khoa sẽ ký kết những thỏa thuận	Khoa Nông học, trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		hợp tác với các cơ sở thực tập, đặc biệt là thỏa thuận về phương thức thực tập, cán bộ hướng dẫn tại cơ sở, kinh phí, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV. Lấy ý kiến phản hồi của SV về các môn thực tập thực tế.		
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa sẽ thường xuyên cập nhật CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra, tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động dạy và học.	Khoa Nông học, trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
		Cán bộ GV thường xuyên cập nhật và thay đổi phương pháp dạy học	Khoa Nông học, trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã quán triệt và triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, đặc biệt là khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng liên hệ kiến thức mới với kiến thức cũ, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Nhiều nội dung cơ bản trong đổi mới phương pháp dạy và học đã được thực hiện như: giảm số giờ lý thuyết, tăng thời gian thực hành, thí nghiệm, làm bài tập thực hành [H1.01.03.06 DC].

100% đề cương chi tiết các học phần của ngành đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập [H1.01.03.06 DC]. Bên cạnh đó, chương trình còn xen kẽ những học phần thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp và báo cáo tốt nghiệp để SV vận dụng kiến thức đã học vào làm một dự án cụ thể và bảo vệ dự án đó [H1.01.03.06 DC].

Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. Rất nhiều SV của ngành sau khi ra trường có mong muốn nâng cao thêm kiến thức và trình độ nên đã tiếp tục học cao học [H1.01.03.06 DC]. 100% đề cương chi tiết học phần đều có phần bổ thời lượng cho giảng dạy lý thuyết trên lớp, bài tập, thực hành, thảo luận. Đặc biệt có thời lượng giờ tự học dành cho SV. Đây chính là phương pháp nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học [H1.01.03.06 DC], [H4.04.03.02], [H4.04.03.01].

GV sử dụng các các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H1.01.03.06 DC], [H2.02.03.04 DC]. GV được cử đi học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy SV được hiệu quả [H4.04.03.04 DC], [H4.04.03.05].

Trong toàn khóa học, SV của ngành được tư vấn, hỗ trợ bởi đội ngũ CVHT trong hoạt động học tập, NCKH, tư vấn cho SV tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp SV chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.06 DC], [H4.04.03.07].

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm [H1.01.03.06 DC]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể [H4.04.02.15 DC]. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác [H1.01.03.06 DC]. Việc SV thi đua nhau trong NCKH, trong tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi [H4.04.03.08 DC].

SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô [H4.04.03.08 DC]. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu

khoa học [H4.04.02.16 DC], bên cạnh đó Nhà trường cũng thu thập ý kiến của SV với tính hiệu quả của các hoạt động này đến việc hỗ trợ các kỹ năng, trình độ cho SV [H4.04.03.07]. Từ năm 2012, Trường ĐHNL triển khai đào tạo cho SV những kỹ năng mềm như kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp để SV rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV chưa có động cơ học tập phù hợp vì vậy nảy sinh tâm lý học đối phó, học chỉ để thi qua môn học mà chưa chú trọng đến việc học để có kiến thức.

GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm: các bài tập đưa ra nhiều khi chưa phong phú, hoặc chưa gắn với thực tiễn cuộc sống, nên gây tâm lý nhàm chán cho SV.

Bên cạnh đó, bộ phận cơ sở vật chất không tạo sự linh động cho việc áp dụng các bài tập nhóm (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển).

Ngoài ra số lượng SV trong một lớp học quá đông gây ảnh hưởng đến quá trình tương tác của GV với SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức thiết kế lại đề cương học phần bằng cách bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch...” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020-2021
		Nhà trường bố trí các phòng học	Trường	2020-2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		chuyên đề tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa GV và SV.	ĐHNL, ĐHH	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật và thay đổi CTĐT của ngành để giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin	Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, ngành KHCT, Khoa Nông học đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được CDR, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng trong những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những công việc quan trọng nhất của GDĐH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học. Kết quả đánh giá còn cung cấp cho Nhà trường và Khoa các dữ liệu cho giá trị về hiệu quả giảng dạy, là cơ sở cho Nhà trường lập kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành KHCT được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được CDR của ngành, bao gồm thái độ, kiến thức và kỹ năng của người học. Các quy định và quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai tới mọi người học thông qua sổ tay SV, trang Website của

Trường, đề cương học phần và các các GV đứng lớp từ khi mới vào học cho đến lúc kết thúc chương trình học tập. Trước khi bắt đầu mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch học tập, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá quy định trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập gồm nhiều hình thức, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, và sự công bằng cho người học đồng thời được lưu trữ để làm cơ sở đánh giá, cải tiến, thử nghiệm và phát triển các phương pháp đánh giá mới nhằm cải thiện chất lượng giáo dục theo xu thế phát triển của thời đại. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học, để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT nếu cảm thấy kết quả học tập chưa thỏa đáng.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về CĐR. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thể hiện thông qua Quy chế ĐTDH ở trường ĐHNL [H4.04.02.11 DC]. SV được biết các quy định về KTĐG để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học, các quy định đó được thể hiện rõ trong đề cương từng môn học và được thay đổi cho phù hợp với thực tế [H1.01.01.05 DC] [H1.01.03.06 DC]. Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: Việc tuyển SV mới; kiểm tra đánh giá học phần (đánh giá quá trình học và đánh giá hết học phần) liên tục trong quá trình học tập [H5.05.01.03], [H4.04.02.08.DC]; kiểm tra cuối khóa/thi/bảo vệ khóa luận/báo cáo chuyên đề tốt nghiệp [H4.04.01.02.DC]. Ngay sau khi nhập học, SV được trường thông báo chương trình học ngoại ngữ tại trường đại học ngoại ngữ, ĐHH giúp cho SV đăng kí tham gia học chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng theo các CĐR đã được tuyên bố [H1.01.01.05.DC]. Mỗi học phần trong phần trong chương trình KHCT đáp ứng một tiêu chí hoặc nhiều tiêu chí của chuẩn đầu ra của ngành đã được công bố. Khoa và bộ môn thực hiện kế hoạch giảng dạy để đảm bảo sinh viên đạt được khung năng lực của đầu ra ngành KHCT đã công bố.

Đề cương các học phần trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá) [H5.05.01.01]. Từ mục tiêu của học phần, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách

thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học [H1.01.02.02 DC]. Các hoạt động giảng dạy thường xuyên được cải tiến thông qua hoạt động dự giờ [H5.05.02.01 DC], cải tiến nội dung môn học, chương trình học để đảm bảo CDR của ngành [H5.05.02.03 DC], [H5.05.02.05 DC], [H1.01.03.06 DC]. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ [H1.01.02.02 DC], [H5.05.01.01]. Tất cả đề thi của Khoa Nông học đều được Trưởng bộ môn phê duyệt, bộ môn xem xét từng câu hỏi sử dụng trong đề có khả năng đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học như thế nào, đặc biệt ở các môn thuộc khối kiến thức M5 [H5.05.03.06 DC]. Riêng với học phần thực hành tại cơ sở, GV phụ trách môn học giám sát tại cơ sở cùng đánh giá SV, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá. Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, SV phải có các điều kiện cần và đủ theo yêu cầu của ĐHNL [H4.04.02.11 DC]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [H4.04.02.11 DC], [H4.04.01.02 DC]. Đối với đánh giá tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa lý luận, thực tiễn, hệ thống khái niệm và phương pháp nghiên cứu, cơ sở nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận [H4.04.01.02 DC], đề kiểm tra tốt nghiệp bám sát yêu cầu về kiến thức, năng lực của toàn bộ chương trình học ngành KHCT [H5.05.01.03 DC].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CDR ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các đề thi của các học phần đều được các bộ môn xem xét từng câu hỏi đánh giá theo mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá của người học.

Công tác kiểm tra đánh giá KQHT đối với người học của ngành KHCT được thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá quy định, được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và CDR từng học phần.

Đề thi kết thúc học phần được chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi bởi Phòng Khảo thí, Bảo đảm chất lượng giáo dục, Thanh tra và Pháp chế.

Đối với các học phần thực tế nghề tại các cơ sở thực tập có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các chuyên gia trong ngành KHCT. Các tiêu chí đánh giá SV như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, sự tuân thủ quy tắc nghề tại cơ sở, kỹ năng nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của CĐR ngành KHCT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng với các học phần chung toàn trường như khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức theo khối ngành, việc đánh giá phần nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích.

Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tập huấn để biên soạn ngân hàng câu hỏi để đánh giá người học theo cấp độ Bloom.	Khoa Nông học	2021
2	Khắc phục tồn tại	Định kỳ từng năm học, Khoa tổ chức triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của SV để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.	Khoa Nông học, các bộ môn	Hằng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ giáo viên và ngân hàng đề xây dựng có chất lượng	Các bộ môn	Tiếp tục thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Trong hoạt động đào tạo chung, Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động thanh tra đào tạo, coi thi, chấm thi kết thúc học phần, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường phân cấp việc nhập điểm rèn luyện và điểm thi kết thúc học phần cho Trợ lý giáo vụ của các khoa, các khoa tự phân công cán bộ GV giúp Trợ lý giáo vụ khoa hoàn thành việc nhập điểm học phần nhằm giảm tối đa các sai sót khi nhập điểm cho SV. Trợ lý giáo vụ các khoa nhắc GV nộp điều kiện dự thi sau khi đã thông báo cho SV biết công khai trước ngày thi cũng như nộp điểm chấm bài thi trong vòng một tuần từ khi kết thúc học phần đó [H5.05.01.03 DC], [H5.05.02.07]. Song song với việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, 100% SV của Khoa được thông báo kết quả học tập trên phần mềm quản lý giáo dục [H5.05.02.08] và thông báo công khai tại văn phòng khoa theo đúng quy định của Bộ GDĐT [H5.05.02.02], [H5.05.02.09], SV có thắc mắc về kết quả bài thi có thể gửi yêu cầu trực tiếp lên bộ phận Khảo thí để phúc khảo bài thi [H5.05.05.01], [H5.05.05.02]. Thời gian tiến hành phúc khảo được thông báo trực tiếp trên website, các diễn đàn cho SV nắm rõ thông tin. Kết quả phúc khảo sẽ được thông báo trực tiếp cho SV hoặc qua email, hoặc phần mềm quản lý giáo dục [H5.05.05.03], [H5.05.05.04]. Các kết quả về phúc khảo đều được công bố hằng năm. Bên cạnh đó, phòng đào tạo cũng tiến hành mở rộng thông báo bằng giấy báo kết quả học tập cho gia đình SV [H5.05.02.06].

Việc đảm bảo tính khách quan và tạo sự công bằng cho người học trong việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo và CĐR. Để thực hiện nghiêm túc, đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập của SV, đề cương chi tiết của tất cả các học phần của từng CTĐT [H4.04.02.08 DC] đã thể hiện vai trò của từng nội dung kiểm tra, đánh giá (10% chuyên cần, 20% kiểm tra và 70% điểm thi kết thúc học phần) [H4.04.02.08]. Khoa vẫn tiếp tục điều chỉnh chương trình hiện có để đáp ứng yêu cầu của thế giới việc làm về năng lực SV ra trường trong đó chú trọng đến kiến thức bổ trợ, kỹ năng mềm, các môn tiếp cận nghề, thao tác nghề và thực tế nghề để đảm bảo khung năng lực CĐR. Bên cạnh đó, khoa đã ban hành Quy định về đánh giá các học phần tiếp cận nghề, thao tác nghề và thực tế nghề nghiệp [H5.05.02.03]; các quy định về thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp và áp dụng nhiều hình thức thi, kiểm tra đa dạng: Thi tại phòng máy, thực hành, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận [H4.04.01.02 DC]; [H5.05.01.03 DC]. Qua đó đánh giá

một cách đa dạng mức độ tích lũy kiến thức của từng SV, góp phần vào việc đưa ra các cảnh báo học tập đối với SV [H5.05.02.10].

Việc đánh giá được thực hiện nghiêm túc hằng năm, SV muốn xem điểm thi kết thúc học phần nào thì phải đăng nhập phần mềm, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV sau đó mới xem được điểm thi kết thúc học phần. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV cũng được từ cấp bộ môn, cấp khoa, công đoàn, ban thanh tra đào tạo [H5.05.02.01 DC]. Thường trực Ban Thanh tra đào tạo được quyền kiểm tra đột xuất về việc ra đề thi, bảo mật đề thi, ghép phách, nộp kết quả thi và nhập điểm của GV, cán bộ coi thi và các bộ phận liên quan đến kỳ thi, xử lý tất cả các khiếu nại liên quan đến thi kết thúc học phần cũng như giải quyết kịp thời các khiếu nại, thắc mắc về kết quả thi của SV [H5.05.02.04 DC], [H5.05.04.05].

Riêng đối với học phần khóa luận tốt nghiệp (đối với bậc đại học); Báo cáo tốt nghiệp (đối với bậc cao đẳng, hệ VLVH, hệ LT), Trường cũng đã quy định rõ về quy trình tổ chức, thực hiện và phương pháp đánh giá phù hợp [H5.05.01.03 DC]. Trong năm 2016, để đảm bảo chất lượng đầu ra, Trường đã bổ sung vào chương trình các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.03].

Định kỳ, Khoa tổ chức các buổi Hội nghị đối thoại trao đổi với SV về việc học và đánh giá kết quả học tập của qua các kỳ thi, hình thức thi [H5.05.02.05] khác nhau để tiếp thu, truyền đạt một số kinh nghiệm trong các hoạt dạy và học của thầy và trò.

2. Điểm mạnh

Có quy định cụ thể về việc ra đề thi, kiểm tra, thanh tra và tổ chức thi cho SV về đánh giá các học phần tiếp cận nghề, thao tác nghề và thực tế nghề nghiệp; các quy định về thi kết thúc học phần.

Đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, có hệ thống sổ sách lưu trữ điểm rõ ràng, chính xác, an toàn.

Có phần mềm quản lý giáo dục để quản lý SV, quản lý điểm học phần của SV theo mã số.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra, thanh tra kỳ thi được thực hiện nghiêm túc, khách quan và công bằng giữa các hình thức đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các Hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá người học còn ít.

Chưa có phân tích độ khó, dễ của tổ hợp các câu hỏi trong mỗi đề thi của từng học phần.

Việc áp dụng hình thức thi chưa ổn định cho các loại học phần do còn phụ thuộc vào GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Lựa chọn các hình thức đánh giá người học phù hợp với đặc thù của từng học phần Quy định thời hạn đăng ký và công bố hình thức thi ngay từ tuần đầu tiên của học kỳ Định kỳ đánh giá độ khó, dễ của tổ hợp các câu hỏi thi	Phòng ĐT&CTSV; Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC Bộ môn và GV các Khoa	Thường xuyên 2 lần/năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá người học	Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC, Phòng ĐT&CTSV và các Khoa	1 lần/học kỳ ở cấp Trường

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

GV Khoa Nông học thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng. Hình thức đánh giá bao gồm: Bài kiểm tra viết tại lớp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận, báo cáo seminar,... [H4.04.02.08 DC]. Các câu hỏi đánh giá ở dạng câu hỏi tự luận có và không sử dụng tài liệu, được GV phụ trách môn học đảm nhận và cập nhật hàng năm [H5.05.03.06].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng cho người học [H5.05.04.02]. Ở cuối mỗi bài học đều có các câu hỏi ôn tập để SV tổng kết lại kiến thức. Những câu hỏi ôn tập này đều được GV phụ trách thông qua bộ môn trước khi áp dụng nhằm đảm bảo yêu cầu về kiến thức trong từng học phần [H1.01.03.06 DC].

Mỗi môn học đều có ngân hàng câu hỏi và đáp án tương ứng với số điểm chi tiết và hướng dẫn chấm cụ thể [H5.05.03.01]. Ngân hàng câu hỏi thi đảm bảo bao hàm hết những kiến thức môn học và số lượng câu hỏi đảm bảo ít nhất 10 câu hỏi cho 1 TC. Nội dung câu hỏi thi được soạn thảo dựa theo thang Bloom để đánh giá một cách toàn diện việc tiếp thu kiến thức của SV. Thiết lập các câu hỏi thi kết thúc học phần dựa theo tỉ lệ như sau: Nhớ 70% điểm; hiểu 10%, áp dụng 5%, phân tích 5%, đánh giá 5%; sáng tạo 5% [H5.05.03.01]. Ngân hàng câu hỏi thi, đáp án tương ứng được hai GV soạn thảo dựa vào thang Bloom và được bộ môn phê duyệt trước khi nộp ngân hàng câu hỏi thi cho Phòng KT, BDCLGD, TT&PC, riêng đáp án được lưu tại bộ môn để phục vụ cho công tác chấm thi. Vào cuối mỗi kì, đề thi được Phòng KT, BDCLGD, TT&PC sử dụng phần mềm trích xuất câu hỏi thi, làm đề thi một cách ngẫu nhiên cho kì thi kết thúc học phần [H5.05.01.03 DC]. Đối với những học phần có số lượng SV, số nhóm lớn, Phòng KT, BDCLGD, TT&PC sẽ sắp xếp và bố trí thi cùng ngày, cùng giờ thi để sử dụng chung một đề thi nhằm mục đích đánh giá chất lượng sinh viên. Bài thi kết thúc học phần được trợ lý giáo vụ khoa và các thành viên hỗ trợ rọc phách, cắt phách một cách độc lập trước khi giao bài cho GV phụ trách môn học chấm thi. Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy trong công tác chấm thi, mỗi bài thi đều được 2 giáo viên chấm thi, dựa vào đáp án sẵn có để đảm bảo độ tin cậy và công bằng cho SV. Kết quả thi sẽ được thông báo cho SV trong vòng 1 tuần [H5.05.03.03] [H5.05.03.02].

Sau khi kết thúc môn học, Phòng KT, BDCLGD, TT&PC kết hợp với Trung tâm thông tin thư viện của Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi về học phần của người học đối với GV [H1.01.03.07]. Kết quả khảo sát sẽ được thông báo cho GV để có những thay đổi phù hợp với học phần [H5.05.03.04 DC]. Định kỳ, phòng KT, BDCLGD, TT&PC tổ chức công tác kiểm lưu trữ kết quả bài thi, kết quả thi, kết quả chấm điểm để kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót nếu có, đảm bảo độ tin cậy cao về kết quả học tập của người học là đúng và chính xác [H4.04.02.11. DC], [H10.10.03.02].

Với khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp, khoa có yêu cầu cụ thể về quy cách làm khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp cho các SV cuối khóa

[H4.04.01.02 DC]. Chấm khóa luận và báo cáo chuyên đề tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ, kỹ năng cũng như kết quả công việc. Các tiêu chí đánh giá này đảm bảo được độ tin cậy, khách quan và tính chính xác [H5.05.03.05], [H1.01.03.07.DC], [H10.10.03.03]. Điểm của khóa luận tốt nghiệp là kết quả trung bình từ hội đồng đánh giá (gồm có ba thành viên) [H10.10.03.09], trong đó có 1 phản biện [H10.10.03.08]. Nếu như có sự chênh lệch về điểm số từ giáo viên hướng dẫn và GV phản biện lên đến 2,0 điểm thì hội đồng đánh giá khóa luận của Khoa sẽ xem xét lại cách chấm điểm để đảm bảo tính chính xác và công bằng cho SV, trước khi SV trình bày kết quả nghiên cứu trước hội đồng đánh giá [H4.04.01.02 DC]. Các khóa luận / báo cáo tốt nghiệp được lưu trữ 2 năm ở Khoa phục vụ cho sinh viên tham khảo và hậu kiểm [H10, 10.03.02].

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng, bao gồm các hình thức như: Kiểm tra viết, tiểu luận, bài tập nhóm, cá nhân, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần. Hình thức tổ chức thi đảm bảo tính khách quan, có thể đánh giá được chất lượng của SV. Ngân hàng câu hỏi thi được bộ môn phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng và được bốc ngẫu nhiên, đảm bảo tính khách quan. Thang điểm và đáp án chấm nhằm đảm bảo sự công bằng và tin cậy.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá kiểm tra về lý thuyết ở mức thuộc bài, SV mới chỉ tái hiện lại được kiến thức. Một số câu hỏi thi chưa bao hàm được các kiến thức và SV chưa vận dụng hết các kỹ năng tư duy, vận dụng khi làm bài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tập huấn công tác ra đề thi cho cán bộ GV	Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật ngân hàng câu hỏi thi hàng năm	Các GV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

KQHT của người học được GV, Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến người học. Đối với điểm quá trình, GV giảng dạy học phần công bố cho SV ngay khi kết thúc học phần. Đối với điểm thi kết thúc học phần được công bố trên thông tin trang Website của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập [H5.05.02.09 DC]. Việc công bố kết quả đánh giá phản hồi kịp thời cho người học đã giúp người học chủ động đăng ký lịch học lại/học cải thiện/học vượt vào học kỳ thứ 3 hoặc vào học kỳ kế tiếp và khiếu nại về kết quả học tập nếu cảm thấy còn chưa thỏa đáng [H5.05.04.03].

Thông qua các cuộc đối thoại giữa SV và lãnh đạo Khoa hàng năm cho thấy 100% người học hài lòng về cách thức và thời gian phản hồi kết quả học tập. Không có SV nào không hài lòng hoặc có ý kiến về cách thức và thời gian phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.05 DC].

100% kết quả thi các học phần của SV được lưu giữ dưới dạng văn bản [H5.05.02.10 DC] và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [H5.05.02.09 DC]. Để làm được điều đó, Trường và Khoa đã thiết lập hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, chính xác và đầy đủ theo từng cá nhân, từng lớp học, từng học kỳ, để không xảy ra tình trạng thất lạc điểm của người học.

Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng học kỳ nhằm giúp SV có kết quả học tập kém biết được và có phương án học tập thích hợp để không bị buộc thôi học nếu kết quả học tập ở ba kỳ liên tiếp kém và có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.02.11 DC].

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, Khoa Nông học quản lý KQHT của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.01].

Quy định về đánh giá điểm bộ phận, chấm thi kết thúc học phần và thông báo kết quả cho người học được thực hiện theo quy định của Quyết định số

1179/ ĐHNL năm 2016 và 1019/ ĐHNL năm 2017. Trợ lý giáo vụ Khoa có trách nhiệm nhập điểm đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần vào hệ thống quản lý đào tạo, in sao biên bản lưu trữ tại Khoa, Bộ môn và nộp bảng điểm gốc về Phòng ĐT&CTSV [H5.05.04.02], [H4.04.02.11 DC].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được công bố đúng quy định. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo được thiết kế bài bản và khoa học giúp người học tra cứu kết quả học tập của mình chính xác, dễ dàng, nhanh chóng và tiện lợi.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù điểm quá trình được phản hồi đến người học nhanh chóng ngay khi kết thúc học phần. Tuy nhiên, việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm trễ. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, học lại/học cải thiện/học vượt, đặc biệt đối với SV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa, Bộ môn cần rà soát xem các học phần công bố điểm thi kết thúc học phần cho người học bị chậm trễ là ở khâu nào và từ đó đề ra hướng khắc phục.	ĐHNL, Khoa Nông học, Bộ môn,	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thông báo kết quả học tập cho người học đúng quy định. Việc tra cứu kết quả học tập dễ dàng và thuận tiện	Trường, Khoa Nông học, bộ môn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, trong quá trình học tập, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo các quy định, quy trình khiếu nại [H5.05.05.01]. Đối với điểm quá trình học tập, người học khiếu nại

trực tiếp với giáo viên trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm Quản lý giáo dục không chính xác thì người học làm đơn gửi Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC đề nghị xem xét lại [H5.05.02.05 DC]. Trưởng bộ môn phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa [H5.05.05.02]. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót [H5.05.05.03]. Kết quả học tập của người học được phòng ĐT & CTSV thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang Quản lý giáo dục của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.04]. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì Nhà trường đã có hòm thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của người học vào đó [H5.05.05.05].

2. Điểm mạnh

Khoa và phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường. Tất cả 201 SV ngành KHCT được cấp 01 tài khoản cá nhân truy cập tại trang Quản lý giáo dục để xem điểm một cách nhanh chóng, để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

3. Điểm tồn tại

Người học chưa thực sự được tiếp cận với quy trình khiếu nại và việc công bố điểm cuối kỳ cho người học đôi khi còn chậm do một số học phần của thỉnh giảng; do đó, điều này ảnh hưởng đến việc phúc tra điểm của người học. Việc công bố kết quả học tập sau mỗi kỳ thi đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2019 – 2020, Nhà trường vẫn tiếp tục ban hành quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trong sổ tay SV nhằm giúp người học tiếp cận dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời, khung chương trình cũng được đổi mới, mỗi học phần ít nhất 2 GV đảm nhiệm nên kế hoạch giảng dạy sẽ ít thay đổi hơn.

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục	Xây dựng kế hoạch giảng dạy có	Các bộ môn,	Từ năm

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	tồn tại	tính chiến lược hơn, nên có phương án dự phòng và sự thay đổi phải được thông báo trên cổng thông tin điện tử để SV cập nhật.	Khoa Nông học, phòng ĐT&CTSV	học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Cụ thể hóa thủ tục phúc khảo, khiếu nại KQHT trong sổ tay SV; Đơn giản hóa quy trình giải quyết khiếu nại, phúc khảo KQHT cho SV.	Phòng ĐT&CTSV, Khoa Nông học, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Từ năm học 2020 - 2021

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành KHCT được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR đã ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời cho người học để cải thiện việc học tập và rèn luyện. Tuy nhiên, quá trình khiếu nại kết quả học tập của người học còn mất nhiều thời gian do hệ thống quản lý điểm gồm nhiều bộ phận và nhiều người từ bộ môn, khoa, Phòng ĐT&CTSV.

Tiêu chuẩn 5 có 4 tiêu chí đạt 5/7, 01 tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Khoa Nông học của trường ĐHNH, ĐHH là một trong 7 Khoa của Trường. Sự ra đời của Khoa Nông học gắn liền với sự ra đời và phát triển của Trường từ những ngày đầu thành lập trường. Nhiệm vụ của Khoa là đào tạo cán bộ khoa học có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học về lĩnh vực Nông nghiệp; Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ở các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên nói riêng và trên

phạm vi cả nước nói chung. Do đó, Khoa Nông học luôn xác định xây dựng và phát triển đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đội ngũ GV và NCV của Khoa Nông học được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Phần lớn đội ngũ GV và NCV của khoa có tâm huyết với nghề, có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia NCKH và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV và NCV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV và NCV tạo động lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ đào tạo khác.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo kế hoạch của Nhà trường, hàng năm Khoa luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ [H6.06.01.01 DC]. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa phù hợp quy hoạch cán bộ chuyên môn của Nhà trường [H6.06.01.01 DC], [H6.06.01.02 DC]. Công tác quy hoạch đội ngũ GV và NCV của Khoa Nông học được thực hiện chặt chẽ và khoa học theo quy trình, phù hợp với quy định chung của Nhà trường và của ĐHH. Ngoài ra, để đáp ứng tốt Công tác quy hoạch đội ngũ GV và NCV của Khoa đáp ứng tốt với 3 nhiệm vụ của Khoa là đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, đội ngũ GV và NCV trong khoa được quy hoạch theo 07 ngành đào tạo: KHCT, Nông học, Khoa học đất (KHĐ), Bảo vệ thực vật (BVTV), Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan (RHQ&CQ), Sinh học ứng dụng, Nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC). Tổng số cán bộ của Khoa hiện có 46 cán bộ, GV (không tính GV kiêm nhiệm). Trong đó có 35 GV, 6 NCV, 01 chuyên viên, 01 kỹ sư và 03 nhân viên kỹ thuật. Về chức danh và học vị của đội ngũ GV và NCV gồm có 01 GS (chiếm 2,2%); 06 PGS (chiếm 13,0%), 12 TS (chiếm 26,0%), 23 ThS (chiếm 50,0%), 01 KS (chiếm 2,2%) và 03 nhân viên kỹ thuật (chiếm 6,5%) [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Hiện tại có 04 giáo viên đang

học NCS ở nước ngoài và 1 NCS đang học ở trong nước [H6.06.01.01 DC].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Căn cứ để Ban chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên vị trí việc làm và khối lượng công việc đang thực hiện của GV, NCV và số lượng cán bộ sắp nghỉ hưu hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.01.06]. [H6.06.01.07 DC]. [H6.06.01.08], [H6.06.01.11]. Khoa cũng có sự hợp tác với các GV kiêm nhiệm trong vấn đề giảng dạy để thực hiện tốt kế hoạch đào tạo của Khoa [H6.06.01.09].

Ngày 19/6/2020, Nhà trường đã chuyển giao cơ sở Tứ Hạ, thuộc viện NCPT cho Khoa Nông học. Trong đề án phát triển, cơ sở Tứ Hạ được Khoa Nông học thống nhất đặt tên là Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ Nông nghiệp (TTNC&DVNN). Trong lộ trình tái cấu trúc của Nhà trường, Khoa đã có thêm cơ sở để phục vụ đào tạo và NCKH của Khoa. Vì vậy, ngoài yêu cầu chung của Nhà trường, Khoa còn có yêu cầu chuyên biệt là cần có một đội ngũ GV và NCV làm việc trực tiếp tại Trung tâm để tập trung thực hiện tốt các hoạt động đào tạo của Khoa [H6.06.01.10].

Cán bộ giảng dạy trong Khoa chủ động hợp tác nghiên cứu với các GV, nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Nhật, Bỉ, Pháp, Philippine, Australia [H6.06.01.01 DC], [H6.06.01.02 DC], [H6.06.01.13]. Đa số các GV và NCV của Khoa đều có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp. Nhiều GV còn có khả năng giảng dạy tiếng Anh cho các môn học chuyên ngành.

Khoa và Nhà trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn trong việc quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn cũng như có hình thức hỗ trợ phù hợp [H6.06.01.02 DC]. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho từng cán bộ được giao cho các Bộ môn đảm nhận, các GV trẻ trước khi đứng lớp đều được 01 GV có kinh nghiệm hướng dẫn và bồi dưỡng về chuyên môn [H6.06.01.02 DC]. Trong kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của Khoa đến năm 2025, sẽ có 03 PGS phấn đấu làm GS, có 06 TS phấn đấu làm PGS, 06 NCS hoàn thành CTĐT TS, 03 ThS sẽ có kế hoạch học NCS và 01 KS đã thi đậu đầu vào ThS. Theo lộ trình phát triển đội ngũ của Khoa, phấn đấu đến năm 2025, có 56,8% cán bộ GV cơ hữu đều có học vị TS, 11,4% đạt chức danh GS và 25,0% đạt chức danh PGS [H6.06.01.02 DC].

Việc bổ nhiệm Trưởng và Phó Bộ môn theo nhiệm kỳ của Chủ nhiệm

Khoa dựa trên năng lực và thành tích NCKH của cán bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như góp phần xây dựng đại học nghiên cứu. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng được thực hiện đúng quy định của Trường. Trường có Quyết định ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường [H6.06.01.06], [H6.06.01.07 DC].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV được thực hiện nghiêm túc đúng kế hoạch. Hàng năm, Trường và Ban Chủ nhiệm Khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho Ban Chủ nhiệm Khoa và đương sự. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.13].

2. Điểm mạnh

Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV và NCV của Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác.

Khoa có đội ngũ GV và NCV mạnh về cả số lượng và chất lượng, sẵn sàng thực hiện tốt các hoạt động giảng dạy, NCKH. Đặc biệt, đội ngũ nhân lực có trình độ cao, đạt cao nhất so với các Khoa khác trong Trường là thế mạnh vượt trội để Khoa Nông học có thể đào tạo SV chất lượng cao ngành KHCT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch chuyên môn của CBVC Khoa đã được thực hiện nhưng chưa thường xuyên kiểm tra và đánh giá để thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Kiểm tra công tác quy hoạch và thực hiện phát triển chuyên môn cho CBVC khoa.	Trường và Khoa Nông học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy việc quan tâm phát triển đội ngũ GV và	Trường và Khoa Nông học	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		NCV		

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. *Mô tả hiện trạng*

Khoa Nông học có đội ngũ GV có trình độ, nhiệt huyết, kinh nghiệm, luôn gần gũi và sâu sát với SV/người học. Tổng số cán bộ của Khoa hiện có 46 cán bộ, GV (không tính GV kiêm nhiệm). Trong đó có 35 GV, 6 NCV, 01 chuyên viên, 01 kỹ sư và 03 nhân viên kỹ thuật. Về chức danh và học vị của đội ngũ GV và NCV gồm có 01 GS (chiếm 2,2%); 06 PGS (chiếm 13,0%), 12 TS (chiếm 26,0%), 23 ThS (chiếm 50,0%), 01 KS (chiếm 2,2%) và 03 nhân viên kỹ thuật (chiếm 6,5%) [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Hiện tại có 04 GV đang học NCS ở nước ngoài và 1 NCS đang học ở trong nước [H6.06.01.01 DC].

Khoa có quy mô đào tạo khá ổn định qua các năm, số lượng người học khá ổn định, đáp ứng đủ cho khối lượng công việc của GV và NCV [H6.06.02.01]. Năm học 2019 - 2020 tuyển sinh của hầu hết các trường Đại học trong cả nước cũng như ĐHH nói chung, trường ĐHNH, ĐHH và Khoa Nông học nói riêng có xu hướng giảm. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa ảnh hưởng nhiều đến khối lượng công việc của GV và NCV [H6.06.02.01].

Theo điều 05 Thông tư 32/2015/TT-BGĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục [H6.06.01.15] quy định đối với nhóm ngành V không được vượt quá 20 SV/01 GV quy đổi và không quá ¼ quy mô năng lực đào tạo tối đa của khối ngành. Trong giai đoạn 2014 – 2020, số lượng SV tuyển sinh của ngành KHCT [H6.06.01.16] luôn nằm trong ngưỡng giới hạn theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giảng dạy, ngoài giờ lên lớp theo sự phân công của Khoa và Bộ môn [H6.06.04.05 DC], sự phân công GV hướng dẫn SV thực tập nghề nghiệp [H4.04.02.15 DC] và SV thực tập tốt nghiệp [H6.06.06.02] luôn đảm bảo hài hòa với tỉ lệ bình quân GV/SV là 1/(2 - 4).

Bảng 6.1. Số lượng CBVC của Khoa Nông học năm 2020
(không kể kiêm nhiệm)

Hạng mục	Số lượng CB, GV		Tổng số	GV có trình độ tiến sĩ	
	Nam	Nữ		Số lượng	Tỷ lệ (%)
GS	0	1	1	12	26
PGS	3	3	6		
GV cơ hữu	14	21	35		
Chuyên viên	0	1	1		
NCV	4	2	6		
Kỹ sư	0	1	1		
Nhân viên kỹ thuật	2	1	3		

Bảng 6.2. Tỷ lệ GV/SV của Khoa Nông học trong 5 năm gần đây (2015 – 2020)

Năm học	Tổng số GV ^(*)	Tổng số SV	Tỷ lệ SV/GV
2014 – 2015	42	759	18,07
2015 – 2016	40	942	23,55
2016 – 2017	40	999	24,98
2017 – 2018	39	886	22,72
2018 – 2019	40	703	17,58
2019 – 2020	38	486	12,78

Ghi chú: () Tổng số GV chỉ tính cho GV đứng lớp, không bao gồm cả chuyên viên phục vụ đào tạo*

Theo quy định của Nhà trường về định mức giờ quy chuẩn của GV là 270 giờ, giờ quy chuẩn của NCV là 60 giờ và giờ quy chuẩn của GV kiêm NCV là 135 giờ. Đối với GVCC, giờ NCKH là 140 và giờ chuẩn cho hoạt động chuyên môn là 30; GVC có giờ NCKH là 120 và giờ chuẩn cho hoạt động chuyên môn là 50; GV có giờ NCKH là 100 và giờ chuẩn cho hoạt động chuyên môn là 70 [H6.06.02.06 DC]. Trên cơ sở đó để Nhà trường “đo lường và giám sát khối lượng công việc của GV và NCV.

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả

thực hiện nhiệm vụ năm học thông quan bản kê khai khối lượng công tác năm học và xây dựng kế hoạch cá nhân trong năm học tới [H6.06.02.02]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.03] [H6.06.02.04] [H6.06.02.05]. Nhằm xác định và đánh giá khối lượng hoàn thành công việc của từng GV, dựa vào bảng kê khai khối lượng công tác năm học (H6.06.02.02), vào cuối mỗi năm học từng GV phải hoàn thành phiếu đánh giá và phân loại công chức. Phần đầu tiên của phiếu này các GV phải tự kê khai và đánh giá trong 4 mức độ hoàn thành là Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.02 DC]. Dựa vào phần tự đánh giá này, tập thể đơn vị và lãnh đạo trực tiếp đưa ra đánh giá cuối cùng để trình lên hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường xem xét, đánh giá. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, mà còn giúp cho Khoa đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; giúp các cấp quản lý có cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

2. Điểm mạnh

Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành KHCT và ngành BVTV theo hướng chất lượng cao. Hơn nữa, đội ngũ GV của Khoa còn đảm nhận tốt việc giảng dạy cho SV thuộc các ngành khác trong Khoa (Nông học, RHQ&CQ, NNCNC, KHĐ, Sinh học ứng dụng). Đội ngũ GV của Khoa nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm.

Ngành KHCT là ngành đào tạo truyền thống của Khoa và Trường nên có số lượng người học cao và ổn định nhất so với các ngành đào tạo khác.

3. Điểm tồn tại

Khoa có đủ đội ngũ GV có trình độ cao, đặc biệt có nhiều GV có học vị, học hàm cao và là chuyên gia đầu đàn trong một số lĩnh vực chuyên môn. Tuy nhiên, Khoa chưa khai thác hết toàn bộ thế mạnh sẵn có về nguồn nhân lực này để đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ GV trẻ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khoa có chính sách mời các GV có trình độ cao, là chuyên gia đầu đàn trong một số lĩnh vực chuyên môn để đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ GV trẻ.	Khoa Nông học	Từ 2020 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có chất lượng Cải tiến CTĐT và đa dạng các hình thức quảng bá tuyển sinh để không ngừng thu hút SV vào học, đặc biệt là ngành KHCT.	Trường và Khoa Nông học	Từ 2020 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo của một CSGD không chỉ phụ thuộc vào CTĐT mà còn phụ thuộc vào chất lượng của đội ngũ GV, NCV. Chất lượng của đội ngũ này bao gồm: Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng đội ngũ GV có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Chính vì vậy, để đảm bảo tuyển dụng được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng [H6.06.03.04]. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành Đề án vị trí việc làm nhiệm kỳ 2015 – 2019 [H6.06.01.07 DC] trong đó thể hiện nhu cầu nhân lực cho từng loại hình công việc và cũng từ đó có kế hoạch tuyển dụng được xác định một phần được dựa vào vị trí việc làm.

Nhằm đào tạo, bồi dưỡng các thế hệ GV kế cận các GV đến tuổi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác, hàng năm Ban chủ nhiệm và tập thể lãnh đạo Khoa luôn có đề xuất tuyển dụng nhân sự hằng năm (H6.06.03.03 DC). Các đề xuất này nhằm đảm bảo sự kết nối liên tục giữa các thế hệ, tránh các khoảng trống khi

chuyên gia và đảm bảo cho công tác giảng dạy được diễn ra thuận lợi, thông suốt. Căn cứ vào bảng đề xuất này, Nhà trường phê duyệt phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng viên chức hằng năm cho từng đơn vị [H6.06.03.05 DC]. Sau khi có quyết định phê duyệt tuyển dụng, Nhà trường tiến hành tổ chức thông báo tuyển dụng viên chức hằng năm [H6.06.03.04] trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn GV và NCV đều được Nhà trường công khai bằng văn bản, trên website của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại bảng thông báo của Nhà trường [H6.06.03.04].

Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm GV của Khoa Nông học Trường ĐHNH, ĐHH cần phải đảm bảo các quy định chung được quy định tại Điều 22 của Luật viên chức năm 2010 và Điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, đó là có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển [H6.06.03.01], [H6.06.03.02] và các tiêu chuẩn cụ thể khác do Nhà trường và Khoa quy định. Các quy định bổ sung này được xác định dựa trên đề xuất của các Bộ môn trong Khoa có nhu cầu tuyển dụng như: Tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại khá, giỏi trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo và ưu tiên những ứng viên có trình độ TS, ThS, trình độ ngoại ngữ, tin học giỏi. Các ứng cử viên phải đảm bảo có các kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Hiểu biết đầy đủ các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Khoa Nông học, Trường ĐHNH, ĐHH. Với viên chức làm GV thì phải có trình độ C tiếng Anh trở lên, có trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: Mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung bài giảng 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong số 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Ban chấm thi [H6.06.03.03], [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên Website của Nhà trường và niêm yết tại bảng thông báo của Nhà trường. Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt các yêu cầu của Nhà trường, người tập sự sẽ được chính thức bổ nhiệm vào ngạch đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ [H6.06.03.06], [H6.06.03.07].

Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý được Nhà trường, Khoa thực hiện định kỳ, theo đúng quy định của Bộ GDĐT. Việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả CBVC, đảm bảo quy hoạch những người có đủ năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ quản lý bổ nhiệm đến năm 2020 [H6.06.01.01 DC], [H6.06.01.02 DC].

Việc bổ nhiệm các chức vụ quản lý của Khoa và của Nhà trường được tuân thủ theo đúng quy trình trong Quyết định ban hành Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và kéo dài chức vụ lãnh đạo các đơn vị trong trường [H6.06.01.13]. Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, đảm bảo sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý nhận được phản hồi tích cực của CBVC trong Khoa, trong Nhà trường thông qua: Thông báo về việc nhận xét và đánh giá cán bộ trước khi bổ nhiệm [H6.06.03.09] và Hội nghị CBVC Nhà trường [H6.06.03.10].

2. Điểm mạnh

Việc thi tuyển viên chức hằng năm được tiến hành nghiêm túc, công khai đúng quy định của Luật viên chức năm 2010 và quy định của Nghị định 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức cũng như các quy định của Nhà trường, của Khoa theo các tiêu chí tuyển chọn rõ ràng cụ thể. Bổ nhiệm cá nhân vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí tuyển dụng CBVC ngày một nâng cao theo nhu cầu phát triển của xã hội, đồng thời việc tuyển dụng và sử dụng nhân sự mang tính chất kế thừa. Do đó, trong những nhiệm kỳ trước có những tồn tại mà hiện nay chưa thể khắc phục như việc tuyển dụng, điều chuyển sắp xếp chưa hợp lý dẫn đến tình trạng thiếu hụt GV hoặc NCV khi các cán bộ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ. Hoặc việc sắp xếp đội ngũ GV, NCV chưa có sự hài hòa giữa các Bộ môn trong Khoa nên xảy ra tình trạng nơi thừa nơi thiếu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát sắp xếp lại đội ngũ GV đúng chuyên môn cho cân đối giữa các bộ môn trong Khoa Rà soát và xây dựng định hướng dài hạn trong tuyển dụng đội ngũ GV và NCV	Trường và Khoa Nông học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tuyển dụng và bổ nhiệm GV, NCV cần được tiếp tục thực hiện theo đúng quy định và phổ biến công khai cho những đối tượng có nhu cầu thi tuyển vào làm công tác giảng dạy tại Khoa	Trường và Khoa Nông học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ GV, NCV của Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH được xác định dựa trên 2 phương diện: giảng dạy và NCKH. Đối với công tác giảng dạy, năng lực của GV được xác định dựa trên các tiêu chí như Năng lực chuẩn bị giáo án, bài giảng; Năng lực sử dụng ngôn ngữ sư phạm; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện trợ giảng; Năng lực tổ chức các hoạt động dạy học; Năng lực đánh giá người học. Đối với năng lực NCKH bao gồm các tiêu chí: Năng lực quan sát và phát hiện vấn đề; Năng lực tư duy giải quyết vấn đề; Năng lực tra cứu và tổng hợp thông tin; Năng lực xây dựng đề cương nghiên cứu; Năng lực tổ chức triển khai các hoạt động NCKH; Năng lực tổng hợp báo cáo khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Năng lực giảng dạy của GV trong Khoa luôn được quan tâm bồi dưỡng, kiểm tra và đánh giá thường xuyên. Đối với các GV mới trúng tuyển phải trải qua 01 năm tập sự giảng dạy trước khi chính thức giảng dạy cho SV. Sau khi được tuyển dụng, GV phải hoàn thành tập sự theo quy trình thử việc đối với viên chức thử việc lần đầu làm việc tại Trường. Nhà trường phân công 01 GV có kinh nghiệm hướng dẫn người tập sự. Trong thời gian tập sự, GV phải chuẩn bị

giáo án và bài giảng cho toàn bộ học phần sẽ được giao đảm nhiệm. Song song với việc chuẩn bị giáo án bài giảng, định kỳ mỗi tháng GV tập sự phải thông qua tiết giảng ở cấp Bộ môn. Sau mỗi tiết giảng, toàn bộ các GV trong Bộ môn có nhận xét đánh giá và góp ý về nội dung bài giảng, cấu trúc giáo án lên lớp, kỹ năng truyền đạt, kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng sử dụng công cụ thiết bị trợ giảng. Sau khi GV tập sự thông qua toàn bộ các tiết giảng của học phần, Bộ môn tiến hành họp, nhận xét đánh giá và đề nghị tổ chức thông qua tập sự ở cấp Khoa và Nhà trường. Căn cứ vào quy định, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cho GV tập sự [H6.06.04.01]. GV tập sự bốc thăm và giảng ngẫu nhiên 01 tiết trong toàn bộ nội dung học phần, sau đó trả lời các câu hỏi của Hội đồng. Bên cạnh đó, toàn bộ nội dung bài giảng, giáo án được Hội đồng xem xét đánh giá. Kết quả đánh giá của Hội đồng được lập thành văn bản đề xuất Nhà trường ra Quyết định thông qua tập sự giảng dạy [H6.06.04.02]. Ngoài ra, GV tập sự phải hoàn thành các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ NCKH và chứng chỉ triết học trong thời gian tập sự [H6.06.04.03], [H6.06.04.04 DC], [H6.06.02.05 DC]. Đối với các GV đã chính thức được bổ nhiệm vào ngạch GV, định kỳ hằng năm Công đoàn Khoa tổ chức các buổi dự giờ tiết giảng (đối với GV trẻ) để kiểm tra, đánh giá và góp ý. Đối với các GV nhiều kinh nghiệm, Công đoàn tổ chức các buổi seminar tiết giảng mẫu giúp cho các GV trẻ học hỏi thêm kinh nghiệm [H5.05.02.01 DC].

NCKH là một trong những năng lực rất quan trọng đối với đội ngũ GV của Khoa Nông học. Kể từ năm học 2014 – 2015, trên cơ sở chuẩn hóa năng lực của đội ngũ GV và NCV, Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên ĐHNL, ĐHH [H6.06.02.05 DC]. Theo đó, tùy theo mỗi vị trí chức danh công việc, mỗi cán bộ GV phải đảm bảo đủ số giờ giảng dạy và NCKH theo chức danh đã quy định trong ngạch vị trí việc làm [H6.06.02.05 DC]. Hằng năm Khoa và Nhà trường yêu cầu tất cả các GV và NCV đăng ký chủ trì hoặc tham gia công tác NCKH. Trong bảng đăng ký kế hoạch công việc hằng năm, các GV và NCV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV làm NCKH) đảm bảo số giờ NCKH theo chức danh đã quy định trong ngạch vị trí việc làm [H6.06.02.05 DC], [H6.06.04.05 DC].

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển, Khoa Nông học và Trường luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy và năng lực NCKH của đội ngũ GV và NCV. Nhà trường đã có định hướng cụ thể về chiến lược xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức và

chính trị tốt, đủ số lượng và có kinh nghiệm công tác chuyên môn, vững về tin học và ngoại ngữ để đảm nhiệm công tác giảng dạy và NCKH [H6.06.04.06].

Việc kiểm tra đánh giá năng lực của đội ngũ GV và NCV của Khoa Nông học được thực hiện thường xuyên thông qua nhiều hình thức. Đầu tiên là việc đánh giá năng lực của GV do tập thể lãnh đạo quyết định. Việc đánh giá này tuân theo Quyết định ban hành quy định đánh giá phân loại CBVC và hợp đồng lao động hàng năm [H6.06.02.04 DC] và Hướng dẫn đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, khen thưởng [H6.06.04.07 DC]. Quy trình thực hiện như sau: Đầu tiên mỗi cá nhân phải tiến hành tự hoàn thiện bảng báo cáo kết quả thực hiện công việc hàng năm bao gồm các nội dung như giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc quản lý khác và tự nhận xét mức độ hoàn thành của bản thân theo 4 mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (loại A), hoàn thành tốt nhiệm vụ (loại B), hoàn thành nhiệm vụ (loại C) và không hoàn thành nhiệm vụ (loại D) [H6.06.02.02 DC]. Tiếp theo, căn cứ vào bảng kê khai của từng cá nhân và căn cứ vào hướng dẫn đánh giá, phân loại và bình xét thi đua, tập thể lãnh đạo và bộ môn nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện công việc của từng cán bộ, giảng viên do mình quản lý. Kết quả bình xét này sau đó được đánh giá tiếp ở Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Khoa và Nhà trường. Bước cuối cùng, dựa vào kết quả của hội đồng thi đua khen thưởng, Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả đánh giá phân loại CBVC hằng năm [H6.06.04.05 DC]. Kết quả đánh giá năng lực công tác trong nhiều năm qua cho thấy hầu hết GV và NCV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức tiêu chuẩn theo yêu cầu của chức danh công việc được quy định trong đề án vị trí việc làm. Số tiết giảng và số giờ NCKH đều đạt và vượt mức kế hoạch [H6.06.04.05 DC].

Một hình thức đánh giá năng lực của giảng viên còn được đánh giá thông qua khảo sát lấy ý kiến người học. Kể từ năm học 2007 – 2008 đến nay, Nhà trường thường xuyên tổ chức việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV. Từ năm học 2007 – 2008 đến năm học 2010 – 2011, việc lấy ý kiến đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện thông qua phát phiếu trực tiếp [H6.06.04.08]. Từ năm học 2012 – 2013 trở đi việc khảo sát này được thực hiện trực tuyến trên 2 hệ thống phần mềm: phần mềm Đào tạo tín chỉ của ĐHH (từ năm 2012 đến năm 2014) và phần mềm Quản lý giáo dục của Trường từ năm 2014 [H6.06.04.10], [H6.06.04.11 DC]. Do sự trục trặc về phần mềm nên Trường chưa thực hiện việc khảo sát giảng dạy trong 02 năm học 2011 – 2012 và 2014 – 2015. Đối với năm học 2014 – 2015, do sự cố của phân hệ Đánh giá học phần trong phần mềm Quản lý giáo dục nên Trường chưa thể

thực hiện việc khảo sát trực tuyến. Thay vào đó, Trường đã tiến hành phát phiếu trực tiếp để thu thập thông tin giảng dạy các học phần trong năm học 2014 – 2015 đối với các lớp được chọn, kết quả xử lý học kỳ I năm học 2014 – 2015 đã gửi tới GV [H6.06.04.08], [H6.06.04.12].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV và NCV của Khoa Nông học được xác lập và có quy định rõ ràng theo từng vị trí công tác. Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ GV và NCV luôn được Khoa và Nhà trường quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện. Việc đánh giá năng lực của GV và NCV được tiến hành thường xuyên theo đúng quy định của Nhà trường. Các ý kiến phản hồi từ phía người học để đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và đánh giá chất lượng đào tạo của Trường đại học trước khi tốt nghiệp được thực hiện định kỳ, thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của SV trong việc đánh giá chất lượng các học phần và chất lượng giảng dạy của mỗi GV hằng năm chưa đầy đủ theo yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Đa dạng hóa các hình thức phổ biến thông tin về kế hoạch khảo sát đến người học - Thực hiện bắt buộc người học phải tham gia khảo sát trước khi đăng nhập phần mềm xem điểm thi hoặc trước khi xét công nhận tốt nghiệp	Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC; Phòng ĐT&CTSV, Bộ phận TT-TV, Khoa Nông học, CVHT, GV giảng dạy.	Hàng kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đúng các quy định trong kiểm tra đánh giá năng lực của GV và NCV của Khoa	Trường và Khoa Nông học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trường ĐHNL, ĐHH nói chung và Khoa Nông học nói riêng luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên của Khoa ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng [H6.06.05.01]. Hiện nay, Khoa có tất cả là 46 GV, NCV và hợp đồng lao động (không kể cán bộ kiêm nhiệm ở các Viện, Phòng, Ban và Trung tâm của trường và ĐHH). Trong đội ngũ GV có 01 GS, 6 PGS, 12 TS, 23 thạc sĩ, 01 kỹ sư. Trong số viên chức và lao động thuộc ngạch NCV và kỹ thuật viên có 1 TS, 6 thạc sĩ. Khoa có được đội ngũ như vậy nhờ đã thực hiện tốt cả hai mặt: tuyển dụng theo tiêu chí và bồi dưỡng phát triển nâng dần từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn theo quy hoạch cán bộ chuyên môn. Trong các năm qua Khoa và Trường đã thực hiện việc thống kê về đội ngũ GV cơ hữu và quy hoạch cán bộ chuyên môn cho các CBVC và lao động hợp đồng [H1.01.01.11 DC], [H6.06.05.02]. Dựa vào bảng quy hoạch cán bộ chuyên môn cho CBVC và hợp đồng lao động của Khoa, tập thể lãnh đạo Khoa đã xây dựng được một chiến lược phát triển nguồn lực con người hợp lý và khoa học. Về ngắn hạn, Ban chủ nhiệm Khoa thường xuyên hỗ trợ và khuyến khích các cán bộ GV, đặc biệt là những GV trẻ thường xuyên tham gia vào các lớp tập huấn ngắn hạn, các hội nghị hội thảo chuyên đề ở trong và ngoài trường nhằm đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.05]. Ở cấp độ Bộ môn và Khoa, các buổi sinh hoạt chuyên đề, các buổi thảo luận seminar, các buổi dự giờ cấp Bộ môn và Khoa thường xuyên diễn ra nhằm trao đổi học thuật, chuyên môn giữa các cán bộ, GV trong Bộ môn và Khoa [H5.05.02.01 DC] nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy, trao đổi chuyên môn và định hướng nghiên cứu trong tương lai. Bên cạnh đó, hàng năm có nhiều lượt CBVC được tham gia đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn (dưới 30 ngày) trong và ngoài nước. Trong thời gian qua, Khoa và Trường đã tạo điều kiện cho các GV tham gia các lớp: Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chứng chỉ GV chính, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc đại học và các khóa học Ngoại Ngữ [H4.04.03.04 DC], [H6.06.05.03]. Đây chính là những điều kiện cần để các GV một mặt nâng cao trình độ phục vụ cho công tác chuyên môn, một mặt phục vụ cho việc nâng ngạch GV sau này.

Về dài hạn, kế hoạch đào tạo và nâng cao chuyên môn của các GV luôn

được chú trọng. Hàng năm, Khoa luôn có những chính sách hỗ trợ và khuyến khích các GV đi học tập và nâng cao trình độ. Hiện tại, Khoa có 5 cán bộ GV đang làm NCS trong đó có 4 NCS ở nước ngoài và 1 NCS trong nước; 01 GV mới tuyển dụng đã trúng tuyển đầu vào Cao học ngành KHCT. Quy hoạch cán bộ chuyên môn của Khoa Nông học đến 2020 - tầm nhìn đến năm 2025 [H6.06.01.02 DC] là một trong những kim chỉ nam cho mọi hoạt động đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn của Khoa và Bộ môn được thực hiện nghiêm túc và kịp thời. Những cá nhân chưa hoàn thành các yêu cầu trong quy hoạch chuyên môn này luôn được Ban chủ nhiệm Khoa tạo mọi điều kiện để hoàn thành đúng tiến độ như khuyến khích bổ sung các điều kiện cần (Ngoại ngữ, hướng dẫn khoa học, viết báo) để có thể tiếp tục học tập ở các bậc cao hơn hoặc nâng ngạch viên chức.

Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa công khai thông báo các chương trình học bổng nước ngoài tạo điều kiện để CBGV trẻ tham gia dự tuyển. Nhà trường và Ban Chủ nhiệm Khoa có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho GV và NCV tham gia các hoạt động chuyên môn ở trong nước và nước ngoài thông qua các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H6.06.05.04], [H6.06.05.05].

Đối với các CBVC đang làm NCS và học viên cao học Nhà trường có nhiều chính sách để khuyến khích và hỗ trợ như: giảm định mức giờ giảng và NCKH cũng như hỗ trợ kinh phí đào tạo [H6.06.05.03].

2. Điểm mạnh

Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo).

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa có kế hoạch để nâng cao trình độ chuyên môn bằng cách tiếp tục học NCS.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cơ chế hỗ trợ cũng như các chế tài để GV và NCV nâng cao trình độ chuyên môn.	Khoa Nông học,	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn của GV và NCV để hỗ trợ GV, NCV tham gia các lớp tập huấn nhằm giúp GV, NCV luôn cập nhật những kiến thức mới trong lĩnh vực của mình.	Trường ĐHNL	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cơ chế hỗ trợ cho GV, NCV nâng cao trình độ chuyên môn (thời gian, kinh phí).	Khoa Nông học, Trường ĐHNL	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNL đã có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho cán bộ giảng dạy. Dựa trên quy định về khối lượng công việc của từng đối tượng, Khoa Nông học có kế hoạch phân công giảng dạy, hướng dẫn thực tập tốt nghiệp, thực tập nghề nghiệp, phân bổ các đề tài các cấp cho từng cán bộ, GV trong khoa để đảm bảo tất cả các cán bộ, GV đều thực hiện đủ định mức giờ chuẩn [H6.06.06.01], [H6.06.04.05 DC], [H1.01.01.10 DC], [H4.04.02.15 DC], [H6.06.06.02], [H6.06.06.05].

Chính sách, cơ chế và các hoạt động quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai ở các cấp một cách đồng bộ và diễn ra trong suốt cả năm học. Vào đầu mỗi năm học và mỗi học kỳ, Phòng ĐT&CTSV luôn đưa ra Kế hoạch giảng dạy và học tập năm học [H1.01.01.10 DC] và đưa xuống các Khoa chuyên môn. Dựa vào bảng kế hoạch này, Ban chủ nhiệm Khoa giao xuống cho từng Bộ môn phụ trách và phân công cho các GV trong bộ môn thực hiện. Việc giám sát hoạt động giảng dạy, học tập được diễn ra trong suốt năm học và do bộ phận Thanh tra pháp chế và thành viên của Khoa thực hiện và có các báo cáo định kỳ [H4.04.02.02 DC]. Các báo cáo này kết hợp với bảng kê khai thành tích của từng cá nhân là các căn cứ quan trọng được sử dụng để đánh giá, công nhận

mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV. Đối với quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của GV được thực hiện thông qua việc kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của những GV thực hiện đề tài [H6.06.07.03 DC], [H6.06.06.07 DC] hoặc bảng kê khai khối lượng NCKH hàng năm của từng GV. Cơ chế đánh giá, công nhận các kết quả thực hiện công việc của mỗi GV được thực hiện vào mỗi cuối năm học căn cứ vào Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên Trường ĐHNL, ĐHH [H6.06.02.05 DC] và Hướng dẫn đánh giá, phân loại và bình xét thi đua [H6.06.04.07 DC] Mức độ hoàn thành công việc của mỗi GV dựa vào bảng kê khai [H6.06.02.02] và đánh giá của tập thể lãnh đạo sẽ làm căn cứ bình xét thi đua – khen thưởng cấp Trường, ĐHH, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng Lao động sáng tạo, Bằng khen của Bộ GDĐT, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương Lao động. Những cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn [H6.06.06.06]. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm, lãnh đạo Khoa và Nhà trường sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá phân loại CBVC (A, B, C) hàng năm. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Thu nhập tăng thêm hàng năm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.04 DC].

Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.06.03 DC], [H6.06.06.04], [H6.06.02.04 DC]. Bắt đầu từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã có thay đổi về phương thức bình xét thu đua: Tách riêng nhóm các cán bộ lãnh đạo từ cấp Trưởng bộ môn trở lên và nhóm các cán bộ viên chức và hợp đồng lao động không giữ chức vụ lãnh đạo tạo ra sự công bằng hơn trong việc bình xét thi đua [H6.06.04.07 DC].

Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của các GV, NCV theo chức danh. Trong 1 năm học, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải đảm bảo giờ chuẩn NCKH và giờ chuẩn khác [H6.06.04.04], [H6.06.06.05 DC]. Hai năm trở lại đây, ĐHH đã thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHH có hỗ trợ thêm kinh phí nghiên cứu và xuất bản để tăng cường phối hợp nghiên cứu giữa các GV và NCV trong Khoa, Trường và ĐHH [H6.06.06.05 DC].

Đối với hoạt động NCKH, Nhà trường có quy định khen thưởng đối với 10 cá nhân có giờ chuẩn NCKH cao nhất trong toàn trường [H6.06.02.05 DC]. Ngoài ra, hàng năm ĐHH cũng có khen thưởng cho các cá nhân có công trình khoa học bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao, các cá nhân có nhiều công trình NCKH có giá trị [H6.06.06.05 DC].

2. Điểm mạnh

Phần lớn GV Khoa Nông học đều hoàn thành và vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy).

Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, giấy khen của Hiệu trưởng, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

3. Điểm tồn tại

Do hạn chế về tỷ lệ đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua nên có nhiều cá nhân mặc dù có nhiều thành tích trong giảng dạy, NCKH nhưng không được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua.

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu giữa các GV trong khoa chưa mang lại hiệu quả cao như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hình thức khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc. Lượng hóa cụ thể toàn bộ tiêu chuẩn đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua để tất cả các cán bộ, GV nếu đạt được tiêu chuẩn thì đạt danh hiệu không thông qua hình thức bỏ phiếu. Nghiên cứu tạo cơ chế phối hợp hoạt động nghiên cứu giữa các GV trong Khoa	Trường ĐHNL Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì cơ chế để tất cả GV, NCV trong khoa đều đạt định	Khoa Nông học	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		mức khối lượng công việc hàng năm.		

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong khoa. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV [H6.06.04.05 DC].

Các loại hình và hoạt động NCKH của giảng viên hàng năm rất đa dạng và phong phú từ NCKH cấp cơ sở (cấp trường), cấp ĐHH, cấp Bộ, cấp Quốc gia và các đề tài liên kết, ứng dụng trong và ngoài nước. Đối với các đề tài cơ sở, cấp ĐHH, cấp Bộ và cấp Quốc gia, hàng năm Phòng KHCN, HTQT&TTTTV luôn có các thông báo tuyển chọn đề tài gửi xuống các đơn vị [H6.06.07.08]. Căn cứ vào thông báo này, tập thể lãnh đạo Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa tổ chức tuyển chọn các cá nhân đăng ký tuyển chọn và xét duyệt [H6.06.07.09]. Các căn cứ xét duyệt và tuyển chọn đề tài ở cấp Khoa bao gồm tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu, tính khả thi và tính phù hợp. Sau đó, Khoa lập danh sách các đề tài được xét duyệt ở cấp Khoa trình lên Hội đồng Khoa học của Trường xem xét và phê duyệt và ra quyết định phê duyệt danh mục đề tài khoa học công nghệ được phê duyệt năm 2019 - 2020 [H6.06.07.02 DC]. Những cá nhân được xét duyệt đề tài tiến hành các thủ tục cần thiết tiếp theo như hoàn thiện thuyết minh, ký hợp đồng và triển khai dự án. Đối với các đề tài liên kết, các dự án sản xuất thử nghiệm không sử dụng nguồn kinh phí của Nhà trường và ĐHH thì do các cá nhân, nhóm nghiên cứu tự động tìm kiếm và triển khai thực hiện.

Thống kê số lượng công trình NC&KH công nghệ các cấp từ năm 2012 - 2019 của Khoa Nông học được thể hiện ở Bảng 6.3.

Bảng 6.3. Thống kê số lượng công trình nghiên cứu khoa học công nghệ của Khoa Nông học từ năm 2012 - 2019

Năm	Số lượng đề tài						
	Cấp cơ sở	Cấp Bộ	Cấp ĐHH	Cấp tỉnh	Cấp nhà nước	Nafosted	Liên kết
2015	6	4	5	3	1	3	1
2016	7	3	4	3	0	3	0
2017	9	3	3	3	0	3	0
2018	10	2	2	2	0	3	0
2019	10	1	2	2	0	2	0

Hoạt động giám sát và đối sánh đối với các đề tài triển khai được thực hiện định kỳ 6 tháng 1 lần. Các giám sát này được tổng hợp thành các Biên bản báo cáo tiến độ thực hiện đề tài KHCN hàng năm [H6.06.07.03 DC]. Hoạt động giám sát này nhằm đảm bảo cho các kế hoạch nghiên cứu của các nhà khoa học, GV được thực hiện thông suốt đồng thời hỗ trợ những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện đề tài. Các công trình nghiên cứu của cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa, Trường và ĐHH [H6.06.07.03 DC]. Khi kết thúc đề tài nghiên cứu theo hợp đồng ký kết, các chủ đề tài sẽ tiến hành nghiệm thu đề tài theo kế hoạch nghiên cứu ban đầu định sẵn. Quá trình nghiệm thu đề tài này được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường và của ĐHH. Biên bản nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ [H6.06.07.04] là cơ sở quan trọng để cơ quan tài trợ đề tài (Nhà trường, ĐHH, các cơ quan tài trợ khác) tiến hành nghiệm thu và thanh lý đề tài theo đúng lịch ký kết.

Hiện nay, theo chủ trương của ĐHH, Khoa đã hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm các GV, NCV có cùng hướng nghiên cứu do các nhà khoa học có kinh nghiệm nghiên cứu đứng đầu [H6.06.07.01].

Các ấn phẩm khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Năm 2017, Khoa in Tuyển tập các công trình NCKH của các cán bộ, GV, NCV của Khoa [H6.06.07.05]. [H6.06.07.06]. Ngày 15 tháng 03 năm 2017, Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp Trường ĐHNL, ĐHH đã được cấp giấy phép hoạt động báo in số 114/GP-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền

thông và được Trung tâm thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp mã số ISSN 2588-1256 tạo điều kiện cho các cán bộ giáo viên công bố các công trình khoa học [H6.06.07.07].

2. Điểm mạnh

Tất cả GV của khoa luôn vượt định mức số giờ NCKH hàng năm do Nhà trường đề ra. Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: Đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ, cấp nhà nước, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo. Các bài báo của đội ngũ GV được đăng tải trong các tạp chí chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế có chất lượng cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong Trường và ngoài Trường còn chưa phong phú, số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tham gia đấu thầu chương trình NCKH cấp nhà nước, cấp tỉnh.	Hội đồng khoa học Khoa	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tất cả các cán bộ GV, NCV trong khoa đều tham gia các đề tài NCKH các cấp.	Hội đồng khoa học Khoa	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ GV và NCV của Khoa Nông học có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và năng lực NCKH tốt. Vì vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã đạt được những thành tích xuất sắc. Trong giảng dạy, đội ngũ GV, NCV của Khoa hoàn thành và vượt định mức giờ giảng theo quy định. Khoa đã tạo tiếng vang và dấu ấn tốt đẹp về thành tích xuất sắc trong NCKH. Hầu hết GV trong Khoa đều chủ trì hoặc tham gia nhiều đề tài các cấp

với nhiều loại hình nghiên cứu. Các GV, NCV đều hoàn thành và vượt định mức số giờ NCKH theo quy định, nhiều GV được khen thưởng về thành tích trong NCKH các cấp như cấp ĐHH, cấp Bộ và cấp Trường. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV của Khoa và Nhà trường có lộ trình cụ thể, đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của nhà trường.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo của ngành KHCT để đảm bảo được mục tiêu chuẩn đầu ra theo CTĐT không chỉ phụ thuộc chủ yếu vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học mà còn phụ thuộc vào các hoạt động dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên trong Trường và Khoa. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, PTN, phòng máy tính, các phòng chức năng, viện và trung tâm nhằm hỗ trợ người học để đạt chất lượng tốt. Nhà trường và Khoa Nông học chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển và hoàn thiện hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt và hiệu quả nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa đã tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ thông qua việc khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên giai đoạn 2015 - 2020 tầm nhìn 2020 - 2025 là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Trường [H6.06.01.01 DC], [H6.06.01.01 DC]. Để làm tốt công tác quy hoạch, hàng năm Khoa và Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng với các chỉ tiêu, tiêu chí công khai minh bạch để có thể lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường [H6.06.03.03 DC], [H6.06.03.05 DC], [H6.06.01.07 DC]. Nhiệm vụ của đội ngũ

cán bộ viên chức hỗ trợ phục vụ đào tạo được Nhà trường quy định cụ thể tại văn bản Quy định chế độ việc làm cho từng nhóm công việc về khối lượng và chất lượng. Quy định cũng nêu rõ chính sách bồi dưỡng đội ngũ đảm bảo đạt chuẩn [H6.06.02.05 DC].

Cán bộ hỗ trợ cho Khoa Nông học có chức năng nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa: quản lý điểm thi; quản lý đăng ký học phần (lớp chung- Theo nhóm liên ngành, lớp riêng -Theo nhóm chuyên ngành), xét học bổng, xét ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; xét học bổng, đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV. Số lượng cán bộ hỗ trợ cho Khoa được tuyển dụng căn cứ vào quy hoạch cán bộ hỗ trợ của Khoa [H6.06.01.02 DC]. Thông tin về tuyển dụng cán bộ hỗ trợ bao gồm số lượng và các tiêu chuẩn cứng cũng như những chính sách ưu tiên trong tuyển dụng, chính sách thu hút cán bộ đã được thông báo công khai theo quy định của Nhà trường [H6.06.03.04 DC] và theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả tuyển dụng, phòng TCHC có trách nhiệm niêm yết và công bố trên Website theo đúng quy định [H6.06.03.06 DC] để nhận các ý kiến phản hồi từ xã hội.

Hiện nay Khoa Nông học có 09 cán bộ hỗ trợ đều có bằng cấp từ trình độ đại học đến TS (đại học: 03; thạc sĩ: 05; TS: 01) đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực cho Khoa giải quyết các vấn đề cho GV và người học. Đối với đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho GV và người học được thực hiện theo quy hoạch chung của Trường. Những cán bộ này đều được Khoa và Nhà trường tạo điều kiện và hỗ trợ tham gia các lớp tập huấn đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho công tác được tốt hơn [H6.06.05.02 DC], [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], [H7.07.01.03].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa Nông học và người học còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học và khóa luận tốt nghiệp qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của các đơn vị phục vụ đào tạo trong Nhà trường như: Phòng TCHC&CSVC, Phòng KH,HTQT&TTTTV, Phòng Kế hoạch tài chính, Trung tâm Tin học và Bồi dưỡng ngoại ngữ, Viện nghiên cứu phát triển.

Việc triển khai quy hoạch tuyển dụng đội ngũ nhân viên ở Khoa cũng như ở các đơn vị được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường như đã mô tả và kèm theo các minh chứng cụ thể ở trên. Bên cạnh, việc quy hoạch tuyển dụng,

các đơn vị, các Khoa cũng thực hiện các chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường với các chính sách như lương tăng thêm 25% (Mục 3, Điều 8, Quy chế chi tiêu nội bộ, 2016), trả tiền công làm ngoài giờ (Điều 9, Quy chế chi tiêu nội bộ, 2016), phụ cấp độc hại, bảo hộ lao động cho đội ngũ nghiên cứu viên (Điều 10, Quy chế chi tiêu nội bộ, 2016), chế độ khen thưởng hàng năm (Điều 13, Quy chế chi tiêu nội bộ, 2016) [H6.06.01.14 DC]. Bên cạnh danh hiệu thi đua khen thưởng thì nhân viên có kết quả làm việc tốt và có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn trong quy định của Nhà trường về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, viên chức sẽ được xét nâng lương trước thời hạn [H1.01.01.11 DC].

2. Điểm mạnh

Bên cạnh đội ngũ GV của Khoa Nông học có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và NCKH, đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hiện nay đủ về số lượng và trình độ đảm bảo giúp GV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đó, Khoa và Trường luôn có chính sách thu hút cán bộ nguồn cũng như có kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động của đội ngũ hỗ trợ từ GV và người học chưa được làm chính thống và thường xuyên ở tất cả cán bộ ở các tổ chức hỗ trợ để thực sự phát huy hiệu quả trong công tác điều chỉnh và quy hoạch đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Nông học (hiện chỉ có bộ phận CTSV lấy Phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động của đội ngũ hỗ trợ từ GV).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động của đội ngũ hỗ trợ từ GV và người học Chú trọng quy hoạch đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng đối	Hội đồng khoa học Khoa	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		với khóa từ 51 trở đi.		
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ nhân viên hoạt động tích cực và hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo	Hội đồng khoa học Khoa	2021

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì Nhà trường, Khoa Nông học đã chú trọng đến công tác tuyển dụng. Vị trí, số lượng cần tuyển dụng cán bộ, nhân viên của Khoa, Trường dựa trên các tiêu chí về trình độ là kỹ sư, cử nhân căn cứ vào năng lực, kinh nghiệm chuyên môn được xây dựng dựa trên Khung năng lực của Đề án vị trí việc làm của Khoa Nông học, của Trường ĐHNL, ĐHH và được thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông, báo chí, Website của Trường và của Khoa. Nhà trường có ban hành văn bản quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí đảm bảo khối kiến thức chung và kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ (A1, A2 và các chứng chỉ tương đương), tin học văn phòng (Trình độ B trở lên) để có thể thực hiện nhiệm vụ khi làm việc tại Khoa và các Phòng với chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể [H7.07.02.01], [H7.07.02.02], [H7.07.02.03], [H7.07.02.04], [H7.07.02.05] và [H7.07.02.06]. Quá trình thực hiện các tiêu chí tuyển dụng nhân viên của Nhà trường, các Khoa và các đơn vị được thực hiện theo quy định về điều kiện, tiêu chí và quy trình tuyển dụng viên chức của Nhà trường [H6.06.01.06 DC]. Trước khi tuyển dụng, Nhà trường thông báo công khai số lượng, tiêu chí tuyển dụng trên trang Wénite của trường (Thông báo tuyển dụng viên chức hằng năm) [H6.06.03.04 DC]. Ở Khoa Nông học cũng có đề xuất tuyển dụng hằng năm gửi lên trường để trường xem xét chỉ tiêu xét duyệt [H6.06.03.03 DC].

Cán bộ hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý sẽ được bổ nhiệm để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tiễn, nâng cao

chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường ĐHNL, ĐHH [H6.06.01.13 DC].

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ hỗ trợ hợp lý hay không được xác định thông qua các ý kiến phản hồi của các cấp quản lý, GV, cán bộ, SV [H7.07.01.03], [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Số lượng cán bộ hỗ trợ được tuyển dụng, bổ nhiệm hàng năm được đưa vào báo cáo tình hình nhân sự của Nhà trường và được phổ biến công khai cho đội ngũ GV, nhân viên trong Trường được biết [H6.06.04.04 DC].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng cán bộ hỗ trợ của Khoa Nông học được quy định rõ ràng. Công tác bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ có đủ năng lực và phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn được thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã tiếp thu các ý kiến phản hồi của GV và SV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH của Khoa Nông học, nhưng các thông tin phản hồi chưa liên tục và đầy đủ để đáp ứng kịp thời các nhu cầu của GV và SV, điều này cần được chú trọng hơn để thực hiện hiệu quả trong thời gian sắp tới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp thu và công khai các ý kiến phản hồi của GV và SV về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH thường xuyên và kịp thời	Trường và Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ theo đúng quy định	Trường và Khoa Nông học	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ CBVC luôn được Nhà trường quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Điều này luôn được xác định rõ trong các cuộc họp hội nghị CBVC, Đảng ủy, Công đoàn cấp Khoa [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. Đồng thời, Khoa và Nhà trường cũng đã có đề án quy hoạch cán bộ chuyên môn ở từng giai đoạn phát triển [H6.06.01.01 DC] và [H6.06.01.02 DC]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ nhân viên để giúp GV và người học hoàn thành nhiệm vụ của mình [H7.07.03.03], [H7.07.03.04], [H7.07.03.05], [H7.07.03.06].

Hàng năm, cán bộ nhân viên của Nhà trường và Khoa Nông học có liên quan đến CTĐT ngành KHCT đều được đánh giá phân loại nhằm làm rõ những ưu điểm, hạn chế, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H6.06.02.05 DC], [H7.07.03.07]. Thông qua đó cán bộ viên chức được đánh giá xếp loại công khai và có những hình thức thi đua khen thưởng phù hợp ở các cấp gồm Trường, ĐHH và cao hơn.

Về cơ chế, cách thức và các tiêu chí đã được áp dụng để đánh giá năng lực NV hỗ trợ theo tiếp cận năng lực tại các đơn vị và Trường được thực hiện dựa trên đề án vị trí việc làm [H6.06.01.07 DC], trên cơ sở đó Khoa và Bộ môn có bảng phân công nhiệm vụ [H6.06.04.07 DC]. Để đánh giá năng lực NV hỗ trợ theo tiếp cận năng lực, bộ môn KHCT đánh công việc thông qua bảng kế hoạch làm việc của NV, sau đó Bộ môn đánh giá theo học kỳ năm học [H6.06.02.05 DC].

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chuẩn cụ thể có tính định lượng cao để đánh giá công việc phục vụ của đội ngũ nhân viên Nhà trường đang làm nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp cho CTĐT ngành KHCT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Có cơ chế và tiêu chuẩn đánh giá để khuyến khích đội ngũ nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo	Trường và Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc đánh giá phân loại đội ngũ nhân viên hàng năm	Trường và Khoa Nông học	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động để đảm bảo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên chính là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đây là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo CTĐT ngành KHCT, thể hiện vị thế của mình trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên . Do đó, công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ viên chức cần phải thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch [H7.07.03.01 DC]. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên cơ sở và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng công nhân viên hàng năm [H7.07.03.03 DC] và các chính sách của Nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ [H7.07.03.01 DC]. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Trường đã có quy hoạch cán bộ chuyên môn cho từng giai đoạn 2010 – 2015, 2016 - 2020 [H7.07.04.01] nhằm giúp cho mỗi cán bộ, GV có kế hoạch cụ thể và mục tiêu để phấn đấu.

Trường và Khoa Nông học luôn tạo điều kiện và khuyến khích cho cán bộ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước hàng năm với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức Trường ĐHNL theo quyết định số 236/QĐ-ĐHNL ngày 28 tháng 3 năm 2016 [H7.07.03.01 DC] và quy chế chi tiêu nội bộ tại quyết định số 90/QĐ-ĐHNL ngày 27/01/2016 cũng như quyết định số 723/QĐ-ĐHNL ngày 21/08/2020 [H6.06.01.14 DC].

Hàng năm, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả tham

gia bồi dưỡng của các cán bộ trong đơn vị mình [H7.07.04.02]. Bên cạnh đó, để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng năng lực của các cán bộ viên chức trong Nhà trường. Nhà trường và Khoa Nông học còn tiến hành đối thoại trực tiếp giữa SV ngành KHCT với trưởng Khoa Nông học, SV với Hiệu trưởng Nhà trường trong đó có khảo sát mức độ hài lòng của người học về các hoạt động hỗ trợ phát triển chuyên môn của Trường, Khoa [H5.05.04.05 DC].

Ngoài ra, các Khoa và các đơn vị cũng tạo điều kiện để cho ngũ nhân viên được đi đào tạo các khóa học đào tạo ngắn hạn hoặc học sau đại học để họ có cơ hội phát triển chuyên môn nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H4.04.02.01 DC].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cán bộ phục vụ được chuyển bậc, chuyển ngạch còn hạn chế do số đợt tổ chức xét và thi thăng hạng ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các lớp bồi dưỡng đào tạo về nâng ngạch, nâng bậc để cán bộ GV có cơ hội được tham gia khi đủ điều kiện và theo quy hoạch cán bộ của Trường	Các đơn vị đào tạo	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để phục vụ tốt hơn cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Trường và Khoa Nông học	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường, Khoa Nông học đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ nhân viên theo quy định về công tác thi đua khen thưởng [H6.06.04.07 DC], [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Thông qua trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Nhà trường và Khoa, việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc.

Việc công nhận đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao luôn được Nhà trường nêu rõ trong các báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Nhà trường, từ đó động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên trong Nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.05.03], [H1.01.01.11 DC]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Nông học còn tích cực tiếp thu ý kiến của cán bộ, nhân viên về công tác thi đua khen thưởng, nâng bậc lương trước thời hạn [H7.07.05.01] để hoạt động này thực sự trở thành hoạt động có ý nghĩa trong phân loại và đánh giá đội ngũ nhân viên, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình.

Dựa trên vị trí việc làm đã được Nhà trường phê duyệt [H6.06.01.07 DC], khoa và bộ môn phân công nhiệm vụ cho nhân viên [H6.06.04.05 DC]. Việc giám sát, đánh giá và công nhận đối với đội ngũ nhân viên phục vụ đào tạo ở các cấp từ cấp Trường đến các phòng chức năng, khoa và bộ môn được thực hiện theo các bước gồm: (1) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao (Bản báo cáo kết quả thực hiện công việc và Biên bản họp đánh phân loại CBVC cuối năm cấp bộ môn) [H7.07.05.04]; (2) Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp đánh giá phân loại CBVC cuối năm (Biên bản họp đánh phân loại CBVC cuối năm Khoa Nông học) [H7.07.05.05]; (3) các đơn vị phòng ban và Khoa Nông học gửi kết quả đánh giá nhân viên của đơn vị lên trường, sau đó Trường tiến hành họp và thông báo đến các nhân viên của Trường thông qua quyết định đánh giá, phân loại loại CBVC & LĐHĐ [H6.06.02.05 DC]; [H6.06.04.07 DC]; [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và khoa.

3. Điểm tồn tại

Theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng, đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ đào tạo và NCKH ít đạt được danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng bổ sung tiêu chí bình xét cho đội ngũ cán bộ nhân viên để họ có cơ hội nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở như đội ngũ GV	Trường và Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công khai minh bạch công tác thi đua khen thưởng cho đội ngũ nhân viên	Trường và Khoa Nông học	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Khoa Nông học, các phòng chức năng liên quan và Nhà trường có nghiệp vụ và năng lực tốt. Vì vậy, đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, để đội ngũ nhân viên phát huy tốt hơn nữa vai trò của người phục vụ đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa và nhà trường cần có chính sách phù hợp để khuyến khích đội ngũ nhân viên đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể và phù hợp hơn đối với đội ngũ nhân viên, hướng tới xây dựng bộ tiêu chí đánh giá theo KPIs để tăng tính định lượng khối lượng và chất lượng công việc, thúc đẩy sự phấn đấu hoàn thành tốt công việc trong đội ngũ nhân viên. Vấn đề khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học về sự hỗ trợ đào tạo từ đội ngũ nhân viên cũng cần thực hiện theo năm học để có cơ sở đánh giá toàn diện hơn CTĐT ngành KHCT.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Khoa Nông học, ngành KHCT nhận định người học là trung tâm của quá trình dạy - học, chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển của hoạt động đào tạo và NCKH của Khoa.

Thực hiện yêu cầu của Bộ GDĐT, từ năm học 2011-2012, Trường ĐHNL, ĐHH đã chuyển sang hình thức đào tạo theo tín chỉ để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như hội nhập quốc tế. Ưu điểm của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình đào tạo và dân chủ hóa trong giáo dục: người học tham gia các khâu của quá trình đào tạo, từ việc cơ cấu các học phần tự chọn đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện quá trình đào tạo tùy theo khả năng về tài chính và thời gian. Để giúp người học tham gia quá trình đào tạo, Khoa Nông học và Nhà trường đã tạo môi trường và các điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ và giúp đỡ người học, ví dụ như: thành lập Trung tâm Hỗ trợ SV; phát triển đội ngũ cộng tác viên; tổ chức các buổi gặp gỡ và giao lưu giữa SV với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng,...

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của ngành KHCT và Khoa Nông học cũng như Nhà trường trong hoạt động đào tạo và NCKH. Các thể hệ SV của Khoa đã và đang phát huy truyền thống của Ngành, Khoa và Nhà trường, góp phần quyết định đưa Nhà trường trở thành một Trường đại học có chất lượng cao và uy tín hàng đầu trong lĩnh vực Nông lâm.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Nông học là một trong 7 khoa chuyên môn trực thuộc Trường ĐHNL, ĐHH. Công tác và chính sách tuyển sinh được Khoa và Nhà trường rất quan tâm và thường xuyên được cập nhật theo cơ chế đổi mới tuyển sinh của Bộ GDĐT. Trường ĐHNL đã có những chính sách, quy định rõ ràng về công tác tuyển sinh như: Khó thi, nguyện vọng, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên và phân bổ các chỉ tiêu tuyển sinh cho tất cả các ngành trong trường, trong đó có ngành KHCT [H8.08.01.04 DC]. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Hằng năm, Nhà

trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.04 DC], chiến lược tuyển sinh nhằm công bố hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển và các thông tin liên quan được xác định và ghi trong đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.05], công bố trên website của Nhà trường [H8.08.01.05], quảng bá trên các Brochure tuyển sinh - giới thiệu các CTĐT Trường ĐHNL [H8.08.01.04 DC], tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT [H8.08.01.01]. Trường thành lập Hội đồng tư vấn tuyển sinh để tổ chức và điều hành các công việc liên quan [H8.08.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn xây dựng Website riêng dành cho các thông tin về tuyển sinh tại địa chỉ <http://tuyensinh.huaf.edu.vn> để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin [H8.08.01.10]. Tất cả các thông tin về chính sách tuyển sinh được cập nhật cụ thể theo từng năm và được công bố rộng rãi trong cuốn Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học, cao đẳng qua các năm của bộ GDĐT [H8.08.01.05]. Đồng thời, các thông tin được đăng tải rộng rãi trên trang web của ĐHH [H8.08.01.02].

Bên cạnh đó, Khoa Nông học luôn đồng hành cùng với Nhà trường trong công tác tuyển sinh, quảng bá và tư vấn tuyển sinh cho các em học sinh trung học phổ thông [H8.08.01.01]. Từ năm 2015 về trước, cũng như các ngành học khác trong trường, ngành KHCT thực hiện tuyển sinh chính quy với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, có điểm thi khối A là Toán, Vật lý, Hoá học và khối B là Toán, Sinh học và Hoá học bằng hoặc cao hơn điểm sàn quy định [H8.08.01.02] [H8.08.01.03].

Từ năm 2015, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học. Nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy. Khi xét tuyển thì các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực, theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt. Cụ thể, điểm trúng tuyển ngành KHCT dựa vào kết quả thi THPT quốc gia đối với tổ hợp xét tuyển A00 (Toán, Lý, Hoá) và B00 (Toán, Hoá, Sinh) năm 2015 là 16,75 điểm, năm 2016 là 15,25 điểm, năm 2017 là 15,50 điểm, năm 2018 là 13,0 điểm và năm 2019 là 13,5 điểm [H8.08.01.06 DC].

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người học trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của tất cả các ngành [H8.08.01.06 DC] đều được Phòng ĐT&CTSV tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H8.08.01.04 DC].

Ngoài ra, đối với các thông tin liên quan đến thi tuyển liên thông lên Đại học của các ngành trong trường nói chung và ngành KHCT nói riêng ngoài việc

theo quy chế chung của Bộ GDĐT và của ĐHH các thông tin về môn thi, lịch thi và điểm đầu vào do trường quy định [H8.08.01.08], [H8.08.01.07 DC].

Riêng đối với các trường hợp đào tạo theo địa chỉ hoặc đào tạo theo yêu cầu của địa phương như hệ cử tuyển thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT [H8.08.01.04 DC].

2. Điểm mạnh

Các chính sách, thông báo về tuyển sinh của các ngành trong toàn trường cũng như ngành KHCT luôn được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành KHCT luôn dựa vào tỷ lệ việc làm của SV tốt nghiệp những năm trước đã có việc làm và dựa trên cơ sở các nhu cầu về nguồn nhân lực để đưa ra chỉ tiêu. Điều này giúp cho thí sinh thuận lợi trong việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

Khoa Nông học chưa thành lập Ban tư vấn tuyển sinh riêng cho ngành KHCT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường phải thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh hàng năm.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
		Khoa Nông học cần phải thành lập Ban tư vấn tuyển sinh cho ngành KHCT.	Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Các chính sách, thông báo về tuyển sinh của ngành KHCT luôn được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy được trường ĐHNL, ĐHH thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT. Từ năm 2014 trở về trước, trường ĐHNL, ĐHH tiến hành tuyển sinh chính quy theo hình thức thi tuyển với các đối tượng là những người đã hoàn thành chương trình học phổ thông, ngành KHCT tổ chức khối thi A (Toán, Vật lý, Hóa học) và khối B (Toán, Hóa học, Sinh học). Điểm trúng tuyển xét theo nhóm ngành và khối thi [H8.08.02.01]. Trường ĐHNL, ĐHH tổ chức tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy [H8.08.02.02], [H8.08.02.03].

Từ năm 2015 đến nay, trường ĐHNL thực hiện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, ngành KHCT với 02 tổ hợp xét tuyển là A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) và B00 (Toán, Hóa học, Sinh học) theo đúng quy định của Bộ GDĐT [H8.08.02.04], [H1.01.01.04 DC], [H8.08.02.05].

Năm 2020, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện đúng theo quy định của Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng GDĐT ban hành [H8.08.02.06]. Bên cạnh đó, trong Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020 của ĐHH công bố đã nêu rõ nội dung về: Phạm vi tuyển sinh trong cả nước; phương thức tuyển sinh là xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT quốc gia năm 2020 và dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ) cho các ngành đào tạo của Trường ĐHNL; về chỉ tiêu tuyển sinh của nhóm ngành Trồng trọt và Nông nghiệp công nghệ cao là 230 chỉ tiêu,... [H8.08.01.04 DC].

Đối với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học liên thông của các ngành trong trường ĐHNL nói chung và ngành KHCT nói riêng được quy định cụ thể, rõ ràng và được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và CTĐT khác của Nhà trường. Tuyển SV liên thông là người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng cùng ngành với ngành tuyển sinh liên thông lên đại học; phương thức tuyển sinh là xét tuyển và thi tuyển [H8.08.01.08 DC], [H8.08.02.07], [H8.08.01.07 DC].

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thông báo rõ ràng trên website của Nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng [H2.02.03.02 DC].

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại <http://tuyensinh.huaf.edu.vn>. Sau khi có kết quả xét tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong giấy báo [H8.08.02.08].

Sau khi hoàn thành quá trình tuyển sinh, trường ĐHNL, ĐHH tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp thi tuyển, phương pháp xét tuyển, những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục trong quá trình tuyển sinh [H8.08.01.06 DC], [H8.08.02.09]. Ngoài ra, Nhà trường còn thu thập ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp chọn người học của CTĐT ngành Khoa học cây trồng [H1.01.01.08 DC] [H1.01.03.07 DC].

Tính đến thời điểm này, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H1.01.03.08 DC].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường rất rõ ràng và theo quy định của Bộ GDĐT. Nhà trường và Khoa Nông học đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào ngành KHCT.

3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến của các bên liên quan về việc xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp, không đạt chỉ tiêu được phê duyệt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến về xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn của các bên liên quan (Nhà trường, GV,	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		SV,...)		
		Theo dõi sát sao tỷ lệ thi sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời; có các hình thức PR phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa Nông học đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào ngành KHCT	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong từng môn học, trong CTĐT của Khoa Nông học và quy chế ĐTDH, quy chế SV do ĐHNL, ĐHH ban hành đồng thời kết quả người học được thể hiện rõ ràng trên tài khoản cá nhân của người học, [H4.04.02.01 DC], [H8.08.03.01]. Ngoài hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV trên trang quản lý giáo dục, ở các Phòng ĐT&CTSV có một cán bộ chuyên trách theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ [H6.06.01.07 DC], [H6.06.01.01 DC]. Cụ thể, cán bộ của Phòng ĐT&CTSV chịu trách nhiệm về việc hướng dẫn, đăng ký khối lượng tín chỉ của từng SV trong từng học kỳ. Các quy định về học vượt trong từng học kỳ đối với từng SV được quy định rõ ràng. Cán bộ của phòng Phòng ĐT&CTSV tổng hợp, theo dõi danh sách SV được học bổng khuyến khích học tập trong từng học kỳ [H85.05.04.05 DC], [H6.06.04.11 DC], [H8.08.03.04] và những SV bị cảnh báo lần 1, lần 2 và lần 3 trong từng học kỳ [H8.08.03.05]. Đình kỳ từng học kỳ, Nhà trường sẽ gặp mặt những SV bị cảnh báo học tập, Ban

chủ nhiệm Khoa chuyên môn và phụ huynh của SV để có giải pháp tư vấn, hướng dẫn cho SV [H8.08.03.06].

Cơ chế báo cáo phản hồi về sự tiến bộ của người Khọc được thực hiện định kỳ 1 lần/học kỳ thông qua các buổi họp giao ban công tác SV giữa Ban chủ nhiệm Khoa Nông học, CVHT, Trợ lý đào tạo. Qua buổi giao ban công tác SV, buổi đối thoại giữa SV và Hiệu trưởng, Ban chủ nhiệm Khoa và các thầy/cô kịp thời nắm bắt được tiến độ học của người học để kịp thời điều chỉnh, bổ sung thời khóa biểu về các hoạt động khác cho SV [H8.08.03.12 DC], [H5.05.04.05 DC]. Ngoài ra, Trợ lý đào tạo và CVHT của Khoa cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và các nhóm trong từng khóa học được lập thông qua trang mạng xã hội. Hệ thống giám sát được bổ sung, cập nhật thường xuyên và được công bố rộng rãi để người học, cán bộ, GV thực thi [H8.08.04.05]. Khối lượng học tập ngành KHCT gồm 128 tín chỉ, chia thành 6 khối kiến thức [H1.01.03.06 DC] và có bảng tiến trình học tập được phổ biến cho toàn thể SV của Khoa [H2.02.03.02 DC]. Khối lượng học tập được phân bổ cân đối trong mỗi năm học. Người học trung bình có thể hoàn tất CTĐT ngành KHCT trong khoảng thời gian 3,5 năm, cũng có thể kéo dài 6 năm [H1.01.03.06 DC].

Công tác theo dõi học tập của SV được thực hiện khá chặt chẽ từ Nhà trường, đến các phòng ban chức năng, các Khoa chuyên môn, CVHT và lớp. Việc nhắc nhở sự tiến bộ trong học tập của SV được lồng ghép trong các buổi sinh hoạt lớp được tổ chức định kỳ hàng tháng [H8.08.03.08 DC].

Mỗi học kỳ, Nhà trường đều tổ chức xét điểm rèn luyện cho SV, là một trong tiêu chí để cấp học bổng cho SV. SV tự đánh giá, sau đó Ban cán sự của lớp, BCH chi đoàn, Khoa, Trường sẽ đánh giá lại và được xếp loại theo thang điểm.

Bảng 8.1. Xếp loại điểm rèn luyện cho sinh viên

Năm học	Tỷ lệ xếp loại rèn luyện (%)					
	Xuất sắc	Tốt	Khá	TB	Yếu	Kém
2017-2018	21,14	44,31	31,30	3,25	0,00	0,00
2018-2019	25,66	68,42	46,71	2,63	0,00	1,32

2019-2020	23,37	43,48	19,02	3,80	0,54	9,78
-----------	-------	-------	-------	------	------	------

Qua số liệu ở bảng cho thấy tỷ lệ SV xếp loại rèn luyện trung bình, yếu, kém đang có xu hướng tăng dần theo các năm. Mỗi năm, Nhà trường có hai đợt xét tốt nghiệp cho SV ra trường. Tỷ lệ SV đủ điều kiện tốt nghiệp hằng năm và chưa đủ xét điều kiện tốt nghiệp vì còn nợ môn, chưa có bằng Anh văn cũng được Nhà trường thông báo trên trang quản lý giáo dục của từng SV. Đồng thời, phòng ĐT&CTSV lưu trữ dữ liệu, chuyển thông tin danh sách SV đủ điều kiện tốt nghiệp đến các Khoa chuyên môn và SV qua email [H8.08.03.09 DC], [H8.08.03.10 DC].

Bảng 8.2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ người học hoàn thành TCĐT (%)	Tỷ lệ sinh viên thôi học (%)
2015 - 2016	61	77,1	12
2016 - 2017	81	60,5	16
2017 - 2018	78	66,7	8
2018 - 2019	102	84,3	5
2019 - 2020	58	60,3	1

Qua bảng số liệu cho thấy, tỷ lệ cao phần trăm SV của Khoa Nông học hoàn thành CTĐT qua từng năm học. Năm học 2015-2016, tỷ lệ hoàn thành CTĐT là 77,1% và năm 2016 - 2017 là 60,5%. Từ khoá 46 trở về trước (tức là tốt nghiệp từ năm 2015 - 2016 về trước) tỷ lệ hoàn thành CTĐT đúng hạn khá lớn. Nhưng đến Khoá 47 và 48, 50 (tốt nghiệp năm 2016 – 2017, 2018 - 2020), tỷ lệ SV hoàn thành CTĐT giảm xuống. Điều này được lý giải do một số SV chưa hoàn thành các yêu cầu chuẩn đầu ra là: Kỹ năng mềm, chứng chỉ quốc phòng, giáo dục thể chất, ngoại ngữ. Nhà trường đã gửi email đến từng SV chưa tốt nghiệp để nhắc nhở, Khoa cũng nắm được thông tin này thông qua các đợt công văn dự kiến xét tốt nghiệp của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân;

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

3. Điểm tồn tại

Khối lượng tín chỉ học tập trong năm học thứ 1 của ngành KHCT còn nặng về kiến thức cơ bản chưa cho SV tiếp cận các môn học chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần cân đối khối lượng tín chỉ học tập trong năm học thứ 1 của ngành KHCT giữa kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao hơn nữa hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
		Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp SV ngành KHCT học tập tốt, rèn luyện tốt, nhiều khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường, ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, Nhà trường nói chung, Khoa Nông học nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc đó là Đảng ủy Trường, Đảng

ủy Khoa, BGH, các phòng ban chức năng, Công đoàn Trường, Khoa, ĐTN các cấp thông qua nhiều hoạt động. Công tác tư vấn, hỗ trợ học tập do lãnh đạo các bộ môn, các GV đặc biệt là CVHT kết hợp với bộ phận CTSV [H4.04.03.06 DC], [H8.08.04.07]. Trong các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng, CVHT tư vấn hướng dẫn cho những SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập hoặc thôi học, quá hạn thời gian đào tạo [H1.01.01.12 DC] [H8.08.04.15 DC]. Hàng năm, Nhà trường tổ chức hoạt động hội chợ việc làm, các buổi tập huấn kỹ năng phỏng vấn xin việc,... giúp SV hiểu hơn về ngành nghề của mình, cơ hội tìm việc làm sau khi ra trường và bổ sung các kỹ năng còn thiếu [H8.08.04.05 DC] [H8.08.04.13 DC]. Các hoạt động khác được tổ chức thường kỳ hàng năm như tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các CLB, NCKH SV, vay vốn tín dụng SV,... [H8.08.05.01 DC], [H8.08.04.02], [H8.08.04.09], [H8.08.04.10], [H8.08.03.12 DC], [H8.08.04.11], [H8.08.04.07], [H8.08.04.08]. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng bá, giới thiệu về Nhà trường, Khoa, ngành KHCT trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.01.02.01 DC] và SV được bố trí thời gian đi thực tập tiếp cận nghề, thao tác nghề, thực tế nghề, thực tập tốt nghiệp được phân bổ phù hợp trong chương trình học dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế. GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế là những cán bộ có kinh nghiệm thực hành, quản lý SV và mối quan hệ thân tình với các cơ sở tiếp nhận SV đến thực tập. Bên cạnh đó, trong đợt thực tập, thực tế tập trung và thực tập theo hướng chuyên ngành, SV luôn được đại diện của các cơ sở tiếp nhận SV đến thực tập giới thiệu về cơ cấu tổ chức, hoạt động và vị trí việc làm mà SV chuyên ngành KHCT có thể tham gia thi tuyển. Trong hoạt động NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp, sau khi SV đăng ký đề tài, lãnh đạo Khoa phân công GV tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp [H4.04.02.15 DC]. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi sinh hoạt khoa học hướng dẫn SV viết đề cương nghiên cứu, cách thu thập dữ liệu từ thực tế, cách phân tích dữ liệu trên các phần mềm, cách viết báo cáo [H4.04.02.15 DC]. Vì vậy, tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành KHCT sau 6 tháng, 12 tháng, 5 năm tốt nghiệp gần đây đều rất cao [H8.08.04.12 DC].

Với SV mới nhập học, để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học, Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [H8.08.04.13 DC] [H8.08.04.02]. Bên cạnh đó, Khoa cũng tổ chức cuộc gặp mặt

SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, phương thức đào tạo, đối thoại với doanh nghiệp và một số lưu ý trong quá trình học [H1.01.02.01 DC], [H8.08.04.04 DC], [H1.01.01.04 DC]. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, CVHT và trợ lý đào tạo để giải đáp tư vấn cho SV. Các CVHT học tập của Khoa là những GV có kinh nghiệm chủ nhiệm lớp trong nhiều khóa. Đối với SV năm thứ nhất, sau một học kỳ, CVHT nhận từ phòng ĐT&CTSV danh sách những SV có kết quả chưa đạt yêu cầu để tư vấn và hỗ trợ riêng cho những SV này trong các buổi sinh hoạt lớp [H4.04.03.06 DC], [H8.08.03.08 DC]. Trong quá trình học tập, SV được Khoa cung cấp thông tin đầy đủ về các mẫu báo cáo thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp trên website của Khoa.

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình [H8.08.03.05 DC].

Khảo sát ý kiến người học cho thấy Nhà trường chăm lo tốt nhu cầu cho SV về sức khỏe, nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (tỷ lệ 90,3% người được hỏi hoàn toàn đồng ý và 9,7% là không đồng ý), các hoạt động Đoàn, Hội giúp ích và có tác dụng thiết thực đối với SV (tỷ lệ 97,0% người được hỏi hoàn toàn đồng ý và 3,0% là không đồng ý); SV được định hướng nghề nghiệp tốt từ phía Khoa (tỷ lệ 57,0% người được hỏi hoàn toàn đồng ý và 43,0% không đồng ý) [H1.01.03.08DC], [H1.01.03.07 DC].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa, Ngành KHCT đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động CVHT và các dịch vụ hỗ trợ SV khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
----	----------	--------------------	----------------	-----------

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, Nhà trường cần phải khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động CVHT và các dịch vụ hỗ trợ SV khác để giúp người học cải thiện kết quả học tập. Lập danh sách SV có khả năng học vượt, tìm hiểu nhu cầu, nhiệm vụ của SV này. Điều chỉnh việc phân bổ các môn học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV học vượt, hoàn thành sớm CTĐT Đánh giá, điều tra nguyên nhân khiến SV quá hạn thời gian học tập.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa phát huy hơn nữa việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp SV nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Qui mô diện tích của Nhà trường vượt chuẩn quy định của Nhà nước với gần 80 hecta đất đai gồm 1 cơ sở đào tạo chính tại 102 Phùng Hưng, TP Huế và 4 cơ sở học tập, thực hành tại các địa bàn khác nhau đóng tại tỉnh Thừa Thiên Huế, đi lại thuận tiện. Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho công tác đào tạo. Hiện nay, về cơ bản khuôn viên của Trường ĐHNL, ĐHH được quy hoạch rõ ràng, các khoa

chuyên môn cùng với các phòng thực hành, thí nghiệm chuyên ngành được tách riêng, khu vực dành cho các phòng làm việc hành chính và khu giảng đường. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có quảng trường SV, tượng đài, ghế đá, căngtin, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá nhân tạo, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, hội trường lớn [H8.08.05.05], [H8.08.05.06], [H8.08.05.07]. Nhà trường, Khoa Nông học thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập đội Thanh niên xung kích của Khoa, tổ chức ngày hội việc làm, NCKH SV...[H8.08.04.13 DC], [H8.08.04.05 DC], [H8.08.05.01 DC], [H4.04.02.16 DC], [H4.04.02.13 DC], [H4.04.02.14 DC].

Ngoài các cơ sở thực hành thực tập ở Viện nghiên cứu Phát triển, ngay trong khuôn viên của Khoa Nông học gần như đầy đủ các cơ sở như nhà kính, nhà nấm, phòng côn trùng, bệnh cây giúp cho SV nghiên cứu đề tài tốt nghiệp, đề tài NCKH của SV và cán bộ GV tham gia các đề tài NCKH các cấp.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm [H8.08.05.03] [H8.08.05.02]. Tổ Y tế của trường sạch sẽ, thoáng mát, đầy đủ các loại thuốc và được đặt ở khu giảng đường, rất thuận lợi cho SV và cán bộ GV khi có nhu cầu. Đồng thời, vào đầu mỗi năm học, Tổ Y tế kết hợp với phòng CTSV triển khai công tác tư vấn và hướng dẫn SV đăng ký và nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và bảo hiểm tai nạn [H8.08.05.02].

CVHT và trung tâm hợp tác doanh nghiệp và phục vụ SV đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp [H4.04.03.06 DC], [H8.08.05.08].

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong Nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV [H8.08.05.04].

2. Điểm mạnh

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp, SV trong Nhà trường được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh

quan cho SV luôn được Khoa Nông học và Nhà trường quan tâm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan sư phạm của Nhà trường còn chưa được thực hiện. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ cho tất cả các phòng học, phòng làm việc trong Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường thường xuyên xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến đánh giá về cảnh quan sư phạm nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho người học.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
		Nhà trường sẽ trang bị đầy đủ hơn nữa các thiết bị phòng cháy chữa cháy, phổ biến đầy đủ các quy định, quy chế an toàn an ninh cho toàn thể cán bộ, GV, SV trong Trường được biết.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường luôn quan tâm và giữ môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho SV để góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH.	Trường ĐHNL, ĐHH	2020 - 2021

4. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học của ngành KHCT là yếu tố cơ bản trong đánh giá chất lượng đào tạo của Ngành. Kết quả học tập và rèn luyện của SV ngành KHCT được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo, tại khoa Nông học trong

suốt quá trình học tập chứng tỏ về mặt chất lượng đào tạo của ngành. Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ của Khoa và Nhà trường đối với người học như tư vấn học tập, cấp học bổng cho những SV, vay vốn theo chương trình hỗ trợ của ngân hàng, chính sách xã hội,... khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập và NCKH.

Tiêu chuẩn 8 có 4 tiêu chí đạt 6/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Khoa Nông học được đầu tư hàng năm để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV. Hàng năm, Khoa được Trường phân bổ ngân sách hợp lý để xây dựng, sửa chữa chống xuống cấp, mua sắm trang thiết bị, duy tu bảo dưỡng, phát triển cơ sở vật chất và mua mới trang thiết bị PTN. Công tác quản lý cơ sở vật chất được thực hiện đúng theo quy định của Trường và Nhà nước về sử dụng, quản lý công sản.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Cơ sở chính của Khoa Nông học là khuôn viên rộng gần 1 ha nằm trong Trường ĐHNL, ĐHH ở 102 Phùng Hưng, thành phố Huế, có 29 phòng làm việc và thực hành. Hệ thống phòng làm việc của các bộ môn đều được trang bị máy tính có sử dụng mạng internet nội bộ. Hệ thống phòng học thực hành của Khoa có đủ 15 - 20 chỗ. Các phòng thực hành đều có bản nội quy sử dụng để nhắc nhở người học giữ gìn tài sản và tiết kiệm điện, nước [H9.9.01.03]. Khu vực vườn thí nghiệm gồm 01 nhà màng, vườn cây tiêu bản và vườn trồng với tổng diện tích 1.800 m² [H9.9.01.01]. Các phòng học lý thuyết được phiên chế ở tất cả giảng đường, đáp ứng TCVN 3981:1985 về tiêu chí diện tích chỗ ngồi học tập của SV. Tất cả các phòng học đều sử dụng phấn không bụi, được trang bị hệ thống máy chiếu (Projector), quạt máy và rèm che nắng. CSVK của Khoa từng bước được trang bị thêm các thiết bị máy móc hiện đại hơn. Bên cạnh đó, PTN nuôi cấy mô tế bào rộng khoảng 100 m² [H9.9.01.01], có đầy đủ các thiết bị, máy móc để thực hiện nuôi cấy mô tế bào từ khâu xử lý mẫu, tách mẫu, vào mẫu, nuôi mẫu, nhân mẫu, đưa cây ra vườn ươm. Trong những năm qua PTN

nuôi cấy mô tế bào đã hoạt động tích cực, thu được nhiều kết quả, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ sản xuất. Ngoài ra hệ thống CSVC phục vụ thực hành thực tập gồm 7 PTN, thực hành thuộc máy móc trang thiết bị của các học phần cơ bản hiện đang được sử dụng. [H9.09.03.02]. Các PTN này có thể phục vụ cho việc thực hành, thực tập của SV, học viên Cao học và NCS.

Trong nhiều năm qua, bên cạnh việc đầu tư CSVC phục vụ giảng dạy của Khoa, Bộ môn KHCT luôn quan tâm duy tu bảo dưỡng CSVC, đảm bảo cho hoạt động chuyên môn và NCKH của thầy và trò [H9.9.01.05], hàng năm có kế hoạch mua sắm hàng năm theo ngân sách đầu tư hàng năm [H9.9.01.04]. Tại Bộ môn, SV được tạo mọi điều kiện sử dụng miễn phí những trang thiết bị phục vụ cho công tác học tập và NCKH trong suốt quá trình học và thực tập cuối khóa.

2. Điểm mạnh

Khoa, Bộ môn có đủ giảng đường với số lượng phòng học đáp ứng 02 ca/ngày. CSVC của Khoa bảo đảm đáp ứng yêu cầu đối với việc dạy và học, đáp ứng các hoạt động sinh hoạt học thuật.

3. Điểm tồn tại

Diện tích các phòng làm việc hiện nay còn nhỏ chưa đáp ứng được chỗ làm việc cho giáo viên. Bên cạnh đó, đã có một số trang thiết bị phục vụ thực hành và nghiên cứu sắp hết thời gian sử dụng.

Chưa tiến hành việc đánh giá lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về CSVC.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	- Đề nghị Nhà trường đầu tư thêm các loại bàn ghế làm việc có phân chia chỗ ngồi liền kề; đồng thời xây dựng kế hoạch thay thế một số trang thiết bị thí nghiệm đã bị xuống cấp. - Cần tiến hành việc đánh giá lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về CSVC.	Khoa Nông học và bộ phận CSVC phối hợp đề xuất với Nhà trường	2021
2	Phát	- Lên kế hoạch đào tạo chặt chẽ nhằm	Khoa Nông học	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	huy động mạnh	khuyến khích việc đăng ký học và dạy tăng tiết, học cải thiện điểm trong học kỳ hè.	và Phòng ĐT&CTSV phối hợp và bàn bạc	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Nông học sử dụng chung thư viện của Trường. Thư viện là tòa nhà 2 tầng có tổng diện tích sàn là 2.400 m² đặt ở cơ sở chính của Trường [H9.09.02.01]. Thư viện có nhiều phòng chức năng để phục vụ người đọc, có hệ thống máy tính để truy cập tài liệu thư viện điện tử. Diện tích các phòng phục vụ bạn đọc là 768,805 m² gồm có: kho mở T1 có diện tích 332,55 m² (Phòng đọc); kho mở T2 có diện tích 332,55 m² (Phòng đọc); phòng máy tính (tầng 2) có diện tích 103,705 m² (Phòng đọc). Thư viện được trang bị nhiều loại sách cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và SV. Hiện nay Thư viện Trường có 5.475 đầu sách với 24.373 bản sách phục vụ nhu cầu của người đọc, trong đó số đầu sách cho chuyên ngành Khoa Nông học là 213 đầu sách [H9.09.02.02], số giáo trình, bài giảng, tài liệu phục vụ cho ngành KHCT là 63 đầu sách [H9.09.02.03]. Trong số 5.475 đầu sách có 5.175 đầu sách tiếng Việt, 300 đầu sách tiếng Anh. Sách giáo trình có 3.674 đầu sách phục vụ trực tiếp các chuyên ngành đào tạo, 1.801 đầu sách các môn cơ bản và sách tham khảo.

Để phục vụ bạn đọc sử dụng tài liệu có hiệu quả, Thư viện đã đề ra quy định về việc mượn và trả sách, báo, tạp chí [H9.09.02.04], ban hành nội qui thư viện [H9.09.02.05], quy định về làm thẻ tại thư viện [H9.09.02.06].

Việc hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử và tra cứu các tài liệu điện tử được thực hiện tại trang mạng nội bộ của Trường [H9.09.02.07].

Phần mềm quản lý thư viện điện tử ILib version 6.5 (ILib65) gồm các phân hệ như: Biên tập, bổ sung, lưu thông, kho,... đã được đưa vào sử dụng và đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý thư viện [H9.09.02.08].

Để thuận tiện cho việc định hướng chủ đề trong việc tìm kiếm tài liệu Thư viện đã cập nhật định kỳ danh mục các loại sách, tạp chí và tài liệu tham khảo trên hệ thống [H9.09.02.09]. Việc thống kê báo cáo hằng năm được thực hiện

trên phần mềm ILib65 bằng chức năng báo cáo trong phân hệ lưu thông [H9.09.02.10].

Trong những năm qua Thư viện đã kết hợp Trung tâm học liệu ĐHH mua CSDL trực tuyến Proquest Central [H9.09.02.11]. ProQuest là một bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến với 11 CSDL bao gồm hầu hết các lĩnh vực. ProQuest cho phép truy cập tới hơn 11.250 tạp chí (8.400 tạp chí toàn văn), 479 báo cáo toàn văn và cả các tài liệu không phải là xuất bản phẩm định kỳ như luận văn, các báo cáo của Ox Research và EIU về 252 quốc gia và khu vực, hồ sơ doanh nghiệp, báo cáo nông nghiệp.

Ngoài Thư viện trường, SV còn được sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm học liệu ĐHH (Sổ tay SV 2019) [H2.02.03.02 DC]. Trung tâm học liệu ĐHH được kết nối đến các đơn vị trong và ngoài nước như: Đại học Kinh tế Huế, Đại học Khoa học Huế, Trung tâm học liệu Đà Nẵng, Trung tâm thông tin Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Quốc hội Mỹ, Thư viện Quốc gia Australia,...

Nhằm đảm bảo thông tin phản hồi của bạn đọc để Thư viện có kế hoạch phục vụ tốt hơn, hàng năm Thư viện thống kê lượng độc giả [H9.09.02.12], số lượng tài liệu mượn trả [H9.09.02.13], sử dụng thống kê kết quả khảo sát từ phiếu khảo sát chung của Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC qua Phần mềm quản lý giáo dục [H9.09.02.14]. Hàng năm Thư viện bổ sung thêm nhiều sách mới từ nguồn ngân sách của Trường và từ nguồn biếu tặng [H9.09.02.15].

Bên cạnh đó tại toà nhà Khoa Nông học có 01 phòng lưu trữ tài liệu khoá luận (Phòng Đa chức năng) cho SV tham khảo và NCKH, làm đề tài tốt nghiệp [H9.09.02.16 DC].

2. Điểm mạnh

Với vốn tài liệu phong phú, đa dạng và lưu trữ qua nhiều năm theo lịch sử phát triển Trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người học, cán bộ GV về học tập và NCKH.

Áp dụng phần mềm trong công tác quản lý nên việc phục vụ và quản lý của Thư viện được thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả.

CSDL trực tuyến Proquest Central cùng nhiều đầu sách tiếng Anh tại thư viện cho phép trường có thể đào tạo SV nước ngoài cũng như giúp GV, SV trong trường tiếp cận với nguồn kiến thức trên thế giới

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài liệu điện tử tiếng Việt còn ít, nhất là tài liệu xuất bản 5 năm trở lại.

Việc khai thác và sử dụng các tài liệu tiếng Anh, tạp chí nước ngoài của SV còn hạn chế do trở ngại về ngôn ngữ.

Chưa có khảo sát riêng ý kiến phản hồi riêng của GV và SV về mức độ đáp ứng của Thư viện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Mua thêm các cơ sở dữ liệu điện tử tiếng Việt	TTTV	2021
		Bồi dưỡng thêm năng lực ngoại ngữ cho SV	Phòng ĐT&CTSV	2021
		Bổ sung nguồn tài liệu giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo mới được xuất bản trong năm 2018	Khoa Nông học	2021
		Xây dựng đề án lấy phản hồi của GV và SV về mức độ đáp ứng của Thư viện	TTTV, Phòng KT, BĐCLGD, TTPC	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường quảng bá về CSVC của Thư viện đến GV và SV để khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả	Khoa Nông học	2020
		Đẩy mạnh việc khai thác Cơ sở dữ liệu (CSDL) trực tuyến Proquest Central cũng như các tài liệu tiếng Anh cho GV cũng như SV trong trường	Khoa Nông học	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Nông học có 7 PTN, 9 PTH, 02 vườn tiêu bản, 01 vườn thực nghiệm diện tích 1.500 m² và 01 nhà màng 450 m² [H9.09.03.01]; Bên cạnh đó có hệ thống 7 PTN của Khoa Cơ bản (trước năm 2020) phục vụ công tác giảng dạy môn học cơ bản trong 1,5 năm của SV [H9.09.03.02]; Trung tâm nghiên cứu và dịch vụ Nông nghiệp, Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế thuộc Khoa với diện tích 19.6 ha có các vườn cây tiêu bản, hệ thống thủy canh trong nhà màng 1.000 m², trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây hàng năm và cây lương thực đảm bảo cho SV thực hành, intership, thực tập tốt nghiệp và thực nghiệm sản xuất [H9.09.03.03].

Các PTN, PTH hiện nay đảm bảo đủ chỗ cho SV học tập theo yêu cầu của từng học phần với số lượng mỗi nhóm thí nghiệm, thực hành từ 15 - 20 SV. Mỗi học kỳ các Bộ môn đều có lịch thực hành, thực tập tại các PTN, PTH [H9.09.03.10]. Tuy nhiên, do cơ sở chính của Khoa có diện tích không lớn, lại ở trong quy hoạch chung di tích nội thành nên không thể xây dựng các công trình nhiều tầng, vì vậy diện tích các PTN, PTH không lớn.

Hệ thống PTH, PTN của Bộ môn Bảo vệ thực vật gồm có 02 PTN nghiên cứu côn trùng, 02 PTN nghiên cứu bệnh cây, 01 PTN vi sinh vật và 01 PTH;

- Hệ thống PTN, PTH của Bộ môn KHCT gồm có 02 PTH và 01 vườn tiêu bản; 01 phòng trồng nấm.

- Hệ thống PTN, PTH của Bộ môn Nông nghiệp công nghệ cao gồm có 02 PTH Di truyền giống; 01 PTH Sinh lý - Sinh hóa thực vật; 01 PTH Công nghệ sinh học; 01 PTN Nuôi cấy mô tế bào; 01 vườn tiêu bản.

Ngoài ra, Khoa còn có 01 PTN nghiên cứu chuyên sâu gồm cá trang thiết bị hiện đại và 02 PTN cho các nhóm nghiên cứu mạnh.

Hệ thống PTN, PTH của Khoa Nông học cơ bản đáp ứng đủ điều kiện học tập và nghiên cứu của GV và SV ngành KHCT. Các em SV thực tập tốt nghiệp và nhóm SV NCKH đều có thể triển khai các thí nghiệm ở trong Phòng [H9.09.03.11]. Ngoài ra các em cũng có thể triển khai các thí nghiệm ở ngoài Trung tâm nghiên cứu và dịch vụ nông nghiệp Tứ Hạ [H9.09.03.03].

Các trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu được trang bị cùng các PTN được đầu tư từ khi thành lập khoa, đủ tiêu chuẩn đáp ứng cho đào tạo ngành KHCT và một số NCKH [H9.09.03.04]. Nhiều trang thiết bị có sổ theo dõi sử dụng để thuận tiện cho việc quản lý và sửa chữa [H9.09.03.06].

Thông qua các đề tài dự án và nguồn ngân sách nhà nước đã đầu tư một số trang thiết bị hiện đại phục vụ chủ yếu cho nhu cầu NCKH của SV và cán bộ GV và hàng năm mua mới trang thiết bị. Năm 2019 Khoa đã được ĐHH đầu tư một số trang thiết bị hiện đại cho các nghiên cứu chuyên sâu thông qua dự án "Tăng cường năng lực đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Đại học Huế" [H9.09.03.05].

Khoa có 6 NCV để đảm nhiệm các hoạt động trong PTH và PTN.

Thông qua đối thoại SV với lãnh đạo Khoa Nông học được tiến hành hàng năm, đã tiếp nhận các ý kiến góp ý của SV để từ đó Khoa có cơ sở đầu tư nâng cấp PTN, PTH và trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và nhu cầu NCKH của SV [H9.09.03.07].

Để nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm thực hành cho các ngành học nói chung và ngành KHCT nói riêng, dựa vào thực trạng sử dụng máy móc PTN, Bộ môn/Khoa sẽ đề xuất Nhà trường sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ [H9.09.03.09] hoặc mua sắm các trang thiết bị mới phục vụ học tập và nghiên cứu [H9.09.03.08] từ kinh phí được Nhà trường phân bổ cho Khoa hàng năm (khoảng 200-500 triệu) [H9.09.03.12]. Hàng năm khoa tiến hành kiểm kê tài sản, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và NCKH [H9.09.03.01]. Các máy móc bị hư hỏng, không sửa chữa được sẽ đề nghị Nhà trường thanh lý thông qua hoạt động kiểm kê, thanh lý tài sản hàng năm theo đúng quy định [H9.09.03.13]

Như vậy, nhìn chung các PTN, PTH và trang thiết bị của Khoa đã được trang bị tương đối đầy đủ và được cập nhật hàng năm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học.

2. Điểm mạnh

Với hệ thống 7 PTH và 2 vườn tiêu bản đã đáp ứng được nhu cầu về thực hành các học phần trong khung CTĐT ngành KHCT; 09 PTN, 1 vườn thực nghiệm và 1 nhà màng đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản về NCKH của SV và cán bộ giáo viên Khoa Nông học. Ngoài ra còn 7 PTN của Khoa Cơ bản (trước năm 2020) và Trung tâm nghiên cứu và dịch vụ với diện tích 19,6 ha có đa dạng cây trồng đảm bảo cho thực hành, thực tập nghề nghiệp.

Mỗi PTN, PTH có 1 NCV hoặc hợp đồng lao động đảm nhiệm các hoạt động trong phòng.

3. Điểm tồn tại

Diện tích một số PTH hiện nay còn nhỏ chưa phục vụ cho hoạt động thực

hành thực tập của các nhóm có số lượng SV trên 30 người.

Một số trang thiết bị đã quá cũ vẫn còn được sử dụng cho đào tạo ngành KHCT nên tính đồng bộ chưa cao.

Việc bảo trì bảo dưỡng các trang thiết bị vẫn chưa kịp thời nên một số trang thiết bị phải tạm dừng hoạt động một thời gian dài. Hàng năm có sửa chữa nhỏ nhưng còn hạn chế. Việc nâng cấp các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho đào tạo và NCKH còn hạn chế. Một số trang thiết bị chưa có hướng dẫn sử dụng, chưa có sổ theo dõi sử dụng dẫn đến dễ hỏng trong quá trình hoạt động.

Chưa định kỳ khảo sát ý kiến của GV và SV đánh giá hiệu quả sử dụng PTN, PTH của các khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng một số PTH, PTN; sửa chữa nhà màng, sửa chữa một số hạng mục ở Trung tâm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH	Nhà trường và Khoa Nông học	2020-2021
		Bổ sung trang thiết bị hiện đại theo hướng đầu tư chuyên sâu.	Nhà trường, Khoa Nông học và các Bộ môn	Hàng năm
		Xây dựng quy trình nội bộ về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng tài sản và các trang thiết bị.	Khoa Nông học	2021
		Khảo sát ý kiến GV và SV đánh giá hiệu quả sử dụng PTN, PTH	Khoa Nông học	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động tại các PTN, PTH hàng năm	Các Bộ môn và cán bộ quản lý PTN, PTH	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Ứng dụng công nghệ thông tin là một trong các yếu tố quan trọng để đem lại hiệu quả trong công tác đào tạo. Qua quá trình phát triển, đến nay Trường và Khoa đã có nhiều thiết bị tin học nhằm hỗ trợ hoạt động dạy và học, NCKH [H9.09.04.01]. Hiện nay, Trường có 04 phòng máy với số lượng máy tính là 335. Ước tính quy đổi số lượng máy tính cho một SV đại học chính quy là 0,3 máy/SV. Hiện nay, các Phòng, Bộ môn và Khoa đều được trang bị máy tính cá nhân, máy in, và máy photocopy để phục vụ công tác quản lý [H9.04.04.02] [H9.09.04.03].

Tất cả máy tính ở các Bộ môn, Khoa đều được kết nối mạng thông qua hệ thống mạng internet bằng cáp quang (LAN Backbone) và kết nối mạng internet với tổng tốc độ của 03 đường truyền là 130 Mbps phục vụ 24/24, đảm bảo cho công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý [H9.09.04.04] [H9.09.04.05]. Bộ phận chuyên trách về quản trị mạng trực thuộc Trung tâm Thông tin-Thư viện có nhiệm vụ đảm bảo hoạt động ổn định hệ thống mạng của Trường [H9.09.04.06].

Trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm hệ thống tích hợp thông tin quản lý đào tạo (gọi tắt phần mềm Quản lý giáo dục) <http://qlgd.huaf.edu.vn> được cung cấp bởi Trung tâm công nghệ phần mềm Trường Đại học Cần Thơ với 18 phân hệ: Quản lý CTĐT, quản lý kế hoạch học tập, quản lý SV, quản lý phòng học, quản lý thời khóa biểu, đăng ký học phần, học phí, quản lý điểm, học bổng, quản lý hồ sơ cán bộ, quản lý NCKH,... [H9.09.04.07] và các phần mềm online khác phục vụ công tác quản lý điều hành của Trường: Phần mềm Tra cứu văn bản <http://vanban.huaf.edu.vn>, phần mềm Thuế thu nhập cá nhân <http://tncn.huaf.edu.vn>, phần mềm Thư viện điện tử. Trang thông tin điện tử chính <http://huaf.edu.vn> (tiếng Việt) đã có trên 8.000.000 lượt truy cập. Ngoài ra Trường còn có các trang thông tin điện tử phụ khác như: <http://en.huaf.edu.vn> (tiếng Anh), <http://tuyensinh.huaf.edu.vn> (Tuyển sinh), <http://vieclam.huaf.edu.vn> (việc làm cho SV), <http://cuusinhvien.huaf.edu.vn> (Cựu SV), <http://huaf.edu.vn/diendan> (diễn đàn SV) phục vụ công tác thông tin, đào tạo, phục vụ SV.

Ngoài hệ thống mạng nội bộ xương sống, Trường còn hệ thống mạng không dây (wifi) phủ sóng các giảng đường A, B, C, D, căn tin, Thư viện, các khoa, phòng [H9.09.04.08] giúp cho GV và SV tra cứu tài liệu trên mạng bất cứ lúc nào trong ngày để phục vụ giảng dạy và NCKH. Có 100% lớp học trên giảng

đường được trang bị máy chiếu projector tạo điều kiện cho việc dạy và học được trực quan hơn [H9.09.04.09].

Nhà trường đã tổ chức, triển khai đào tạo qua mạng cho SV đại học chính quy. Việc tổ chức và quản lý theo Quy định số 459/QĐ-ĐHH [H9.09.04.10] về Quy định về Tổ chức và quản lý đào tạo qua mạng tại ĐHH. Nhà trường đã biên soạn tài liệu hướng dẫn cho GV và SV. Hệ thống sử dụng trên nền tảng Google (G-Suite) [H9.09.04.11], [H9.09.04.12], [H9.09.04.13], [H9.09.04.14] gồm:

- Google Classroom: Tổ chức và quản lý danh sách lớp học
- Google Calendar: Quản lý thời khóa biểu, lịch dạy
- Google Drive: Upload và quản lý tài liệu
- Google Meet: Học trực tuyến

Hàng năm trung tâm thông tin thư viện đều có lấy ý kiến phản hồi về sự đáp ứng của thư viện và công nghệ thông tin đối với SV, cán bộ và GV để nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.14 DC].

2. Điểm mạnh

Các phòng ban chức năng có đầy đủ máy tính và thiết bị tin học khác. Số máy tính trong trường được kết nối mạng nội bộ và mạng internet chiếm tỷ lệ cao (trên 99%). Có 100% CBGV và SV có tài khoản email theo tên miền của trường và được truy cập internet miễn phí.

3. Điểm tồn tại

Một số công tác quản lý chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng như quản lý tài sản, quản lý công văn.

Các máy tính tại phòng máy tính của Thư viện phục vụ bạn đọc tra cứu đã cũ và lạc hậu (đưa vào sử dụng từ năm 2007).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Triển khai phân hệ Chứng thực tập trung SSO và tài khoản người dùng.	Trung tâm Thông tin – Thư viện.	Tháng 6 - 8 năm 2016
2	Phát huy	Phân hệ Quản lý khác thuộc Hệ	Trung tâm Thông	2017-

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	điểm mạnh	thống Tịch hợp Thông tin Quản lý Đào tạo.	tin – Thư viện và Bộ phận CSVC	2021
		Thay mới một số máy tính phục vụ việc tra cứu trực tuyến cho bạn đọc.	Phòng Tổ chức hành chính và các đơn vị từ nguồn tài chính Trường phân bổ hằng năm và các dự án đầu tư	2020-2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong hơn 10 năm qua, bên cạnh việc đầu tư CSVC phục vụ giảng dạy và NCKH, Trường luôn quan tâm đầu tư CSVC cho hoạt động văn hóa, thể dục thể thao của SV. Tại cơ sở chính của Trường, SV được tạo mọi điều kiện sử dụng miễn phí những trang thiết bị, sân bãi cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và sinh hoạt đội nhóm thông qua sự quản lý của tổ chức Đoàn, Hội [H9.09.05.05]. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ được tổ chức tại Nhà Đa chức năng có 500 chỗ ngồi. Các hoạt động thể dục, thể thao được tổ chức tại Nhà thi đấu thể thao đa môn, sân bóng đá, sân bóng chuyền ngoài trời. Tuy nhiên, chưa có nhà thể thao dành cho người khuyết tật.

Ngoài những CSVC của Trường quản lý, CBGV và SV được sử dụng Nhà thi đấu thể thao ĐHH cho các hoạt động thể dục, thể thao có quy mô lớn. Hướng dẫn, chỉ dẫn cho người khuyết tật sử dụng CSVC trong giảng dạy và thể thao cũng như hướng dẫn sơ cứu các tai nạn xảy ra trong lúc thực hành, thí nghiệm của ngành KHCT [H9.09.05.06].

Trường ĐHNL, ĐHH nằm trên địa bàn phường Thuận Thành, là nơi có mật độ dân cư lớn nên tình hình an ninh trật tự khá phức tạp. Tổ Bảo vệ trực thuộc Phòng HC, TH&CSVC trường đảm nhận công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn tài sản cho CBVC và SV trong Trường [H9.09.05.01]. Số CBVC của Tổ Bảo vệ (bao gồm cả nhân viên hợp đồng) hiện nay là phù hợp với quy mô cơ sở

chính của Trường. Bên cạnh Tổ Bảo vệ, Trường còn thành lập Ban chỉ huy lực lượng tự vệ, Ban Phòng chống bão lụt, cháy nổ và tìm kiếm cứu nạn, Ban Phòng cháy chữa cháy nhằm thực hiện công tác bảo vệ an ninh chính trị, triển khai công tác phòng chống thiên tai bão lụt và cháy nổ ở tất cả các đơn vị [H9.09.05.02]. Thành viên của các Ban này được tuyển chọn từ các đơn vị trong toàn trường. Hàng năm, thành viên Ban Phòng cháy chữa cháy, Ban chỉ huy lực lượng tự vệ đều được các cơ quan chức năng đến tập huấn nghiệp vụ.

Trường thường xuyên thông báo đến các đơn vị trong toàn trường để nhắc nhở công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tài sản của cơ quan trong những ngày nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết [H9.09.05.03]. Tổ Bảo vệ của Trường luôn luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, công an phường và công an thành phố trong việc bảo vệ trật tự trị an, phòng chống cháy nổ. Hàng năm, các đơn vị chức năng của Trường đều có họp giao ban với lực lượng công an phường, công an thành phố để phối hợp công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ và SV [H9.09.05.04].

Vào những ngày lễ, ngày Tết, ngày hè Trường tăng cường lực lượng bảo vệ, lực lượng tự vệ, phân công lãnh đạo trực chỉ huy, sẵn sàng đối phó mọi tình huống xảy ra. Vào những dịp Trường tổ chức sinh hoạt lễ hội, văn hoá, thể thao Tổ Bảo vệ luôn phối hợp chặt chẽ với Đoàn Trường và Hội SV để bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh trong Trường [H9.09.05.05]. Năm 2015, Trường đã đầu tư hệ thống camera để hỗ trợ công tác giám sát, bảo vệ an ninh, bảo vệ tài sản ở những nơi xung yếu.

Lấy ý kiến phản hồi của CBGV và nhân viên, SV về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn trong trường học hàng năm và sự hài lòng về CSVC, trang thiết bị trong giảng dạy và học tập [H9.09.05.07].

2. Điểm mạnh

Bộ phận chuyên trách công tác bảo vệ tại cơ sở 102 Phùng Hưng có đủ số lượng nhân viên và có nghiệp vụ, do đó công tác giữ gìn trật tự, an toàn, an ninh trong Trường luôn được đảm bảo.

Môi trường cảnh quan được chỉnh trang, khuôn viên sạch đẹp.

3. Điểm tồn tại

Chưa trang bị đầy đủ những công cụ hỗ trợ cho Tổ Bảo vệ.

Chưa thường xuyên bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ cho CBVC Tổ Bảo vệ.

Chưa xây dựng hành lang và lối đi riêng dành cho người khuyết tật.

Chưa lấy ý kiến phản hồi của CBGV và nhân viên về tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn trong trường học.

Chưa có biển chỉ dẫn và nhà vệ sinh sinh cho người khuyết tật.

Chưa có hướng dẫn sơ cứu các tai nạn xảy ra trong lúc thực hành, thí nghiệm của ngành KHCT

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Trang bị thêm phương tiện hỗ trợ cho nhân viên Tổ Bảo vệ	Phòng TC-HC phối hợp	Tiếp tục thực hiện từ 2020
2	Phát huy điểm mạnh	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên Tổ Bảo vệ	Phòng TC-HC phối hợp với Công an thành phố, công an phường	Tiếp tục thực hiện từ 2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 4/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Về cơ bản có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Mặc dù vật một số trang thiết bị vẫn chưa thường xuyên được nâng cấp đồng bộ đặc biệt cho nghiên cứu liên quan đến ngành KHCT. Cảnh quan nhiều cây xanh và khuôn viên sạch đẹp.

Tiêu chuẩn 9 có 3 tiêu chí đạt 5/7 và 2 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là mục tiêu mà bất kỳ CTĐT nào cũng cần phải quan tâm hướng tới. Chương trình ngành KHCT, một trong những ngành mũi nhọn của Khoa Nông học nói riêng và của Trường ĐHNL, ĐHH nói chung. Hằng năm, công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan

(GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, SV đang học, cựu SV, GV, NCV, nhân viên chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được dùng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành KHCT.

Hàng năm, Ban quan hệ doanh nghiệp của Khoa và Nhà trường tổ chức thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua phiếu điều tra, phỏng vấn trực tiếp và qua các hội thảo, hội nghị. Đến nay, ngành KHCT đã được điều chỉnh nhiều lần và những lần gần đây nhất là năm 2017 (áp dụng K51) [H10.10.01.01], năm 2012 (áp dụng cho khóa 46) [H10.10.01.02]. Việc điều chỉnh CTĐT được thực hiện vào các năm 2012, 2017 và 2020 và hàng năm Nhà trường cho phép cập nhật khoảng 10% CTDH để phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Để việc khảo sát đạt kết quả tốt, Khoa đã xây dựng phiếu khảo sát, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện việc khảo sát, xử lý số liệu, viết báo cáo, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.03].

Các thông tin thu thập được từ đơn vị tuyển dụng, hay cựu SV cũng được báo cáo đính kèm trong bản cập nhật CTĐT năm 2017 [H10.10.01.04]. Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ các bên liên quan, CTĐT điều chỉnh năm 2017 và gần đây nhất là 2020. Cụ thể CTDH của năm 2017, Khoa đã tăng cường thêm các học phần về thực tế nghề nghiệp, các học phần thay thế thực tập tốt nghiệp,...

Trong các lần cập nhật điều chỉnh CTĐT, Khoa Nông học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua phiếu điều tra thị trường lao động ở các cơ quan. Sau khi tổng hợp số liệu, thu thập thông tin từ các bên liên quan, Khoa tiếp tục tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến điều chỉnh CTĐT. Ban chủ nhiệm Khoa Nông học đã mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ

các trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các đơn vị sử dụng lao động, GV và cán bộ quản lý các cấp tham gia vào thảo luận, điều chỉnh góp ý sửa đổi [H10.10.01.03]. Quá trình điều chỉnh CTĐT đều dựa trên khung trình độ quốc gia (VQF) theo quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ, các văn bản quy định, hướng dẫn của ĐHH và Trường ĐHNL, có tổ thẩm định đề cương chi tiết học phần [H10.10.01.04] và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan để làm căn cứ điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Bên cạnh đó, vào cuối năm học, Nhà trường đều gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi đến SV các lớp cuối khóa để đánh giá CTĐT trong đó có 4/42 câu về mục tiêu CTĐT. Với SV từ năm thứ nhất đến năm thứ 3 thì Nhà trường thực hiện khảo sát hoạt động giảng dạy sau khi kết thúc học phần. [H1.01.03.07 DC].

Ngoài ra, bắt đầu từ tháng 5 hàng năm, Khoa Nông học cùng với Nhà trường tổ chức ngày Hội việc làm cho SV. Ở đây, các đơn vị sử dụng lao động sẽ đến tại Trường để tuyển dụng và là cơ hội để SV sắp ra trường có cơ hội được tuyển dụng. Nhân dịp này, Nhà trường gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi đến các đơn vị đã, đang và có tiềm năng sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa; SV Khoa Nông học sắp tốt nghiệp; cựu SV Nông học; GV trong CTĐT để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của SV tốt nghiệp do Khoa đào tạo và góp ý kiến xây dựng, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.01].

Hiện nay, Khoa Nông học cũng đã và đang không ngừng mở rộng hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực tập. Sau mỗi đợt thực tập, đơn vị sử dụng lao động đã trao đổi với khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CĐR về kiến thức, kỹ năng, và thái độ. Khoa cũng đã ký kết các văn bản hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động làm cơ sở cho SV thực tập để xin ý kiến về chất lượng của CTĐT thông qua việc thực tập của SV [H1.01.03.07 DC].

Đối với cựu SV, Nhà trường và Khoa chủ trương xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV để có thêm nguồn thu thập phản hồi của cựu SV hiệu quả hơn [H1.01.01.11 DC].

Từ những nguồn này, Khoa lồng ghép các kết quả tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp [H1.01.01.11 DC]. Cụ thể mời các bên liên quan tham gia và xin ý kiến phản hồi, từ đó phân tích làm căn cứ để

thiết kế và phát triển CTDH. Tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định chuẩn đầu ra.

Ngoài ra, trong quá trình thiết kế CTĐT, Bộ môn, Khoa phải tham khảo các chương trình của các trường khác, sau đó làm báo cáo đối sánh các chương trình để thiết kế và phát triển chương trình ngành KHCT [H10.10.01.02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Nông học đều lấy ý kiến phản hồi tới các bên liên quan đó là đơn vị sử dụng lao động, cựu SV và SV, cán bộ quản lý về CTĐT bằng cách gửi bảng hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu của các bên trong các lần điều chỉnh CTĐT. Các kênh phản hồi đa dạng: bảng hỏi, thực tập thực tế, họp hội đồng KH&ĐT cấp Khoa, cấp Trường, các thông tin trên trang Website của Trường, Khoa.

Phương pháp thu thập thông tin được thực hiện một cách khoa học và tin cậy trên cơ sở đó đã làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường, tuy nhiên còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa do chưa có cơ chế phối hợp giữa Khoa và Nhà trường.

Lấy ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động, cựu SV đôi khi còn gặp khó khăn do vấn đề tài chính, nên đã hạn chế việc thu thập thông tin và hạn chế sự chủ động của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Khoa và Nhà trường trong việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của SV. Cố gắng chủ động hơn về tài chính để thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên kịp thời và chính xác.	Khoa và phòng KHTC	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì quan hệ tốt với các bên liên quan để thực hiện thu thập thông tin phản hồi về CTDH. Tiếp tục duy trì thực hiện một cách có hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh và phát triển CTDH.	Khoa và các đơn vị tuyển dụng lao động	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT trình độ đại học ngành KHCT được định kỳ điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Căn cứ vào các CTĐT đại học đã được ĐHH ban hành, căn cứ vào chuẩn đầu ra được ban hành năm 2010, CTĐT trình độ đại học ngành KHCT được định kỳ điều chỉnh, cập nhật năm 2012 và tiếp tục được sửa đổi, điều chỉnh, cập nhật năm 2017 [H1.01.01.05 DC].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Ban chủ nhiệm Khoa Nông học thành lập nhóm chuyên gia về thiết lập CTDH bao gồm đại diện các đơn vị sử dụng SV tốt nghiệp; GV; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp [H10.10.02.01]. Theo hướng dẫn của Trường ĐHNL, nhóm chuyên gia đề xuất chương trình, sau đó Hội đồng khoa học Khoa Nông học thảo luận để thống nhất [H10.10.02.01]. Các nội dung trong khung chương trình dự thảo được gửi đến GV, các NCV, chuyên gia, các cán bộ quản lý đào tạo và các bên liên quan để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi thẩm định [H10.10.02.02]. Sau đó gửi lên Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường để thẩm định. Nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng KH&CN cấp Trường để chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản [H10.10.02.03]. Cuối cùng trình ĐHH thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành KHCT. Trong quá trình thực hiện phải áp dụng đúng quy trình xây dựng, thẩm định và công bố CDR của CTĐT trình độ đại học tại ĐHH [H10.10.02.04].

Trước khi kết thúc năm học, vào khoảng tháng 5, bộ phận ĐT&CTSV phối hợp với Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu SV tốt nghiệp trong vòng 6-12 tháng về CTĐT; về số lượng SV có việc làm. Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTĐT, Nhà trường và Khoa đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.03.07 DC].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến GV viên về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và yêu cầu của xã hội [H1.01.03.07 DC].

Căn cứ vào CĐR được ban hành trong các giai đoạn của CTĐT trình độ đại học ngành Khoa học cây trồng, Khoa tiến hành đánh giá việc thực hiện CĐR ra trong đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng CĐR mới. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT [H1.01.03.07 DC]. Ngoài ra, ý kiến của các chuyên gia có uy tín, GV thường xuyên được ghi nhận trong các biên bản của các Hội nghị, Hội thảo của Khoa nhằm củng cố các khối kiến thức lý thuyết gắn với thực hành nghề, đem lại sự tiếp cận đa dạng cho người học về nghề nghiệp chuyên môn từ thực tiễn chuyên môn của các chuyên gia [H1.01.03.07 DC].

Rất nhiều GV, cựu SV của Khoa Nông học tham gia vào quá trình phản hồi ý kiến xây dựng chương trình đã có thời gian học tập theo các chương trình tiên tiến của nước ngoài. Do đó, họ có sự đối chiếu giữa các CTĐT để đưa ra những góp ý sát thực cho CTĐT ngành Khoa học cây trồng.

Việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT có sự đối chiếu từ các CTĐT ngành KHCT của một số trường Đại học có uy tín [H1.01.03.01 DC; H1.01.03.02 DC, H1.01.03.03 DC].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong ĐHH và hàng năm vẫn cho phép cập nhật nếu Khoa nhận thấy điều đó là cần thiết. Tài liệu giáo trình cũng được cập nhật mới theo nội dung khung chương trình hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần mới cập nhật hiện chưa biên soạn bài giảng kịp thời và chưa được lưu tại bộ môn.

Vẫn còn ít giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan để SV tham khảo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Chỉ đạo các Thầy Cô chịu trách nhiệm giảng dạy các học phần mà chưa kịp biên soạn bài giảng cần thực hiện ngay.	Khoa và GV	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình. Nên dịch một số giáo trình bằng tiếng nước ngoài của các trường Đại học nước ngoài cho SV tham khảo nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho SV.	Khoa và GV	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Phòng ĐT&CTSV và Phòng KTĐBCLGD&TTPC thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học bằng nhiều cách khác nhau như kiểm tra thời gian lên lớp của GV, kết quả dạy và học tại giảng đường cũng như PTN. Hàng năm, kế hoạch giảng dạy và học tập, kế hoạch kiểm tra kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học được thực hiện theo kế hoạch và quy trình của Nhà trường [H1.01.01.10 DC].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.01]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học

phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm, tham gia thực hành và làm các bài thực hành [H10.10.03.01]. Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được trình bày chi tiết trong Quy định về tổ chức thi và đánh giá học phần của Trường ĐHNL [H4.04.01.02 DC].

Khoa Nông học thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá bằng hình thức dự giờ đối với những GV lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới nhằm đóng góp ý kiến cho các GV về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV. Việc làm này được thực hiện nhiều hơn tại các Bộ môn trong Khoa đối với các học phần khác nhau [H5.05.02.01 DC].

Hàng năm, KT, BDCLGD, TT&PC phối hợp với các Khoa trong trường tổ chức hội nghị về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV [H10.10.03.01]. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng KT, BDCLGD, TT&PC của Nhà trường đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT ngành KHCT đều được lấy ý kiến. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và người dạy cũng được SV đánh giá cao [H10.10.03.02], [H1.01.03.07 DC].

Đối với công tác kiểm tra, đánh giá người học, cùng với các phòng chức năng, Khoa Nông học cử 2 GV của Khoa tham gia giám sát thi cùng với tổ thanh tra pháp chế. Ngoài ra CBGV của khoa tích cực tham gia công tác coi thi vào mỗi đợt thi hết học phần. Các cán bộ được sự phân công của Khoa và Nhà trường có nhiệm vụ coi thi ở tất cả các học phần của Khoa phụ trách hay các học phần ngoài khoa khi có yêu cầu [H10.10.03.03].

Phòng KT, BDCLGD, TT&PC có nhiệm vụ hợp và tổ chức, phân công cán bộ giám sát, theo dõi việc tổ chức thi cử trong mỗi đợt thi. Ngoài ra, trước mỗi đợt thi, trong đợt họp cán bộ cốt cán Khoa theo định kỳ đều được nhắc nhở nắm bắt tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.04] [H10.10.03.05]. Quy trình đảm bảo chất lượng của kiểm tra, đánh giá được thực hiện ngay từ đầu vào mỗi kỳ thi, từ hoạt động tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu của ĐTN, Hội SV cho đến việc phát huy vai trò của CVHT trước mỗi kỳ thi [H10.10.03.06]. Các hình thức đánh

giá và thi cử được thực hiện đúng theo quy định về “Tổ chức thi kết thúc học phần” [H5.05.01.02 DC] và khi cần có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu mà thực tế đặt ra.

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau:

Việc rà soát, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi được thực hiện hàng năm. Các bộ môn rà soát và cập nhật ngân hàng câu hỏi thi dựa trên các đề cương đã được cập nhật để đảm bảo phù hợp với CDR.

Bộ đề thi và đáp án được lưu tại Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC và tại các bộ môn. Trước khi bắt đầu tổ chức thi 2 tuần, Phòng ĐT&CTSV sẽ gửi danh sách các nhóm học phần thi, phòng thi và thời gian thi cho Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC và gửi cho Khoa lịch thi. Khoa sẽ bố trí cán bộ coi thi những học phần do Khoa phụ trách. Trước khi thi, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC tổ chức cho bốc đề thi và niêm phong. Sau đó xuất danh sách dự thi (trong danh sách ghi rõ những trường hợp đủ và không đủ điều kiện dự thi).

Sau khi thi xong, bài thi giao cho các Khoa tổ chức cắt phách và phân công GV chấm thi tại bộ môn, Trợ lý giáo vụ Khoa vào điểm và nộp cho Phòng ĐT&CTSV trong vòng 7 ngày đến 10 ngày. Phòng ĐT&CTSV sẽ có trách nhiệm duyệt điểm sau khi đã kiểm tra [H4.04.01.02 DC].

Quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp: (1) thông báo cho GV và SV trước 3 tuần về thời gian, địa điểm chấm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.03.07]; (2) phân công GV phản biện cho khóa luận của SV [H10.10.03.09]; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu khóa luận tốt nghiệp của SV và gửi đến các GV phản biện, GV hướng dẫn để viết nhận xét về khóa luận của SV, đồng thời yêu cầu các GV hướng dẫn nộp nhận xét về SV thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.03.09]; (5) bộ phận đào tạo tổng hợp nhận xét của các khóa luận; (6) các tiểu ban tiến hành chấm khóa luận theo kế hoạch tổ chức chung của cả khoa, (7) ngay sau khi các tiểu ban thực hiện xong buổi chấm khóa luận, hội đồng chấm khóa luận họp lại (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của SV và cuối cùng (9) thông báo điểm khóa luận cho SV [H10.10.03.10].

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá

đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của ĐHH, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV chưa được đồng bộ mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu, chưa dựa trên các hình thức khác như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, từ chủ nhiệm bộ môn.

Điểm kiểm tra đánh giá quá trình đôi khi vẫn còn một số GV chưa công bố kịp thời cho SV trước khi thi kết thúc học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của nhiều đối tượng khác nhau về chất lượng của GV như: SV, các GV, nhà quản lý. Yêu cầu tất cả các giáo viên công bố điểm 30% trên lớp trước khi thi kết thúc học phần	Khoa và GV, SV, Nhà quản lý Khoa và Giáo viên trong Khoa	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các buổi tập huấn, seminar về phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá cho các GV trong Khoa; các bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các GV trong bộ môn để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.	Khoa và các bộ môn	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Nông học là một trong những khoa có phong trào NCKH mạnh của trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước của GV trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây. Nhiều cá nhân và tập thể nhóm nghiên cứu được khen thưởng khuyến khích tài năng của Giám đốc ĐHH. [H6.06.06.05 DC].

NCKH trong KHCT vừa mang tính hàn lâm khoa học vừa mang tính ứng dụng thực tiễn. Kết quả nghiên cứu rất thiết thực, đa dạng và phong phú, phù hợp với chuyên môn, lĩnh vực giảng dạy của GV. Một số đề tài các cấp điển hình như: Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh từ vi khuẩn có ích *Bacillus sp.* phòng trừ bệnh héo rũ và kích thích sinh trưởng Lạc tại Miền Trung Việt Nam (cấp Bộ), Phân tích đa dạng di truyền quần thể nấm đạo ôn tại Miền Trung Việt Nam (Cấp quốc gia), Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa kháng rầy lưng trắng (*Sogatella furcifera* Horvath) (Cấp ĐHH) và xác định một số biện pháp kỹ thuật canh tác hợp lý ở Thừa Thiên Huế. Mã số: DHH2015-02-60, Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học và xác định gen chịu hạn của tập đoàn giống lúa nhập nội tại Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân hữu cơ vi sinh đa chức năng tại Thừa Thiên Huế....[H6.06.07.02 DC]. Các hướng nghiên cứu chính như về sâu bệnh hại, côn trùng gây bệnh cây trồng, về giống, phân bón, các cây trồng mới. Tất cả các kết quả nghiên cứu này đã được bổ sung, cập nhật vào CTDH, được cụ thể hóa thành các tài liệu, giáo trình, sách tham khảo cho dạy và học như giáo trình bệnh cây, côn trùng Nông nghiệp, côn trùng đại cương, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cao su, Kỹ thuật sản xuất cây công nghiệp[H10.10.04.01]. Tất cả các đề tài NCKH trong khoa có xu hướng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất rất cao và đóng góp đáng kể vào công tác giảng dạy và học tập.

Mục tiêu của Khoa cũng như của Nhà trường là NCKH phải gắn liền với đào tạo. Do vậy, tất cả các đề tài NCKH đều có sự tham gia rất tích cực của SV. Thậm chí là có những bài báo đăng trên các tạp chí nước ngoài là tác giả hay đồng tác giả là GV hay SV [H9.09.02.02 DC].

Ngoài ra, nhiều đề tài NCKH, đề tài khóa luận của SV cũng chính là các nhánh nhỏ trong các đề tài nghiên cứu lớn của GV [H9.09.02.16 DC].

Các GV trong Khoa cũng đã chủ trì đề tài NCKH các cấp như cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp ĐHH và cấp Trường, đề tài liên kết, các dự án sản xuất thử nghiệm cũng được thực hiện[H6.06.07.02 DC].

Các đề tài nghiên cứu, các dự án quốc tế cũng đã và đang được triển khai. Đặc biệt, trong hợp tác quốc tế có sự trao đổi sinh viên học tập.

Dưới đây là bảng thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của GV và học tập của SV giai đoạn 2016 - 2020.

Bảng 10.1. Thống kê một số đề tài được ứng dụng trong giảng dạy của giảng viên giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên đề tài	Năm nghiệm thu	Lĩnh vực ứng dụng
01	Phân tích đa dạng di truyền quần thể nấm đạo ôn tại Miền Trung Việt Nam	2016	Nông nghiệp
02	Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa kháng rầy lưng trắng (<i>Sogatella furcifera</i> Horvath	2017	Nông nghiệp
03	Xác định một số biện pháp kỹ thuật canh tác hợp lý ở Thừa Thiên Huế	2017	Nông nghiệp
04	Nghiên cứu tuyển chọn giống lúa chịu hạn cho đất trồng lúa phụ thuộc nước trời ở Miền Trung	2018	Nông nghiệp
05	So sánh sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống Ngô nếp địa phương tại Thừa Thiên Huế	2018	Nông nghiệp
06	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh từ vi khuẩn có ích <i>Bacillus</i> sp. phòng trừ bệnh héo rũ và kích thích sinh trưởng Lạc tại Miền Trung Việt Nam	2019	Nông nghiệp
07	Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học cây địa liên (<i>Kaempferia galangal</i>) và xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất an toàn tại Thừa Thiên Huế	2019	Nông nghiệp
08	Nghiên cứu nhân giống nấm dược liệu Vân chi (<i>Trametes versicolor</i> (Linnaeus :Fries) Pilat) cung cấp cho khu	2019	Nông nghiệp

	vực miền Trung		
	Nghiên cứu sự sinh trưởng, phát triển của một số giống hoa Đồng Tiền lùn trồng chậu tại Thành Phố Huế	2020	

Mục tiêu của Khoa cũng như của Nhà trường là NCKH phải gắn liền với đào tạo. Do vậy, tất cả các đề tài NCKH đều có sự tham gia tích cực của SV. Thúc đẩy phong trào NCKH của SV. Khoa Nông học cũng khuyến khích SV năm thứ nhất tham gia NCKH. Đã có những bài báo đăng trên các tạp chí nước ngoài là tác giả hay đồng tác giả là GV hay SV [H10.10.04.04].

Bảng 10.2. Tên đề tài của sinh viên và các bài báo khoa học được công bố giai đoạn 2017-2020

STT	Tên đề tài SV NCKH và bào báo Khoa học được công bố	Năm bảo vệ
01	Nghiên cứu ảnh hưởng của Si trong than trấu sinh học đến sinh trưởng, phát triển và khả năng chịu hạn của cây ngô trên đất cát biển tỉnh Bình Định. SNH2017-5	2017
02	Phân lập và tuyển chọn một số chủng nấm mốc hòa tan phosphate vô cơ trong đất trồng rau ở Thừa Thiên Huế. SNH2017-02	2017
03	Nghiên cứu phương pháp tiêm thuốc potassium phosphonate cho cây hồ tiêu để phòng trừ bệnh chết nhanh trong điều kiện nhà lưới. DNL2019-SV-NH-06	2019
04	Đánh giá khả năng kích thích sinh trưởng của một số vi khuẩn phân lập từ nốt sần cho cây lạc. DNL2020-SV-NH-04.	2020
05	Nghiên cứu hiệu lực trừ nhện gié hại lúa của các loại thuốc trừ nhện trong phòng thí nghiệm. DNL2020-SV-NH-05.	2020

Ngoài ra, nhiều đề tài NCKH, đề tài khóa luận của SV cũng chính là các nhánh nhỏ trong các đề tài nghiên cứu lớn của GV [H10.10.04.05].

Trong nhiều năm qua, GV và SV của Khoa Nông học đã tập trung nghiên cứu những vấn đề thực tiễn liên quan đến việc dạy và học. Các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT của GV và SV biết vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành, đồng thời nâng cao năng lực NCKH của bản thân.

2. Điểm mạnh

Thông qua NCKH, Khoa đã có những nhóm nghiên cứu mạnh. Từ đó có được phong trào NCKH trong khoa, huy động được sự tham gia của tất cả các GV cũng như SV trong toàn Khoa.

Số lượng các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá lớn tính bình quân trên mỗi GV cũng như so với tiêu chuẩn quy định của Trường và có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV.

Thông qua việc được tham gia NCKH cùng các GV, SV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều các bài báo tham luận ở các Hội thảo quốc tế mà có SV tham gia.

Sự phân bổ kinh phí cho các đề tài NCKH SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích, đẩy mạnh việc tìm các nguồn lực tài trợ trong và ngoài nước, tạo mọi điều kiện để cán bộ tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế	Khoa và GV	2021
2	Phát huy điểm	Khoa Nông học đã hình thành nhiều nhóm nghiên cứu mạnh, nhiệm vụ của các nhóm	Khoa và các GV	2021

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	manh	là tư vấn cho Khoa để xây dựng được nhiều các đề tài hơn nữa trong những năm tới gắn liền với sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ. Thông qua đó, việc tiến hành đề tài cũng như cũng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ là những đóng góp trực tiếp và hiệu quả cho công tác đào tạo của Khoa và Nhà trường.	trong Khoa	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa Nông học đánh giá định kì và cải tiến chất lượng.

Kết thúc mỗi năm học, Phòng KT,BDCLGD,TT&PC phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về học phần liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá và cơ sở vật chất phục vụ học tập [H10.10.05.01].

Kế hoạch mua sắm, sửa chữa vật tư phục vụ thực hành, thí nghiệm, đầu tư máy móc phục vụ thực hành, giảng dạy luôn được Nhà trường quan tâm, nâng cấp [H10.10.05.03]. Do tính chất đào tạo của ngành KHCT là đào tạo kỹ sư, do vậy cần có phòng thực hành đủ rộng với thiết kế bàn ghế học tập riêng lẻ, các loại máy móc, thiết bị thí nghiệm cũng cần được trang bị nhiều hơn để giúp SV dễ dàng hơn cho những giờ thực hành.

Hàng năm, Phòng Tổ chức, Hành chính& Cơ sở vật chất đều đưa ra các giải pháp cải tiến cụ thể đối với các phòng học, phòng thực hành. Kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm học hoặc công ty chuyên bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị tin học, máy chiếu, micro... sửa chữa kịp thời ngay khi có đề nghị từ phía Khoa và Nhà trường (ví

dụ: quạt điện ở giảng đường, máy chiếu của các giảng đường,...) [H10.10.05.02].

Như vậy, có thể thấy các thiết bị đều được khai thác, sử dụng tối đa công suất. Trong quá trình sử dụng, phần lớn GV, SV hài lòng về chất lượng của trang thiết bị.

Các thiết bị này được bảo quản, sử dụng, thanh lý và thay thế máy mới theo quy định của Bộ Tài chính. Hằng năm, Trường có thành lập tổ kiểm kê tài sản đến các đơn vị trong trường để kiểm tra đánh giá chất lượng của trang thiết bị, những thiết bị cũ, hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và thay thế trang thiết bị mới [H10.10.05.03].

Hỗ trợ công nghệ thông tin cho GV thực hiện nhiệm vụ cũng được Nhà trường quan tâm. Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên trường, thư viện và trong kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây (Wifi) và mạng có dây (cable). Tất cả các biểu mẫu, quy chế, chương trình làm việc đều được giảng viên tiếp nhận kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua email, điện thoại, trên website của Nhà trường.

Phần mềm quản lý giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Phần mềm đã cung cấp lịch dạy và học cho GV và sinh viên một cách kịp thời. Các trợ lý khoa, giáo viên được cấp tài khoản riêng truy cập vào hệ thống để thực hiện các chức năng chuyên trách [H8.08.04.15 DC]. Tại thư viện, tài liệu được số hóa để bảo quản, nguồn học liệu được quản lý bằng phần mềm. Số lượng đầu sách, tài liệu tham khảo, giáo trình từ năm 2017 bắt đầu có tăng thêm.

Kế hoạch nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị đều được thực hiện theo quy trình hợp lý vận dụng linh hoạt theo từng thời điểm và luôn hỗ trợ kịp thời cho kế hoạch học tập của từng học phần. Nhà trường thực hiện duy trì cơ sở vật chất bằng việc kiểm tra và thay thế các trang thiết bị hỏng hóc trước khi mỗi học kì bắt đầu. tùy tình hình thực tế, khoa sẽ gửi các đề nghị lên cấp Nhà trường yêu cầu sự hỗ trợ cần thiết trong việc mua sắm vật tư thiết bị hay sửa chữa kịp thời để phục vụ cho việc dạy và học của Khoa [H10.10.05.04].

Ngoài ra, có thể kể đến Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ Nông nghiệp rộng gần 20 ha là cơ sở thực hành, thực tập cho SV và cũng là địa điểm nghiên cứu của GV [H6.06.01.10].

Trường còn có khu tự học với không gian thoáng mát tạo thuận lợi cho SV tự học, tự nghiên cứu.

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm đặc biệt các chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, hay các dịch vụ về bảo hiểm y tế cho SV. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế cũng được thống kê hàng năm lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng.

Như đã nêu ở trên, định kỳ, các đơn vị liên quan đều lấy ý kiến GV, SV cán bộ về các hoạt động hỗ trợ của đơn vị. Thông qua các kết quả phân tích, Trường và Khoa xem xét rà soát và có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo. Theo số liệu đánh giá mới nhất về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (với 300 SV), trên thang đánh giá được xây dựng từ 1 – rất không đồng ý đến 5 – rất đồng ý, kết quả ở bảng 1 và bảng 2 cho thấy ý kiến của SV và GV, cụ thể như sau:

Bảng 10.3. Điểm trung bình đánh giá của SV về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập

STT	Các tiêu chí	Điểm trung bình
1	Giảng đường/ phòng học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	3,70/5
2	Trang thiết bị tại giảng đường (phương tiện nghe nhìn, các ứng dụng tiện ích internet...)	3,70/5
3	Nhà trường có đủ phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/trang trại cho các giờ thực hành, thực tập.	3,69/5
4	Phần mềm đào tạo tin chỉ rất dễ dàng và hiệu quả.	3,84/5
5	Sở tay sinh viên cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình đào tạo, môn học và cách đăng ký, hủy	4,06/5
6	Sinh viên dễ dàng nhận được các văn bản về học bổng, học phí, các chế độ chính sách.	3,50/5
7	Thư viện có nhiều đầu sách phong phú.	3,65/5

(Nguồn: Số liệu điều tra Trường ĐHNL năm 2017)

Bảng 10.4. Đánh giá của giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị

STT	Các tiêu chí	Điểm trung bình
1	Phòng học đã được trang bị đầy đủ thiết bị phương tiện cho dạy học và sinh hoạt lớp	3,20/5
2	Thầy cô đã được trang bị đầy đủ sổ tay CVHT, sổ tay sinh viên và các tài liệu liên quan khác.	3,62/5
3	Thầy cô được hỗ trợ về công nghệ thông tin (máy tính để bàn, phần mềm, các thiết bị hỗ trợ khác...)	2,32/5
4	Hệ thống thông tin lúc nào cũng sẵn sàng để thầy cô sử dụng cho công tác CVHT.	3,44/5
5	Phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường dễ dàng cho CVHT sử dụng.	3,19/5
6	Nhìn chung, cơ sở vật chất và bộ công cụ của Nhà trường tương đối đầy đủ cho công tác CVHT	3,44/5

(Nguồn: Số liệu điều tra Trường Đại học Nông Lâm năm 2017)

2. Điểm mạnh

Nhìn chung, dịch vụ hỗ trợ tại Thư viện, PTN, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác đã được cải tiến nhiều.

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch bảo trì và mua sắm mới, nâng cấp dịch vụ hỗ trợ nhằm phục vụ tốt nhất cho việc dạy và học.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Điểm tồn tại

Về tư liệu: Dù ngày càng được Thư viện số hóa để phục vụ cho SV nhưng thực tế các tài liệu lý thuyết trong lĩnh vực KHCT ở Việt Nam hiện nay chưa thực sự được cập nhật với xu hướng phát triển ngành học trên thế giới.

Về hoạt động hỗ trợ khác: Công việc CVHT chưa được thực hiện tốt nên nhiều SV gặp khó khăn trong việc đăng ký học phần và lập kế hoạch học tập cá nhân cho cả 4 năm học. Vì vậy, có một tỷ lệ nhỏ SV không hoàn thành được tiến độ học tập trong 4 năm.

Chưa có được kết quả đối sánh sự hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của các bên liên quan hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống thư viện kỹ thuật số hiện đại. Sự hỗ trợ chu đáo, nhiệt tình của CVHT cần được cải thiện hiệu quả hơn. Thực hiện khảo sát hàng năm và có kết quả đối sánh sự hài lòng về chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của các bên liên quan.	Khoa và Phòng TCHC, Phòng Kh, HTQT, TTTV	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung và cập nhật các tài liệu học tập trong nước cũng như bằng tiếng nước ngoài Đề nghị Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu tiên tiến tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới.	Khoa và các GV trong Khoa, Thư viện	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHCT, Phòng KT, BĐCLGD, TT&PC đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT định kỳ [H2.02.03.04 DC].

Nhà trường thông báo đến các khoa việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang

tính hệ thống[H10.10.06.0..]. Trường đã xây dựng công cụ thu thập thông tin phản hồi về việc dạy của GV, chất lượng của ĐT, được thiết kế khoa học; có phần mềm nhập liệu, xử lý và phân tích kết quả khảo sát. Với cơ chế thu thập thông tin phản hồi như: khảo sát, bảng hỏi, đối thoại,... thường được sử dụng để thu thập ý kiến phản hồi và các góp ý từ SV về hoạt động giảng dạy được tổng hợp và làm cơ sở để lập kế hoạch cho việc phát triển đội ngũ GV cũng như cải tiến phương pháp giảng dạy, hay các hoạt động hỗ trợ giảng dạy [H10.10.06.02].

Theo quy định của Nhà trường, vào cuối năm học, tất cả GV cơ hữu của Khoa Nông học phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá việc kê khai khối lượng công việc hàng năm thông qua các giờ Giảng dạy, giờ NCKH và giờ chuẩn khác [H6.06.04.05 DC].

Ngoài ra, Khoa Nông học còn phối hợp với Nhà trường (chủ yếu là Phòng KT,BĐCLGD,TT&PC và Phòng ĐT&CTSV) thực hiện lấy ý kiến người học về nội dung học phần và về chất lượng hoạt động hỗ trợ người học [H10.10.06.03] thông qua việc phát phiếu trả lời trực tiếp từ người học hoặc thông qua hệ thống phần mềm giáo dục. Việc lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp, cựu SV về chất lượng SV tốt nghiệp cũng như về nội dung CTĐT cũng được thực hiện thường xuyên. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan là nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT. Các kết quả này được thu nhận và được tổng hợp từ các doanh nghiệp có sử dụng nhân lực của CTĐT ngành KHCT và các doanh nghiệp có sử dụng nhân sự là cựu SV của CTĐT. Việc khảo sát được thực hiện linh hoạt bằng nhiều phương thức như phỏng vấn thông qua ngày hội việc làm hay phỏng vấn trực tiếp từ nhà tuyển dụng. Công tác này được thực hiện 01 lần/ năm hoặc 02 lần/năm. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT, điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy- học, các hoạt động hỗ trợ và các hoạt động cải tiến chất lượng của CTĐT ngành KHCT [H10.10.06.04].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT ngành KHCT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CĐR,.. Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi đều có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được thông tin chuẩn xác nhất.

2. Điểm mạnh

Khoa được hưởng lợi từ những CSVC của trường nên việc đáp ứng cho SV về phòng học, điều kiện học có thể xem là tốt.

Khoa có phòng đọc riêng với nhiều tư liệu có thể đáp ứng cho SV ở các chuyên ngành khác nhau. Thư viện có sự đa dạng về sách, từ các sách tiếng Việt đến sách tiếng Anh, tiếng Nga. Thư viện thường xuyên được bổ sung các đầu sách mới của các tác giả nước ngoài, trong nước, các sách chuyên khảo cũng như giáo trình của các thầy cô trong Khoa và các công trình NCKH của học viên cao học, nghiên cứu sinh và SV của Khoa.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như tuyển dụng, cựu SV về CSVC phục vụ cho việc đào tạo.

Chưa thực hiện khảo sát chất lượng CTĐT ở các cơ sở thực tập, thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức tọa đàm, trao đổi nhóm giữa khoa với nhà tuyển dụng và cựu SV để có những thay đổi trong khả năng về CSVC và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập.	Khoa và Nhà tuyển dụng	2021
		Thực hiện khảo sát chất lượng CTĐT tại các cơ sở thực tập, thực tế nghề nghiệp của SV.	Các đơn vị/ doanh nghiệp SV thực tập	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động mở cửa phòng đọc của Khoa. Mỗi GV nên đề xuất với Khoa, Nhà trường bổ sung các đầu sách mới xuất bản cho SV tham khảo	Khoa và các GV trong Khoa, Thư viện	2021

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa Nông học đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân

thủ theo đúng quy trình: (i) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường đại học có thể mạnh về KHCT; (ii) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu SV và SV làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (iii) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới về KHCT cho phù hợp với thị trường lao động và xu thế hội nhập thế giới (không quá 20% CTĐT); (iv) thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các cán bộ trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của ĐHH và những quy định của Trường; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung, đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Một số tồn tại cần khắc phục trong lộ trình cải tiến chất lượng đào tạo trong thời gian tới như: (i) cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ; (ii) thúc đẩy việc biên soạn bài giảng, giáo trình; (iii) rà soát lại CTĐT để bổ sung phần thực hành của một số môn học còn nặng về lý thuyết; (iv) tìm kiếm và thực hiện các đề tài khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo; (v) đề nghị Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu tiên tiến tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật các tài liệu, nghiên cứu mới trên thế giới; (v) tổ chức và thực hiện tốt hơn các loại hình hỗ trợ SV như CVHT, tư vấn tâm lý.

Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Hàng năm, Khoa Nông học đã thực hiện việc giám sát CDR, tổ chức tổng kết tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV giỏi, khá, trung bình, yếu và kém, thời gian hoàn thành chương trình, tỉ lệ SV thôi học, số lượng SV tốt

nghiệp tìm được việc làm cũng được cập nhật thông qua kết nối chắc chẽ với cựu SV.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chắc chẽ của Khoa Nông học và Phòng KH, HTQT &TTTTV đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành KHCT, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường được lên kế hoạch hằng năm và được khuyến khích SV thực hiện.

Nhà trường và Khoa Nông học đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành KHCT tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Nhà trường, phòng ĐT&CTSV và khoa đều tổ chức họp xét sinh viên đủ điều kiện được cấp bằng tốt nghiệp hàng năm và ra quyết định sinh viên tốt nghiệp của ngành KHCT hàng năm, các quyết định này được lưu trữ tại phòng ĐT&CTSV và Khoa Nông học [H11.11.01.01], [H1.01.01.11.DC]. Đồng thời, hội đồng đào tạo Nhà trường tổ chức họp hàng năm để xét các trường hợp sinh viên ngành KHCT không đủ điều kiện tiếp tục theo học và ra quyết định thôi học, quyết định được lưu trữ tại phòng ĐT&CTSV [H11.11.01.02]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ người học hoàn thành TCĐT (%)	Tỷ lệ sinh viên thôi học (%)
2015 - 2016	61	77,1	12
2016 - 2017	81	60,5	16
2017 - 2018	78	66,7	8
2018 - 2019	102	84,3	5
2019 - 2020	58	60,3	1

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây, có thể thấy: Đa số SV của ngành KHCT hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT. Đó là do ngành học KHCT luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua CVHT, Trợ lý giáo vụ. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, CVHT, trợ lý giáo vụ vào các kỳ học, CVHT họp với lớp định kì hàng tháng để nắm được tình hình học tập của SV [H11.11.01.03]. Tuy nhiên vẫn có một tỷ lệ SV thôi học là do gia đình có những định hướng khác cho SV. Khoa thường xuyên cập nhật, đánh giá chất lượng đào tạo để có các biện pháp cải thiện chương trình đào tạo [H11.11.05.02 DC].

2. Điểm mạnh

Các CVHT, trợ lý giáo vụ của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Trợ lý giáo vụ, CVHT đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ, Trợ lý giáo vụ, CVHT, cán bộ lớp đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp bằng quyết định và danh sách SV tốt nghiệp hàng năm, nhưng Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: Thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác... trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

Với những SV tốt nghiệp trên 4 năm là do SV chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra như: Ngoại ngữ, tin học, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất. Điều này là nguyên nhân do phía chủ quan của SV, vì đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi SV phải chủ động với kế hoạch học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục	Giám sát chặt chẽ tình hình học tập	Khoa	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
	tồn tại	của SV. Tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.	Nông học	
2	Khắc phục tồn tại	Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn	Khoa Nông học	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh	Tổng kết và đánh giá kết quả hàng năm	Khoa Nông học	Tiếp tục thực hiện

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào các quy định cụ thể theo từng giai đoạn mà việc phát triển chương trình được tham khảo các chương trình trong nước và nước ngoài; ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu SV và các tổ chức giáo dục khác. CTĐT của Khoa Nông học được điều chỉnh trong những năm gần đây; là sự kết hợp xây dựng khung chương trình giữa các đại học châu Âu và các đại học trong nước có cùng chuyên ngành. Khoa đã gấp rút xây dựng kế hoạch và huy động đồng bộ nguồn lực để triển khai việc chuyển đổi toàn bộ chương trình sang đào tạo theo định hướng nghề nghiệp (POHE) cho ngành KHCT vào năm 2007 và sau đó tiếp tục chuyển đổi hình thức đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ (năm 2008) [H11.11.02.01] và đã tổ chức thực hiện ngay khóa tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2008 (được gọi là khóa 42 của trường).

Sau khi kết thúc một khóa đào tạo (theo thiết kế thời gian đào tạo 4 năm với hệ đại học; 3 năm đối với hệ cao đẳng) và phù hợp với quy định về mã ngành cấp IV của Thông tư 14/2010/TTBGDDĐT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học) [H3.03.01.02 DC]. Các CTĐT bậc cao đẳng cũng đã được rà soát, điều chỉnh trong các năm 2011 [H11.11.02.03] và năm 2015 [H11.11.02.04] để thuận tiện trong việc quản lý đào tạo và liên thông kiến thức

cho người học. Hàng năm Khoa tổ chức tổng kết năm học để đánh giá chất lượng dạy và học nhằm đưa ra phương hướng cải thiện chất lượng [H11.11.02.07].

Thực hiện Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT “Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, TS” ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo rà soát CTĐT đại học hệ chính quy năm 2015 [H1.01.01.07 DC].

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và bám sát các bước thực hiện theo Thông tư 07/2015, đến nay Khoa Nông học đã hoàn thiện khung CTĐT cho ngành KHCT [H11.11.02.02], là ngành mũi nhọn thuộc CTĐT đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) [H11.11.02.05; H11.11.02.06] và đang hoàn thiện khâu đánh giá kiểm định chất lượng.

Kết quả theo số liệu thống kê cụ thể thời gian tốt nghiệp trung bình của người học của CTĐT ngành KHCT là 4 năm, ngang bằng thời gian tốt nghiệp trung bình chung của toàn trường; tỷ lệ SV tốt nghiệp trung bình của ngành cụ thể hàng năm đạt 90,7% cao hơn tỷ lệ tốt nghiệp trung bình toàn khoa và một số khoa như Khuyến nông, Cơ khí Công nghệ, Lâm nghiệp với mức độ duy trì ổn định qua các năm [H11.11.02.07; H1.01.01.11 DC]. Khoa, Trường định kỳ tổ chức tổng kết năm học và khen thưởng sinh viên đạt thành tích tốt hàng năm theo các cấp. Thông qua buổi tổng kết, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ của năm học mới nhằm thúc đẩy sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.07].

2. Điểm mạnh

Khoa đã thường xuyên rà soát bổ sung CTĐT ở các ngành học và bậc học. Các CTĐT có sự tham khảo các chương trình trong nước và tiên tiến của Hà Lan.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến người lao động chưa thường xuyên, đồng bộ nhất là các SV tốt nghiệp đang làm việc ở lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT	Khoa Nông học	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		và tham khảo thêm các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật, rà soát và đánh giá chất lượng và quy mô ĐTDH ngành Khoa học Cây trồng tiến đến đánh giá các ngành học còn lại.	Khoa Nông học, phòng KT, BDCLGD, TT&PC và phòng ĐT&CTSV phối hợp thực hiện	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

SV thuộc Khoa Nông học luôn được các GV tạo điều kiện cũng như quan tâm hỗ trợ tốt nhất để có thể phát huy tính sáng tạo, hiểu biết trong học tập và nghiên cứu khoa học. Hàng năm có 6 - 10 nhóm SV nghiên cứu khoa học và bảo vệ thành công đề tài [H4.04.03.08 DC]. Bên cạnh đó, SV còn được áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế thông qua thực hành các môn học, dã ngoại. Ngoài ra, SV năm thứ 3 còn có thời gian rèn luyện kiến thức và các kỹ năng ở các công ty, viện nghiên cứu trong vòng 2 tháng, hoặc có những SV đăng ký tham gia các chương trình Intersnhip ở các nước như: Israel, Đan Mạch và Nhật Bản trong vòng 1 năm [H11.11.03.01]. Điều này đã định hướng và tạo được cơ hội tìm được việc làm rất lớn cho SV khi tốt nghiệp [H8.08.04.05.DC].

Tuy nhiên, những khảo sát về vị trí việc làm, tỷ lệ SV khi ra trường xin được công việc phù hợp mới chỉ tập trung vào SV toàn Khoa Nông học từ khóa 47 (2016) đến nay [H6.06.01.09], [H6.06.0.10], [H6.06.01.11], [H8.08.04.12 DC].

2. Điểm mạnh

SV ngành KHCT có cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp. Khoa tiến hành khảo sát với những SV sau khi thực tập nghề nghiệp ở các công ty để có những đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

Khoa cũng có những cuộc họp với thế giới việc làm (WoW) để xem xét những nhu cầu của các công ty để từ đó có thể có những chỉnh sửa trong CTĐT nhằm đáp ứng được đầu ra của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại

Gần như chưa có khảo sát sâu và rộng về số lượng SV tìm việc làm và thu nhập trong khoảng thời gian dài. Vẫn có những SV không có việc làm hoặc làm việc trái với ngành nghề đào tạo. Một số SV chưa biết cách lập kế hoạch, định hướng cho các nhân, nhận định mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng, kỹ năng mềm đang còn kém, dẫn tới khi xin việc còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Đổi mới CTĐT, tăng thời lượng thực hành, rèn nghề. Liên chi đoàn tổ chức các lớp học về kỹ năng mềm cho SV	Hội đồng KH&ĐT Khoa. Liên chi Đoàn Khoa	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục củng cố mạng lưới doanh nghiệp, cựu SV Khảo sát số lượng SV tìm được việc làm từ các khóa 46 - nay	Khoa Nông học	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNL, ĐHH, Khoa Nông học luôn xác định hoạt động KHCN là một trong các nhiệm vụ chính. Hoạt động KHCN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và NCKH của SV cũng là một trong những hoạt động KH&CN của Nhà trường, phù hợp với chuẩn đầu ra và tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H1.01.01.05 DC], [H1.01.01.06 DC].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có thông báo về việc đăng ký đề xuất thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở, trong đó có đề tài NCKH SV [H11.11.04.01].

Đối với GV của Khoa, hướng dẫn NCKH SV cũng là một trong những nội dung, nhiệm vụ quan trọng. Theo đó, mỗi một GV được hướng dẫn không quá 01 đề tài, mỗi đề tài không quá 5 sinh viên và phải có một SV chịu trách nhiệm chính (nhóm trưởng). Do đó, các lĩnh vực, các hướng nghiên cứu của SV phần lớn cũng là hướng nghiên cứu chính của GV. Các đề có kinh phí lớn đều phải gắn liền với nghiên cứu sinh viên như đề tài ĐHH, cấp Bộ, cấp Tỉnh [H4.04.02.13], [H4.04.03.08 DC]. Các hướng nghiên cứu này cũng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hình ảnh, vị thế của Khoa, Nhà trường, góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách trong lĩnh vực nông nghiệp [H11.11.04.01] .

Nguồn kinh phí cho hoạt động KHCN hàng năm của trường gồm từ ngân sách của Nhà nước và hỗ trợ từ nguồn thu học phí của SV hệ chính quy [H6.06.01.14 DC], kinh phí từ các đề tài cấp ĐHH, Bộ, Tỉnh. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích các nhóm SV NCKH bằng kinh phí ngoài ngân sách (tự túc kinh phí hoặc nguồn kinh phí khác) theo định hướng chung của Nhà trường. Quá trình đăng ký danh mục đề tài, các điều kiện đăng ký, tổ chức kiểm tra tiến độ và nghiệm thu tương tự như các đề tài sử dụng ngân sách nhà nước [H11.11.04.02], [H4.04.02.14 DC]. Vì vậy, hàng năm Khoa có rất nhiều đề tài NCKH của SV được thực hiện.

Bảng 11.2. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Khoa Nông học từ năm 2016 - 2020 [H11.11.03.03], [H11.11.04.04].

Năm	Số lượng đề tài	Kinh phí (đồng)
2016	6	16.000.000
2017	2	10.000.000
2018	10	41.000.000
2019	3	15.000.000
2020	7	45.000.000

Số lượng đề tài NCKH của SV Khoa Nông học hàng năm so với các CTĐT thuộc các Khoa khác trong Trường như Khoa Lâm nghiệp nhiều hơn và kinh phí để thực hiện đề tài cũng nhiều hơn. Kinh phí đề tài tăng mạnh theo các năm, năm 2018, kinh phí đề tài dành cho NCKH sinh viên tăng gần gấp đôi so với năm 2017, năm 2019 tổng kinh phí là 5 triệu đồng/đề tài. Số lượng đề tài NCKH sinh viên hàng năm cũng được cân đối để phù hợp với kinh phí và chất lượng, tính mới của các đề xuất [H4.04.03.08.DC], [H11.11.03.03]. Chất lượng

các nghiên cứu thường xuyên được cải tiến, thông qua công tác đánh giá, giám sát, khen thưởng [H11.11.04.02], [H6.06.06.04.DC], [H11.11.04.05], [H11.11.04.06], [H4.04.02.14].

Nhà trường, Khoa luôn tuân thủ trong quá trình thực hiện cũng như đã xây dựng, bổ sung hệ thống các văn bản, biểu mẫu quy định, hướng dẫn thực hiện hoạt động NCKH SV và công khai hóa trên website của Trường nhằm giúp người nghiên cứu thực hiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả [H6.06.04.04 DC], [H11.11.04.05].

Tất cả các đề tài NCKH SV đều được thực hiện theo đúng quy trình tuyển chọn đề tài [H4.04.02.12 DC], [H4.04.02.14.DC]. Hàng năm, Nhà trường và Khoa thông báo về việc đề xuất thực hiện đề tài NCKH SV, SV sẽ tự thành lập nhóm và đăng ký với giáo viên hướng dẫn, sau đó đăng ký danh mục lên Khoa. Khoa sẽ thành lập Hội đồng thông qua thuyết minh, Nhà trường ra quyết định giáo viên hướng dẫn trước khi thực hiện đề tài [H11.11.04.06]. Sau khi kết thúc đề tài, SV nộp báo cáo tổng kết NCKH lên Khoa và được đánh giá kết quả rất nghiêm túc và chặt chẽ thông qua Hội đồng nghiệm thu [H4.04.02.14 DC]. Những đề tài đạt kết quả xuất sắc, được tham gia các cuộc thi NCKH sinh viên toàn quốc hàng năm.

Kết quả NCKH của SV đã được tổng hợp và đưa vào Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới hàng năm của Khoa Nông học [H1.01.01.11 DC].

2. Điểm mạnh

SV tham gia tích cực trong NCKH với loại hình đa dạng và số lượng lớn đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường, Khoa và giáo viên hướng dẫn.

3. Điểm tồn tại

Các đề tài được thực hiện còn hạn chế do khó khăn về kinh phí. Trang thiết bị nghiên cứu còn thiếu thốn và chưa hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa tăng cường kết nối tìm sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp, Bộ,	ĐHNL, Khoa Nông	2020

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
		Ban, Ngành đề tăng mức hỗ trợ kinh phí đối với các đề tài NCKH SV.	học	
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ GV, NCV có trình độ và kinh nghiệm	Khoa Nông học	2020

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 6/7 điểm.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động, Khoa Nông học đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển CTĐT trong đó có xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Cụ thể Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo đào tạo theo nhu cầu xã hội, NCKH, chuyển giao công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội đồng thời khảo sát ý kiến của người học, giáo viên, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, CSVC của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp [H11.11.05.01]. Phòng KT,ĐBCLGD,TT&PC là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc qua phiếu khảo sát trực tiếp và online và các ý kiến đóng góp này cũng là cơ sở quan trọng để điều chỉnh CTĐT [H1.01.03.07 DC]. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì Nhà trường cũng có phản hồi kịp thời. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương kịp thời và phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nói chung và đào tạo ngành KHCT nói riêng ngày càng được nâng lên. Mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là thước đo rất quan trọng để Nhà trường tiếp tục có những cải tiến phù hợp theo định hướng chung của Nhà trường. Khoa Nông học thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV, GV và SV thông qua các Hội thảo về xây dựng CTĐT, Hội thảo về đào tạo ngành KHCT gắn với thực tiễn [H11.11.05.02]. Nhà trường cũng thường xuyên khảo sát sự hài lòng của GV, SV về trường phục vụ cho hoạt

động giảng dạy và NCKH [H5.05.03.04 DC], [H11.11.05.04]. Nhà trường đã xác định đánh giá hoạt động giảng dạy của GV là nhiệm vụ hằng năm của Nhà trường [H1.01.03.08 DC]. Kết quả đánh giá là cơ sở để Khoa cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá [H4.04.02.02 DC]. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và định kỳ lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV theo từng học kỳ bằng hình thức khảo sát trực tuyến [H1.01.03.08 DC]. Nội dung khảo sát gồm có 2 phần: Trắc nghiệm và nêu ý kiến. Phần trắc nghiệm là các câu hỏi xoay quanh hoạt động giảng dạy của GV trong đó có các nội dung đánh giá về phương pháp giảng dạy của GV; khả năng khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học; sự công bằng của GV trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của người học; năng lực tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập và nghiên cứu của người học; tạo ra môi trường học tập tích cực [H4.04.02.03 DC], [H4.04.02.04 DC]. Phần nêu ý kiến là câu hỏi mở để người học có thể bày tỏ cụ thể các ý kiến khác nhằm góp ý cho GV cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy [H11.11.05.05]. Sau khi kết thúc đợt khảo sát, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC của Trường tiến hành thu thập, xử lý dữ liệu, phân tích, tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát cho lãnh đạo Nhà trường và gửi kết quả cho các Trường khoa. Căn cứ kết quả đánh giá của SV, Trường khoa có biện pháp quản lý cụ thể, giúp GV phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại trong quá trình giảng dạy [H11.11.05.06] [H4.04.02.04 DC], [H4.04.02.09 DC]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường và Khoa tiến hành khảo sát ý kiến của SV năm cuối, doanh nghiệp về chất lượng ngành học [H1.01.03.07 DC]. Trên cơ sở đó Nhà trường điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn với yêu cầu của người học, điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng lao động [H1.01.03.06 DC]. Hằng năm, Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình về định hướng nghề nghiệp và tuyển dụng [H11.11.05.07]. Ngoài việc tạo cơ hội cho SV tiếp cận doanh nghiệp và được tuyển dụng thì những thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp cũng là cơ sở quan trọng để Nhà trường và Khoa cập nhật và cải tiến nâng cao CLĐT. Nhìn chung, các kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của các nhà tuyển dụng là hài lòng về những kiến thức chuyên môn mà SV ngành KHCT tại Trường. Trong các buổi hội thảo góp ý về CTĐT ngành KHCT đều có sự tham gia của các nhà tuyển dụng, cựu SV, GV và SV. Với ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động, đa số đều đánh giá cao kiến thức của SV ngành KHCT được đào tạo, SV có phẩm chất đạo đức tốt, ham học hỏi, có tinh thần cầu thị. Đây là nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến

CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu xã hội [H11.11.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương pháp triển khai tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan qua khảo sát trực tiếp và online. Mức độ hài lòng của người học, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành KHCT được Nhà trường, Khoa Nông học xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, Khoa, ngành KHCT chưa được thực hiện thường xuyên. Kế hoạch hành động từ năm học 2019 - 2020, Khoa Nông học phối hợp với Phòng KT,ĐBCLGD,TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hằng năm. Tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện thường xuyên hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan	Khoa Nông học, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Hằng năm
		Thực hiện nghiêm túc việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.	Khoa Nông học, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Hằng năm
		Điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và đầy đủ thông tin	Khoa Nông học, Phòng KT, ĐBCLGD, TT&PC	Hằng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến chất lượng CTĐT, CĐR để tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan	Khoa Nông học, Trường ĐHNL	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7 điểm.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV cảnh báo học tập, buộc thôi học của CTĐT ngành KHCT đã giảm, tỉ lệ SV khá, giỏi ngày càng tăng. Sự phản hồi thông tin của các bên liên quan giúp cải tiến chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu của ngành KHCT.

SV tích cực tham gia các đề tài NCKH cấp SV, cấp Trường, cấp ĐHH và các cấp cao hơn. Nhiều SV ngành KHCT đã nhận được các học bổng khuyến khích học tập từ các doanh nghiệp.

SV ngành KHCT sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn tốt và ngoại ngữ khá nhanh chóng tìm được việc làm ở các môi trường khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, tổ chức tư nhân nhờ khả năng thích ứng cao với các yêu cầu thực tế và được các tổ chức sử dụng lao động đánh giá cao về chất lượng đào tạo của Khoa Nông học.

Tiêu chuẩn 11 có 04 tiêu chí đạt 5/7, 01 tiêu chí đạt 6/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Nhà trường đã mô tả đầy đủ các mặt liên quan, nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động đối với CTĐT Khoa học cây trồng trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa Nông học, Nhà trường đã tuyên bố với xã hội.

CTĐT của ngành KHCT được xây dựng ngay từ khi mới thành lập trường, đã trải qua một thời gian lịch sử lâu dài với trên 50 năm xây dựng và trưởng thành. Trong suốt thời gian đào tạo, CTĐT thường xuyên được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu đào tạo và CĐR của ngành. Hiện nay, CTĐT ngành KHCT đã CĐR rõ ràng cùng với bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. Các thông tin này có thể được tiếp cận dễ dàng qua Website của Nhà trường. Phương pháp giảng dạy, đánh giá người học thường xuyên được đổi mới để người học tiếp cận với các kiến thức lý thuyết và thực tế. Ngành KHCT đã thay đổi phương pháp tiếp cận dạy và học theo hướng dạy học tích cực để giúp người học đạt được CĐR cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời và đưa ra phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Hiện nay, đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành KHCT được đánh giá là có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ CB hỗ trợ với vai trò trợ giúp GV hoàn thành nhiệm vụ và người học có kết quả học tập tốt được tuyển dụng theo đúng quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường.

Với mong muốn trở thành trường Đại học đầu ngành về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển của Miền Trung, của cả nước và hướng đến quốc tế, Trường ĐHNL đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng như Đánh giá ngoài, điều chỉnh CTĐT theo Thông tư 07 của Bộ GDĐT; đào tạo và đào tạo lại cán bộ giảng dạy; nâng cấp các trang thiết bị cho đào tạo và NCKH. Hợp tác với các tổ chức quốc tế và trong nước trong cải tiến CTĐT theo hướng tiếp cận thị trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá CTĐT, ngành KHCT, Khoa Nông học, Nhà trường đã nhận thấy một số những vấn đề còn tồn tại đó là: CĐR đã được công bố nhưng phương pháp đánh giá sản phẩm đào tạo đạt CĐR còn

nhiều khó khăn; các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở cấp Khoa, Bộ môn còn hạn chế; công tác đổi mới cách thức ra đề và thay đổi bộ đề thi các học phần còn chưa được thực hiện liên tục, chủ yếu là sử dụng ngân hàng đề và thi tự luận; tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn còn thấp; kinh phí nghiên cứu chưa cao. Do đó, để đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT của ngành KHCT, Nhà trường và Khoa Nông học đã đưa ra kế hoạch để khắc phục những vấn đề còn đang tồn tại đồng thời cải tiến chất lượng CTĐT: định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan; bản mô tả CTĐT, CTDH có cấu trúc rõ ràng và trình tự logic, đầy đủ thông tin và mang tính cập nhật; khuyến khích GV tích cực học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước, đăng ký tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp; đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của đào tạo tín chỉ, tăng cường tính chủ động của SV trong các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nghe và thảo luận báo cáo chuyên đề; đề cao vai trò của công tác CVHT trong quản lý học tập của SV; thường xuyên cải tạo, nâng cao CSVC và trang thiết bị đặc biệt là công tác phòng cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH có chất lượng cao và có chú ý đến nhu cầu người khuyết tật.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHNL trân trọng đề nghị Bộ GDĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành KHCT được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí được tổng hợp trong bảng dưới đây:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế**

Mã: **DHL**

Tên CTĐT: **Khoa học cây trồng**

Mã CTĐT: **7620110**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,33	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,20	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2						6				
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,80	5	100
Tiêu chí 8.1						6				
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5						6				
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,40	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4						6				
Tiêu chí 11.5						6				
Đánh giá chung CTĐT								5,06	50	100

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG 

 PGS.TS. Trần Thanh Đức

PHẦN IV. PHỤ LỤC
CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường ĐHNL, ĐHH
 - Tiếng Anh: University of Agriculture and Forestry, Hue University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHNL, ĐHH
 - Tiếng Anh: HUAF
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Nông nghiệp II
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: ĐHH
5. Địa chỉ: 102 Phùng Hưng, Thuận Thành, Thành phố Huế
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: +84 234.3522.535 +84 234.3525.049
 Số fax: +84 234.3524.923
7. E-mail: admin@huaf.edu.vn Website: https://huaf.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1967
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1967
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1972
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Nông học

- Tiếng Anh: Faculty of Agronomy

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:

14. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Khoa học cây trồng
- Tiếng Anh: Crop Science

15. Mã CTĐT: 7620110

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Trồng trọt

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Trồng trọt

18. Số điện thoại liên hệ: +84 234 3525544 Số Fax: +842343524923

E-mail: khoa_nonghoc@huaf.edu.vn Website: <https://nh.huaf.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1967

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1967

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1971

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Nông học, Trường ĐHNL, ĐHH được thành lập năm 1967, là cơ sở đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KHCT có uy tín trên thế giới và trên toàn quốc. Mục tiêu của Khoa là đào tạo nguồn khoa học kỹ thuật chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế. Có kiến thức hệ thống và hiện đại về KHCT; có các kỹ năng nghiên cứu và các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, có tư duy phản biện, có phẩm chất đạo đức, có khả năng phát triển bản thân.

Bộ máy tổ chức của Khoa Nông học hiện nay gồm: Ban Chủ nhiệm Khoa (1 Trưởng khoa và 2 Phó Trưởng khoa), 3 Tổ Bộ môn (Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông nghiệp công nghệ cao), 1 Trung tâm (Trung tâm Nghiên cứu và Dịch vụ nông nghiệp), 7 phòng Thực hành, thực tập, khuôn

viên Khoa cũng là nơi để cho sinh viên triển khai các thí nghiệm nghiên cứu. Ngoài ra, Khoa còn có Bộ phận trợ lí, Văn phòng và các CVHT.

Hiện nay, khoa có 7 CTĐT ngành cho hệ kỹ sư, gồm: CTĐT ngành KHCT; CTĐT ngành Bảo vệ thực vật, CTĐT ngành Nông học, CTĐT ngành Nông nghiệp công nghệ cao, CTĐT ngành Sinh học ứng dụng, CTĐT ngành Công nghệ Rau hoa quả và cảnh quan, CTĐT ngành Khoa học Đất. Có 2 ngành đào tạo thạc sĩ là ngành KHCT và ngành Bảo vệ thực vật. Có 2 ngành đào tạo bậc tiến sĩ là ngành KHCT và ngành Bảo vệ thực vật.

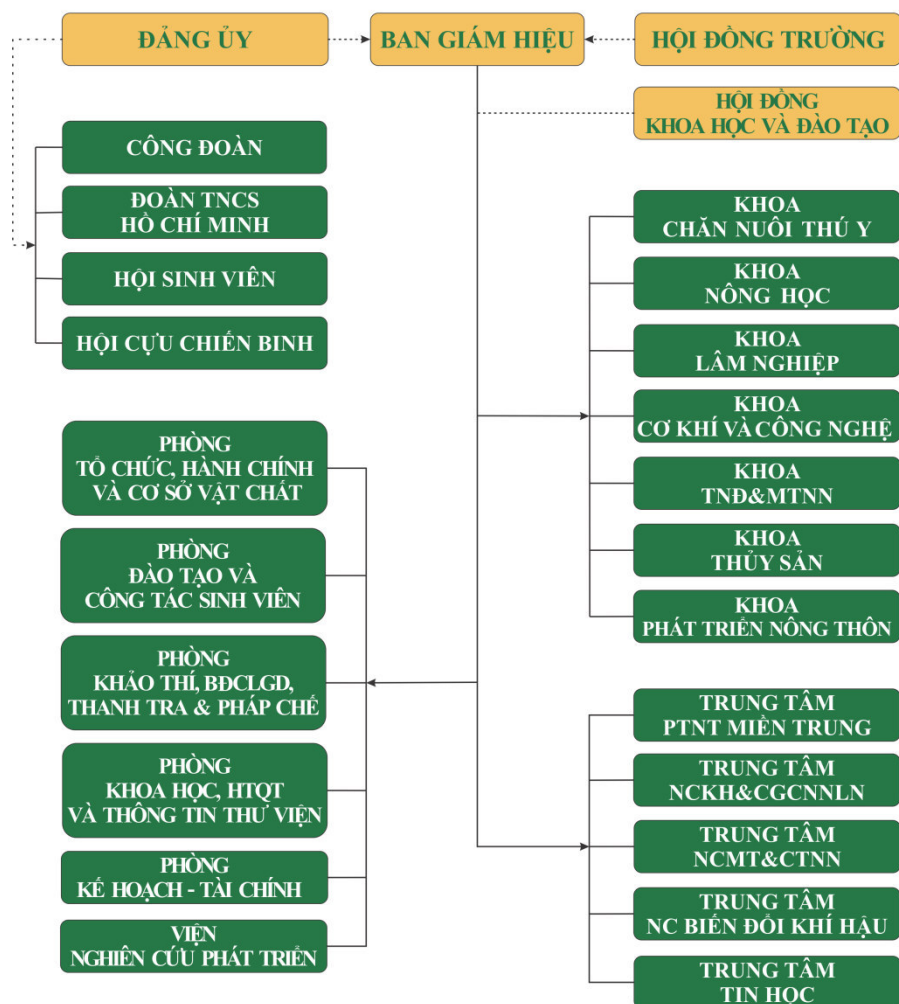
Khoa Nông học có đội ngũ các GV, NCV có trình độ cao được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị tiến sĩ chiếm 26,7%, tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học hàm GS, PGS chiếm 15,5%. Một số cán bộ giảng viên trong khoa đồng thời là các nhà nghiên cứu, các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực Khoa học cây trồng. Các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh có cơ hội thực hiện hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học yêu thích dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Qua đó người học có cơ hội trải nghiệm, học hỏi, trau dồi kiến thức và rèn luyện những kỹ năng cần thiết của một nhà khoa học.

Trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế, Khoa Nông học có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu với nhiều đoàn chuyên gia từ các trường đại học và các tổ chức quốc tế như: Nhật, Đức, Bỉ, Thái Lan, Philippine,... để trao đổi học thuật và thảo luận khả năng hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hợp tác với Đại học Colonge, Đức và IRRI nghiên cứu về biến đổi khí hậu trong sản xuất lúa. Ngoài ra đã tham gia các dự án hợp tác với Hà Lan về đào tạo (POHE2, ACCCU) và hợp tác với các trường Đại học Thái Lan về trao đổi sinh viên, cán bộ và nghiên cứu khoa học.

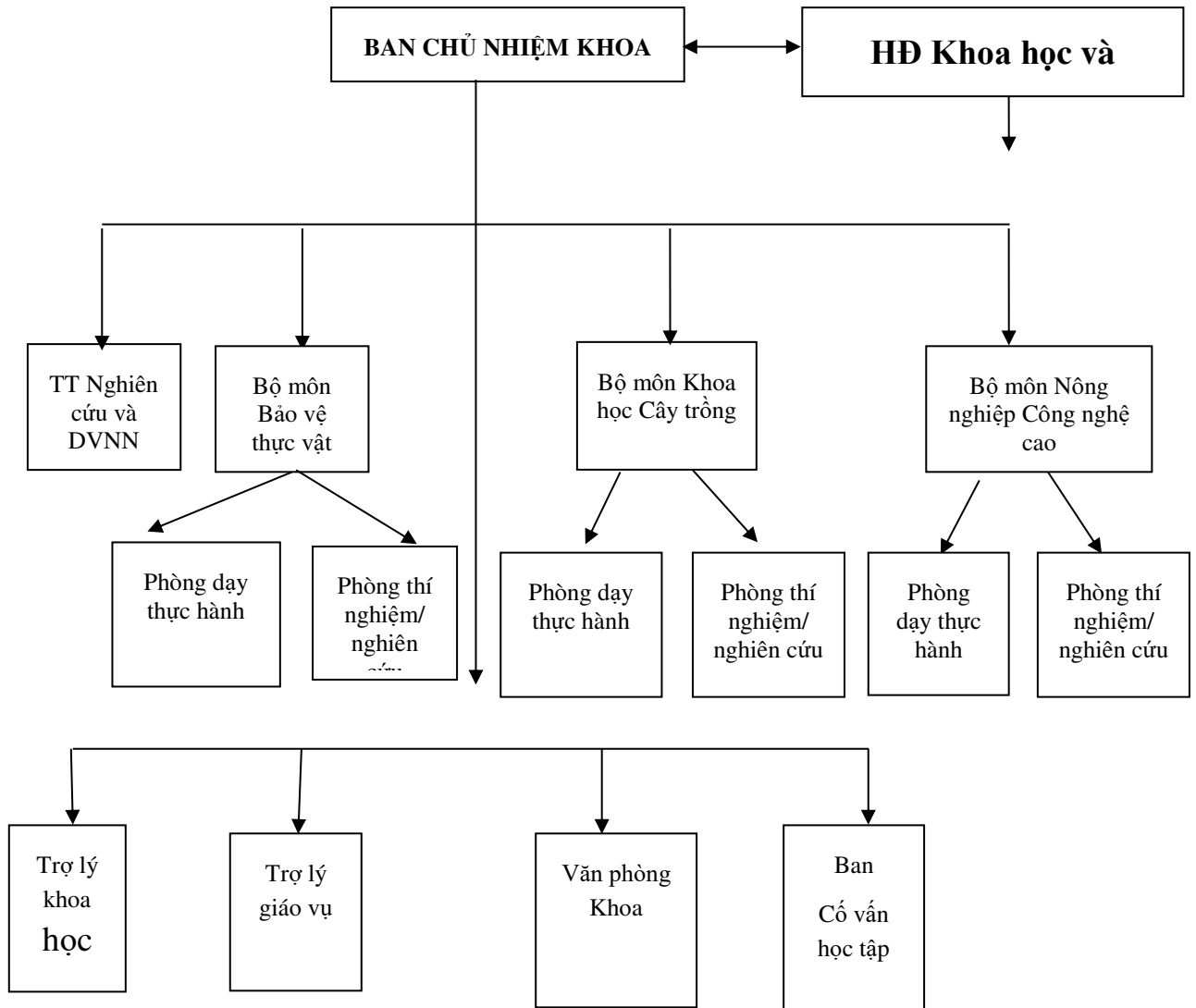
23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

- Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục:

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC



- Cơ cấu tổ chức hành chính Khoa Nông học:



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Trường						
1	Ban Giám hiệu	Trần Thanh Đức	1975	PGS. TS, Hiệu trưởng	0914202428	tranthanhduc@huaf.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Lê Đình Phùng	1974	GS. TS, Phó Hiệu trưởng	0978306147	phung.ledinh@huaf.edu.vn
Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Ban chủ nhiệm Khoa	Lê Như Cương	1974	PGS.TS, Trưởng khoa	0914242922	lecuong@huaf.edu.vn
2.	Ban chủ nhiệm Khoa	Hoàng Thị Thái Hòa	1973	GS.TS, Phó Trưởng khoa	0914546204	hoangthithaihoa@huaf.edu.vn
3.	Ban chủ nhiệm Khoa	Phan Thị Phương Nhi	1980	PGS.TS, Phó Trưởng khoa	0943822155	phanthiphuongnhi@huaf.edu.vn
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Chi ủy	Lê Như Cương	1974	PGS.TS, Bí thư	0914242922	lecuong@huaf.edu.vn
		Trần Minh Quang	1983	ThS, Phó bí thư	0914458487	tranminhquang@huaf.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Hoàng Thị Thái Hòa	1973	GS.TS, Chi ủy viên	0914546204	hoangthithaihoa@huaf.edu.vn
2.	Công đoàn	Trần Minh Quang	1983	ThS, Chủ tịch công đoàn	0914458487	tranminhquang@huaf.edu.vn
		Trần Thị Hoàng Đông	1981	TS, Phó chủ tịch công đoàn	0983905241	tranthihoangdong@huaf.edu.vn
		Trần Thị Thu Giang	1982	TS, Ủy viên	01238682668	thugiang@huaf.edu.vn
		Trần Thị Xuân Phương	1984	TS, Ủy viên	0914313139	tranthixuanphuong@huaf.edu.vn
		Vũ Tuấn Minh	1979	TS, Ủy viên	0983357677	vutuanminh@huaf.edu.vn
3.	Đoàn TN	Phùng Lan Ngọc	1993	ThS, Bí thư Liên chi	0383654382	phunglanngoc@huaf.edu.vn
Các bộ môn						
1.	Bảo vệ thực vật	Trần Thị Hoàng Đông	1981	TS, Trưởng bộ môn	0983905241	tranthihoangdong@huaf.edu.vn
2.	Khoa học Cây trồng	Trịnh Thị Sen	1976	TS, Trưởng bộ môn	0905428516	trinhthisen@huaf.edu.vn
3.	Nông nghiệp công nghệ cao	Nguyễn Đình Thi	1977	PGS.TS, Trưởng bộ môn	0914239513	nguyendinhthi@huaf.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Trung tâm						
1	Trung tâm Nghiên cứu & Dịch vụ Nông nghiệp	Trần Minh Quang	1983	Giám đốc	0914458487	tranminhquang@huaf.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:
26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 02: KHCT và Bảo vệ thực vật
27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 02: KHCT và Bảo vệ thực vật
28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 07, KHCT, Bảo vệ thực vật, Nông học, Nông nghiệp công nghệ cao, Sinh học ứng dụng, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Khoa học đất.
29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0
31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)		

32. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	20	26	46
I.1	Cán bộ trong biên chế	20	26	46
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	20	26	46

34. Thông kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	0	2	0	0
2	Phó Giáo sư	7	3	0	4	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	9	0	3	0	0
5	Thạc sĩ	16	15	0	1	0	0
6	Đại học	1	1	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	38	28	0	10	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 38 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 38/46 (0,83%)

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành Bộ trưởng Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với PGS theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu bảng 35 được lấy từ bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	5,0	2			2			3
2	Phó Giáo sư	3,0	7	3		4			12,6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						0
4	Tiến sĩ	2,0	12	9		3			19,8
5	Thạc sĩ	1,0	16	15		1			15,3
6	Đại học	0,3	1	1					0,3
	Tổng		38	28		10			51

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	2	5,3	1	1			2		
2	Phó Giáo sư	7	18,4	4	3			5	2	
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	12	31,6	5	7		8	4	0	
5	Thạc sĩ	16	42,1	8	8	1	11	3	1	
6	Đại học	1	2,6		1	1				
	Tổng	38	100	18	20	2	19	14	3	

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,3 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 21/38 (55,26%)

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16/38 (42,11%)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	80	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	10	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	105	85	1,23	74	16,75	17,38	1
2016-2017	87	75	1,16	57	16,0	16,59	0
2017-2018	74	65	1,13	53	15,5	17,91	0
2018-2019	55	52	1,01	42	13,0	17,45	1
2019-2020	15	15	1,00	11	13,5	17,11	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Sinh viên đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	74	57	53	42	11
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
2. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
3. Học sinh TCCN					

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0,15	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	500	500	500	500	50
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	40	35	30	30	30
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	40	35	30	30	30
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	12,5	12,5	12,5	12,5	12,5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	15	15	10	12	2
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	20,2	26,3	18,9	28,6	18,2

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	61	81	78	102	58
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	15	5	15		
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	47	49	52	86	35
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	77	61	67	84	60
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	100
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	50,7	54,2	77,3	68,8	66,1
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	8,7	6,8	12	31	1,6
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100	100	100	100	100
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2019	2018	2017	2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	1	0	0	2	3	12
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	1	4	2	6	14
3	Đề tài cấp trường	0,5	15	17	15	12	13	36
4	Tổng		17	18	19	16	22	62

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 62

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 62/46 (1,3)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	479,2	1,77	10,42
2	2019	577	2,18	12,54
3	2018	3.409	13,13	74,12
4	2017	2.745	9,83	59,67
5	2016	5003,85	15,73	108,78

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	7	66	34	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	9	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	7	75	34	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2019	2018	2017	2016	
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	2	4	2	2	22,0
2	Sách giáo trình	1,5	1	3	4	3	2	19,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	1	2	1	1	5,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	1	0	0,5
5	Tổng		2	6	10	7	5	47,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 47,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $47/46 = 1,02$

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	21	11	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	1	1	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	22	12	1

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2019	2018	2017	2016	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	13	7	6	6	2	51
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	14	15	25	39	18	111
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	5	3	9	7	0	12
	Tổng		32	25	40	52	20	174

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 174

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $174/46 = 3,78$

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	18	2	30
Từ 6 đến 10 bài báo	8	20	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	13	0
Trên 15 bài báo	0	9	0
Tổng số cán bộ tham gia	26	44	30

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2020	2019	2018	2017	2016	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	1	0	2	1	4
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	1	1	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	1	0	3	2	5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $5/46 = 0,11$

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	7	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	7	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2018-2019	0
2017-2018	0
2016-2017	0
2015-2016	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	14	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	14	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020	2019	2018	2017	2016
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 774.300,00 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 774.300m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 702.000 m² Nơi học: 64.500 m² Nơi vui chơi giải trí: 7.800 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 8.840 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,12

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 213

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 5.475

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 335

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 114

- Dùng cho người học học tập: 186

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,3 máy/sinh viên

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 38

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $38/46 = 82,61\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $21/38 (55,26\%)$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $16/38 (42,11\%)$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 391

Tỷ số người học chính quy trên GV: $391/38 (10,29)$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): $269/391 = 68,80\%$

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 75,24%

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 63,42%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 11,83%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5,0

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 62/46 (1,3 đề tài/người)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 53,11 triệu đồng/người

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,02 sách/người

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,78 bài/người

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,11

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,3 máy/người

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,12 m²/SV

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,8 m²/SV

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)